

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện Luật Đất đai năm 2024; Ủy ban nhân dân thị xã Điện Bàn chỉ đạo các phòng, ban và Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Với mục tiêu xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất đáp ứng nhu cầu của các ngành, lĩnh vực; nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn; xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích; diện tích đất cần thu hồi; diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng và danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2025.

Thực hiện Công văn số 2868/STNMT-QLĐĐ ngày 17/10/2024 của Sở Tài nguyên môi trường về Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện, căn cứ quá thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và có cơ sở thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025, UBND thị xã Điện Bàn xây dựng ***“Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam”***

1. Mục tiêu và nhiệm vụ

a. Mục tiêu

Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025 phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, kế hoạch đầu tư công năm 2025; đăng ký triển khai các dự án dân sinh cấp thiết tại địa phương đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền; và các dự án chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp đã được UBND thị xã cho phép.

b. Nhiệm vụ

- Xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch chi tiết đến từng đơn vị cấp xã.

- Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm 2025: dự án bố trí đất ở; diện tích đất để đầu tư giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi;

- Danh mục các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được chuyển tiếp sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện.

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép;

- Giải pháp, nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Cơ sở pháp lý và tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất

- Luật Đất đai năm 2024;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Nam về việc thông qua và thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng các năm 2023, 2024, 2025 gồm các nghị quyết số: 15/NQ-HĐND ngày 12/7/2023; 67/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; 54/NQ-HĐND ngày 8/12/2023; 24/NQ-HĐND ngày 11/7/2024; 62/NQ-HĐND ngày 6/12/2024.

- Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch sử dụng đất thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam;

- Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 2/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam V/v Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Điện Bàn;

- Công văn số 2868/STNMT-QLĐĐ ngày 17/10/2024 của Sở Tài nguyên môi trường về Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện.

- Thông báo số 18/TB-HĐTĐ ngày 06/03/2025 của Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Nam về Thông báo kết quả thẩm định KHSD đất năm 2025 thị xã Điện Bàn.

3. Sản phẩm dự án

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

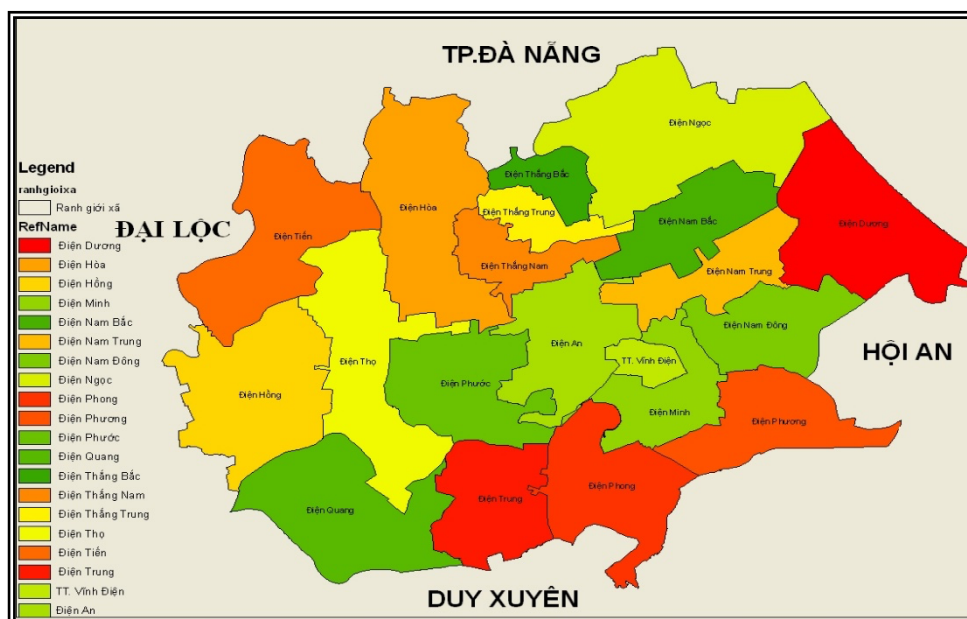
- Các báo cáo chuyên đề: (1) Chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu; (2) Chuyên đề phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của thành phố Hội An; (3) Chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; (4) Chuyên đề kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Điện Bàn là thị xã đồng bằng ven biển phía Bắc của tỉnh Quảng Nam, cách tỉnh lỵ Tam Kỳ 48 km về phía Bắc, cách thành phố Đà Nẵng 25 km về phía Nam. phía Bắc giáp huyện Hòa Vang và quận Ngũ Hành Sơn (Thành phố Đà Nẵng), phía Nam giáp huyện Duy Xuyên, phía Đông Nam giáp Thành phố Hội An, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp huyện Đại Lộc. Địa bàn thị xã Điện Bàn trải từ 15°50' đến 15°57' vĩ độ Bắc và từ 108° đến 108°20' kinh độ Đông. Diện tích tự nhiên 21.497,00 ha. Toàn thị xã được chia thành 20 đơn vị hành chính trực thuộc bao gồm: 12 phường và 8 xã.



Hình 1.1. Bản đồ hành chính thị xã Điện Bàn

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Địa thế thấp dần từ Tây sang Đông, mức độ chia cắt trung bình. Ngoài khu vực gò đồi ở Điện Tiến phía Tây của thị xã có độ cao tuyệt đối trên 10m, còn lại hầu hết là địa hình bằng phẳng.

1.1.3. Khí hậu

Khí hậu Điện Bàn có 02 mùa rõ rệt trong năm:

- Mùa khô: từ tháng 01 đến tháng 8, có lượng mưa chiếm 20% ÷ 25% lượng mưa trung bình năm, thường xảy ra hạn hán, nắng nóng, giông tố.
- Mùa mưa: bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 12, lượng mưa chiếm khoảng 75% ÷ 70% lượng mưa trung bình cả năm và thường gây ra lũ, lụt.

1.1.4. Thủy văn

Hệ thống sông của thị xã Điện Bàn phân bố tương đối đồng đều, dòng

sông uốn khúc và nông. Mật độ phân bố trung bình 0,4 km/km², gồm 5 con sông chính sau: Sông Thu Bồn, Sông Yên, Sông Bà Rén, Sông Bình Phước.

1.1.5. Các nguồn tài nguyên

1.1.5.1. Tài nguyên đất

Trên địa bàn thị xã có 4 nhóm đất chính sau: Nhóm đất cát biển (C): Diện tích 5.591,05 ha, chiếm 26,04% diện tích tự nhiên. Nhóm đất phù sa (P) : Diện tích 14.958,85 ha, chiếm 69,67% ha diện tích tự nhiên. Nhóm đất mặn (M): Diện tích 485,24 ha, chiếm 2,26% diện tích tự nhiên. Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá (E) : Diện tích khoảng 435,86 ha, chiếm 2,03% diện tích tự nhiên.

1.1.5.2. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt của thị xã được cung cấp từ các hệ thống sông chính như sông Thu Bồn, sông Bà Rén, sông Vĩnh Điện, sông Yên, sông Bình Phước và các hệ thống sông nhỏ khác như sông Thanh Quýt, sông La Thọ, sông Hà Sáu...

1.2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Tình hình phát triển của các ngành kinh tế

1.2.1.1. Công nghiệp-thương mại-dịch vụ-du lịch

Hoạt động sản xuất công nghiệp từng bước có sự tăng trưởng, doanh nghiệp bắt đầu có các đơn đặt hàng mới, giải phóng lượng hàng tồn kho trước đây. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp đến tháng 6 năm 2024 (theo giá hiện hành) ước đạt 10.982 tỷ đồng, tăng 8,05% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Sản xuất tập trung tại Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc tăng 6,15% so với cùng kỳ.

Hoạt động thương mại diễn ra sôi động và tăng hầu hết ở các lĩnh vực; cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng tăng khá. Đến nay, toàn thị xã có 24 chợ, trong đó 03 chợ hạng 02 , 21 chợ hạng 03; các chợ hoạt động tương đối ổn định . Các hoạt động xúc tiến, thu hút khách du lịch cũng được quan tâm chỉ đạo . Làm việc với các đơn vị liên quan để chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị liên kết phát triển du lịch vùng Điện Bàn - Hội An - Duy Xuyên.

1.2.1.2. Nông-Lâm-Ngư nghiệp

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông Xuân 2023-2024: 10.797,04 ha, bằng 99,5% so với cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 44.431 tấn, tăng 2.053 tấn so với cùng vụ năm trước. Triển khai sản xuất gieo trồng vụ Hè Thu 2024, đến nay các địa phương đã gieo sạ được 95% diện tích, lúa giai đoạn tủa dậm, các cây trồng màu đang giai đoạn cây con.

Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn phát triển ổn định , tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát, không phát sinh ổ dịch.

Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 1.997 tấn (-1,52%) so với cùng kỳ), trong đó, sản lượng khai thác: 1.504 tấn, chủ yếu là khai thác biển.

1.2.1.3. Quy hoạch - đền bù giải tỏa, tái định cư, xây dựng cơ bản

Tổ chức rà soát, chuẩn hóa hồ sơ quy hoạch chung của thị xã phù hợp với quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024. Đồng thời, rà soát công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch trên địa bàn thị xã trong thời gian qua, trên cơ sở đó, giải quyết và đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc phát sinh có liên quan.

Tập trung huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, diện mạo khu vực đô thị và nông thôn có nhiều chuyển biến rõ rệt; các dự án giao thông trọng điểm được đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng.

Công tác giải phóng mặt bằng được tập trung chỉ đạo; trong 6 tháng đầu năm có 8 phương án bồi thường của 7 dự án được duyệt, với tổng giá trị BT, HT là 16,98 tỷ đồng (thấp hơn so với 6 tháng đầu năm 2023 là 14,22 tỷ đồng). Bàn giao diện tích đã GPMB cho chủ đầu tư thi công các dự án với diện tích 8,9ha.

Công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn chú trọng, trong 6 tháng đầu năm, đã tổ chức kiểm tra trên 100 lượt đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn; ra quyết định xử phạt với tổng số tiền phạt 170.000.000 đồng.

1.2.2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

Tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động trực quan, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao và các ngày lễ lớn. Nhiều hoạt động thể thao được tổ chức trong chương trình Đại hội Thể dục thể thao cấp cơ sở lần thứ X, thu hút đông đảo vận động viên tham gia thi đấu và cổ vũ của Nhân dân. Tiếp tục tham mưu thực hiện thủ tục hồ sơ danh mục các dự án thuộc Đề án Xây dựng hệ thống truyền thanh sử dụng CNTT-VT giai đoạn 2022-2025.

Chỉ đạo thực hiện các giải pháp phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, quan tâm đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng trường, lớp học. Tiếp tục giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên ngành GDĐT; thực hiện quy trình dự nguồn, bổ nhiệm cán bộ quản lý theo đúng quy định.

Công tác y tế, dân số, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân được chú trọng, đã khám và điều trị 278.245 lượt người. Công tác kiểm tra ATTP được quan tâm, tổ chức kiểm tra 31 cơ sở thực phẩm, ra quyết định xử phạt 04 cơ sở với số tiền 17.500.000 đồng.

Công tác đền ơn, đáp nghĩa, chăm sóc người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được tập trung chỉ đạo; kịp thời thăm hỏi, động viên và tặng quà của Trung ương, tỉnh, thị xã, các tổ chức, cá nhân đến các đối tượng chính sách người có công cách mạng, bảo trợ xã hội, người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện, qua đó, giải

quyết việc làm cho 3.550 lao động. Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024.

1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thị uỷ; giám sát của HĐND; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của UBMTTQVN thị xã, các đoàn thể; các ngành, địa phương và nhân dân trong thị xã, cùng với sự tập trung lãnh đạo, điều hành công tác của UBND thị xã, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực. Hoạt động sản xuất công nghiệp từng bước phục hồi tăng trưởng trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều biến động. Sản xuất nông lâm thủy sản ổn định, thời tiết thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng, cây trồng được mùa. Nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi. Công tác an sinh xã hội được chăm lo chu đáo. An ninh - quốc phòng được giữ vững, hoàn thành tốt công tác giao nhận quân đạt 100% chỉ tiêu...

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế: thu ngân sách đạt thấp, dự kiến sẽ hụt thu trong cân đối ngân sách khoảng 879.000 triệu đồng; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp; công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư được tập trung chỉ đạo quyết liệt nhưng vẫn còn một số vướng mắc kéo dài, nhất là các dự án trọng điểm, dự án trong các cụm công nghiệp chưa được giải quyết dứt điểm...

* Nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Một số cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn trên một số lĩnh vực còn nhiều bất cập, chậm hướng dẫn triển khai thực hiện của cơ quan có thẩm quyền, nhất là trên lĩnh vực quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng...

+ Thu tiền sử dụng đất và Thuế tiêu thụ đặc biệt (nhà máy bia) chiếm trên 50% dự toán thu được giao nhưng liên tiếp 2 năm không đạt, ảnh hưởng rất lớn trong chỉ đạo, điều hành ngân sách.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Nhiều địa phương xác định nguồn gốc đất rất chậm; một số hộ dân có tình không hợp tác, không chịu nhận tiền và bàn giao mặt bằng để triển khai dự án... nhưng chưa có giải pháp kịp thời, quyết liệt.

+ Vẫn có tình trạng e ngại sợ sai trong một bộ phận nhỏ cán bộ công chức, viên chức.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

2.1. Hiện trạng sử dụng đất và kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Trên cơ sở diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 2/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam và hiện trạng

sử dụng đất ước tính đến thời điểm 31/12/2024. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau:

Bảng 2.1. Hiện trạng sử dụng đất và kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm hiện trạng 2023	Diện tích kế hoạch 2024 được duyệt	Kết quả thực hiện năm 2024			Diện tích kế hoạch năm 2024 chưa thực hiện		
					Diện tích	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (6)-(4)	(8)=(7)/[(5)- (4)]*100	(9) = (6)-(5)	(10)	(11) = (9)-(10)
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		21.632,39	21.632,39	21.632,39					
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.139,33	10.773,16	11.129,47	-9,86	2,69	356,31	324,78	31,53
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.187,00	6.027,32	6.183,96	-3,04	1,90	156,64	133,09	23,55
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	6.187,00	6.027,32	6.183,96	-3,04	1,90	156,64	133,09	23,55
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.883,31	3.756,08	3.877,17	-6,14	4,83	121,09	118,22	2,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	736,17	657,61	735,49	-0,68	0,87	77,88	73,43	4,45
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	105,81	105,81	105,81					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	30,13	29,47	30,13			0,66		0,66
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	192,98	192,94	192,98			0,04	0,04	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT								
1.9	Đất làm muối	LMU								
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,93	3,93	3,93					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.585,08	9.993,64	9.597,84	12,76	3,12	395,80	370,47	25,33
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.663,28	1.764,12	1.662,26	-1,02	1,01	101,86	100,11	1,75
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.634,22	2.643,45	2.636,15	1,93	20,91	7,30	-15,22	22,52
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,72	18,43	18,72			0,29	0,29	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	91,10	94,18	94,01	2,91	94,48	0,17	0,17	
2.5	Đất an ninh	CAN	3,03	4,35	3,03			1,32	1,32	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	188,65	191,86	188,97	0,32	9,97	2,89	0,19	2,70
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	11,83	12,86	12,18	0,35	33,98	0,68	0,68	
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,54	0,54	0,54					
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,62	12,34	9,62			2,72	0,02	2,70

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm hiện trạng 2023	Diện tích kế hoạch 2024 được duyệt	Kết quả thực hiện năm 2024			Diện tích kế hoạch năm 2024 chưa thực hiện		
					Diện tích	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	112,56	113,32	112,53	-0,03	3,95	0,79	0,79	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	53,99	52,69	53,99			1,30	1,30	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH								
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT								
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT								
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,11	0,11	0,11					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	809,82	934,45	814,93	5,11	4,10	119,52	119,32	0,20
-	Đất khu công nghiệp	SKK	258,26	258,26	258,26					
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	141,94	256,83	147,05	5,11	4,45	109,78	109,78	
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT								
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	325,18	335,09	325,18			9,91	9,91	
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	74,85	74,48	74,85			0,37	0,37	
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	9,59	9,79	9,59			0,20	0,00	0,20
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.964,30	2.155,89	1.971,01	6,71	3,50	184,88	180,88	4,00
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.658,10	1.776,98	1.665,73	7,63	6,42	111,25	111,25	
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	160,81	160,01	159,89	-0,92	115,00	0,12	0,12	
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT								
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC								
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	12,07	14,60	12,07			2,53	2,53	
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,30	4,47	3,30			1,17	1,17	
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,20	4,44	4,20			0,24	0,24	

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm hiện trạng 2023	Diện tích kế hoạch 2024 được duyệt	Kết quả thực hiện năm 2024			Diện tích kế hoạch năm 2024 chưa thực hiện		
					Diện tích	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,88	0,88	0,88					
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	12,79	12,79	12,79					
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	112,15	181,72	112,15			69,57	65,57	4,00
2.9	Đất tôn giáo	TON	11,62	11,62	11,62					
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	40,59	40,20	40,59			0,39	0,39	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	754,44	756,18	754,03	-0,41	23,56	2,15	-2,49	4,64
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.405,30	1.378,90	1.402,51	-2,79	10,57	23,61	18,37	5,24
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	137,77	129,34	136,54	-1,23	14,59	7,20	7,20	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.267,53	1.249,56	1.265,97	-1,56	8,68	16,41	11,17	5,24
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,01	0,01	0,01					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	907,98	865,59	905,08	-2,90	6,84	39,49	39,29	0,20
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	907,98	865,59	905,08	-2,90	6,84	39,49	39,29	0,20
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS								
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS								
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS								
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*									

*** Chỉ tiêu đất nông nghiệp:** Gồm 7 chỉ tiêu, có 5 chỉ tiêu đạt tỷ lệ trên 100% so với kế hoạch đã duyệt, 2 chỉ tiêu đạt 100%. Cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa:

Kết quả thực hiện đất chuyên trồng lúa là 6.183,96 ha; cao hơn 156,64 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 102,60%. Nguyên nhân:

Kế hoạch chuyển mục đích đất lúa năm 2024 là 159,68 ha, kết quả thực hiện là 3,04 ha, thấp hơn so với phê duyệt là 156,64 ha.

Dự án sử dụng đất trồng lúa đã thực hiện chuyển mục đích: Cụm công nghiệp Trảng Nhứt II; Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Cao Vân (Đoạn từ Mẹ Thứ đến Cao Thắng); Nhà lưu niệm Chí sĩ Trần Quý Cáp; Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 2.

Dự án sử dụng đất trồng lúa với diện tích lớn nhưng chưa thực hiện được như: Đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam; Dự án Cầu Văn Ly và đường dẫn; Khu dân cư Nam Điện An giai đoạn 2; Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Triêm Đông 2, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị; Nạo vét thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò tại phường Điện Dương; Nạo vét khơi thông sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14+ 000 đến Km 18 + 900; Khu dân cư mới Quang Phường; Khu dân cư trung tâm hành chính xã Điện Phước; Khu du lịch, dịch vụ lưu trú nghỉ dưỡng Venus - Điện Hòa; Khu dân cư Bình Long, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn; Khu đô thị Ngân Cầu; Khu đô thị QNK I.

- Kết quả thực hiện đất trồng cây hàng năm khác là 3.877,17 ha; cao hơn 121,09 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 103,22%. Nguyên nhân:

Kế hoạch chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm khác năm 2024 là 127,23 ha, kết quả thực hiện là 6,14 ha, thấp hơn so với phê duyệt là 121,09 ha.

Dự án sử dụng đất trồng cây hàng năm khác đã thực hiện chuyển mục đích: Cụm công nghiệp Trảng Nhứt II; Tuyến đường từ công ty may Huy Hoàng đến nhà ông Lê Viết Thu; Đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, hoàn trả đoạn Km0-Km1+700 đường ĐT.609 (cũ); Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối ĐT409 với ĐT605; Khu tái định cư phục vụ dự án cầu Cẩm Kim; Cụm công nghiệp An Lưu; Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu ông Điền).

Dự án sử dụng đất trồng cây hàng năm khác với diện tích lớn nhưng chưa thực hiện được như: Cụm công nghiệp Trảng Nhứt I; Khu dân cư thôn 1 Điện Dương giai đoạn 3; Cụm công nghiệp An Lưu; Đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị phía đông đường Trần Thủ Độ - Evergreen; Khu đô thị Hưng Thịnh mở rộng.

- Kết quả thực hiện đất trồng cây lâu năm là 735,49 ha; cao hơn 77,88 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 111,84%. Nguyên nhân:

Kế hoạch chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm năm 2024 là 78,56 ha, kết quả thực hiện là 0,68 ha, thấp hơn so với phê duyệt là 77,88 ha.

Dự án sử dụng đất trồng cây lâu năm đã thực hiện chuyển mục đích: Mở rộng khu sơ tán quân sự; Tuyến đường từ ĐT 609 cũ đến Bờ Kè Thanh Toa; Đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, hoàn trả đoạn Km0-Km1+700 đường ĐT.609.

Dự án sử dụng đất trồng cây lâu năm với diện tích lớn nhưng chưa thực hiện được như: Cụm công nghiệp Trảng Nhứt I; Đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc; Cụm công nghiệp Thương Tín; Cụm công nghiệp An Lưu;

Khu dân cư Phúc Thành; Khu du lịch và nghỉ dưỡng cao cấp (trừ phân khu 1) ; Khu đô thị số 4, Đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (đăng ký diện tích còn lại, không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh).

- Kết quả thực hiện đất rừng phòng hộ là 105,81 ha; bằng so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 100% (Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 không đăng ký chuyển mục đích đất rừng phòng hộ).

- Kết quả thực hiện đất rừng sản xuất là 30,13 ha; cao hơn 0,66 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 102,24%. Nguyên nhân:

Kế hoạch chuyển mục đích đất rừng sản xuất năm 2024 là 0,66 ha để thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng tượng đài chiến thắng Bò Bò, đến nay dự án vẫn chưa thực hiện.

- Kết quả thực hiện đất nuôi trồng thủy sản là 192,98 ha; cao hơn 0,04 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 100,02%. Nguyên nhân:

Kế hoạch chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản năm 2024 là 0,04 ha để thực hiện dự án Khu đô thị Tân Khang, đến nay dự án vẫn chưa thực hiện.

- Kết quả thực hiện đất nông nghiệp khác là 3,93 ha; bằng so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 100% (Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 không đăng ký chuyển mục đích đất nông nghiệp khác).

*** Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp:**

Gồm 29 chỉ tiêu, trong đó có 5 chỉ tiêu đạt tỷ lệ trên 100%, 7 chỉ tiêu đạt tỷ lệ 100%; 17 chỉ tiêu đạt tỷ lệ dưới 100%. Cụ thể các chỉ tiêu chênh lệch lớn hoặc vượt so với chỉ tiêu phê duyệt như sau:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kết quả thực hiện đất xây dựng trụ sở cơ quan là 18,72 ha; cao hơn 0,29 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 101,57%. Nguyên nhân:

+ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 không đăng ký thực hiện dự án xây dựng trụ sở cơ quan.

+ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phê duyệt giảm 0,29 ha đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang đất giao thông để thực hiện các dự án Cầu Nghĩa Tự; Cầu Phong Thử trên tuyến ĐT.609 (nâng cấp, mở rộng),... nhưng kết quả chưa thực hiện được nên cân đối đất xây dựng trụ sở cơ quan cao hơn 0,29 ha so với kế hoạch phê duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: Kết quả thực hiện đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao là 53,99 ha; cao hơn 1,30 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 102,47%. Nguyên nhân:

+ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đăng ký thực hiện 02 dự án xây dựng cơ sở thể dục, thể thao với tổng diện tích 0,98 ha nhưng chưa thực hiện được.

+ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phê duyệt giảm 2,28 ha đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao chuyển sang đất ở đô thị để thực hiện các dự án Khu dân cư thôn 1 Điện Dương giai đoạn 3; Khu đô thị R.O.S.E ĐÔ; Khu dân cư trung tâm hành chính xã Điện Phước,... nhưng kết quả chưa thực hiện được nên cân đối đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao cao hơn 1,30 ha so với kế hoạch phê duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Kết quả thực hiện đất có mặt nước chuyên dùng là 136,54 ha; cao hơn 7,20 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 105,57%. Nguyên nhân:

+ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phê duyệt tăng thêm 31,63 ha đăng ký thực hiện các dự án Nạo vét khơi thông sông Cổ Cò. Kết quả thực hiện được 0,80 ha (đã thực hiện dự án Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An, Cầu ông Diên và một phần dự án Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An, Cầu Nghĩa Tự).

+ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phê duyệt giảm 42,86 ha để chuyển sang các mục khác phục vụ thực hiện các dự án như: Cụm công nghiệp Trảng Nhật I; Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị; Khu cải táng mồ mả phường Điện Ngọc; Cụm công nghiệp An Lưu; Khu đô thị R.O.S.E ĐÔ; Đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị phía đông đường Trần Thủ Độ - Evergreen;.... Kết quả thực hiện chuyển mục đích được 8,00 ha để thực hiện các dự án như: Cụm công nghiệp Trảng Nhật II; Đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, hoàn trả đoạn Km0-Km1+700 đường ĐT.609 (cũ); Đầu tư xây dựng Nghĩa trang phường Điện Nam Đông; Cụm công nghiệp An Lưu; Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu Nghĩa Tự), ... nên cân đối đất có mặt nước chuyên dùng cao hơn 7,20 ha so với kế hoạch phê duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Kết quả thực hiện đất cụm công nghiệp là 147,05 ha; thấp hơn 109,78 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 57,26%. Nguyên nhân: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phê duyệt 114,89 ha để thực hiện dự án; kết quả thực hiện được 5,11 ha. Dự án cụm công nghiệp đã thực hiện là: Cụm công nghiệp Trảng Nhật II (xong 3,68/9,60 ha), Cụm công nghiệp An Lưu (xong 1,43/19,72 ha) nên cân đối đất cụm công nghiệp thấp hơn 109,78 ha so với kế hoạch phê duyệt.

*** Chỉ tiêu đất chưa sử dụng**

- Đất bằng chưa sử dụng: Kết quả thực hiện đất bằng chưa sử dụng là 905,08 ha; cao hơn 39,49 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 104,56%. Nguyên nhân: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phê duyệt giảm 42,39 ha để chuyển sang các mục khác phục vụ thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, cụm công nghiệp, dự án đất ở, ... Kết quả thực hiện khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích là 2,90 ha để thực hiện các dự án như: Mở rộng khu sơ tán quân sự; Cụm công nghiệp Trảng Nhật II; Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi

giai đoạn 2, ... nên cân đối đất bằng chưa sử dụng cao hơn 39,49 ha so với kế hoạch phê duyệt.

- Đất có mặt nước chưa sử dụng: Kết quả thực hiện đất có mặt nước chưa sử dụng là 1.265,97 ha; cao hơn 16,41 ha so với kế hoạch phê duyệt; tỷ lệ thực hiện là 101,31%. Nguyên nhân: Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phê duyệt giảm 58,64 ha để chuyển sang các mục khác phục vụ thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, cụm công nghiệp, dự án đất ở, đất thương mại dịch vụ... Kết quả thực hiện khai thác đất có mặt nước chưa sử dụng là 42,23 ha để thực hiện các dự án như: Cụm công nghiệp Trảng Nhặt II; Đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, hoàn trả đoạn Km0-Km1+700 đường ĐT.609 (cũ); Đầu tư xây dựng Nghĩa trang phường Điện Nam Đông; Cụm công nghiệp An Lưu; Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu Nghĩa Tự), ... nên cân đối đất có mặt nước chưa sử dụng cao hơn 16,41 ha so với kế hoạch phê duyệt.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện công trình, dự án đã phê duyệt

a. Kết quả thực hiện

Tổng dự án công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 285 dự án (không thống kê 29 dự án dự án phát triển nhà ở, thương mại dịch vụ đăng ký Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, chưa thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất). Trong đó: 205 dự án được phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 2/4/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Điện Bàn; 80 dự án được UBND tỉnh bổ sung với tổng diện tích 1.268,39 ha, trong đó diện tích đất lúa nước là 194,75 ha. Kết quả như sau:

- Đã thực hiện: 13 dự án đã thực hiện xong, tỷ lệ 4,56% với tổng diện tích đã thực hiện là 30,19 ha, tỷ lệ 2,38%.

- Chuyển tiếp sang 2025: 259 dự án, tỷ lệ 90,88% với tổng diện tích 1.200,23 ha, tỷ lệ 94,63%.

- Hủy bỏ: 13 dự án, tỷ lệ 4,56% với tổng diện tích 37,97 ha, tỷ lệ 2,99%.

b. Nguyên nhân phải chuyển tiếp các dự án

Tổng dự án chuyển tiếp là 259 dự án, nguyên nhân cụ thể như sau:

- Nhóm dự án đã thực hiện xong công tác thu hồi đất, đang lập hồ sơ đề nghị cấp thẩm quyền giao đất (chuyển tiếp 32 dự án)

- Nhóm dự án đất ở đã được cấp thẩm quyền giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa thu hồi phải chuyển sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện (chuyển tiếp 17 dự án)

- Nhóm dự án đã thực hiện xong một phần diện tích, phần còn lại chuyển sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện (chuyển tiếp 28 dự án)

- Nhóm dự án mới thực hiện các bước đo đạc, ban hành kế hoạch/thông báo thu hồi đất, chưa được phê duyệt phương án bồi thường và quyết định thu hồi đất (chuyển tiếp 71 dự án)

- Nhóm dự án đất ở chưa được cấp thẩm quyền giao đất lần nào, phần diện tích đang GPMB nên phải chuyển sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện (chuyển tiếp 44 dự án)

- Nhóm dự án cơ bản là không triển khai được trong năm 2024, chuyển tiếp sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện (chuyển tiếp 54 dự án)

- Nhóm dự án đấu giá đất (khai thác quỹ đất) đã thực hiện một phần, phần còn lại chuyển tiếp sang năm 2025 để tiếp tục thực hiện (chuyển tiếp 4 dự án)

- Nhóm dự án đấu giá đất (khai thác quỹ đất) đang hoàn thiện thủ tục để triển khai đấu giá (chuyển tiếp 11 dự án)

c. Nguyên nhân hủy bỏ các dự án

Tổng dự án hủy bỏ là 11 dự án với tổng diện tích 35,14 ha, cụ thể nguyên nhân hủy bỏ như sau:

* Nhóm dự án HĐND thị xã ban hành nghị quyết để dừng thực hiện dự án

- Nâng cấp mở rộng tượng đài chiến thắng Bò Bò: không có nguồn vốn bố trí, ảnh hưởng đất rừng phòng hộ và đất quốc phòng

- Công viên Mẹ Thứ giai đoạn 2: chưa có kế hoạch vốn, dự án đã hết tiến độ thực hiện.

- Khu cải táng mồ mả phường Điện Ngọc: công tác GPMB gặp nhiều khó khăn không có khả năng thực hiện, dự án đã hết tiến độ.

- Khu dân cư đô thị Hà My Đông B, phường Điện Dương: không phù hợp với quy hoạch chung đô thị Điện Bàn, dự án đã hết tiến độ thực hiện.

- Bồi thường, hỗ trợ và GPMB để di dời các hộ dân tại các khu vực bờ sông Lai Nghi, phần còn lại sau khi thu hồi của 02 dự án thành phần Nạo vét hồ Lai Nghi (HA/W1) và Nâng cấp cải tạo tuyến đường ĐT 608 (HA/W4) thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An: chưa có quỹ đất tái định cư, phải chờ Khu đô thị Sông Lai thực hiện

- Khu đô thị Sông Lai: dự án gần hết tiến độ thực hiện theo chủ trương đầu tư nhưng chưa thể thực hiện do phải chờ điều chỉnh quy hoạch 1/500 của dự án Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi

- Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố 5 (Khu 8) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị: dự án đã hết tiến độ thực hiện nhưng chưa được phê duyệt dự án

- Khu dân cư nông thôn tại thôn Trung Phú 1, xã Điện Minh để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới: dự án đã hết tiến độ thực hiện nhưng

chưa được phê duyệt dự án, vị trí không phù hợp với quy hoạch Phân khu đô thị Phương An và quy hoạch chung đô thị Điện Bàn

- Khu dân cư mới Tam Thanh: không thể GPMB, không hiệu quả đầu tư
- Dự án đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Bồ Mưng 2, phường Điện Thắng Bắc để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị: vị trí không phù hợp với quy hoạch chung đô thị Điện Bàn.
- * Hủy bỏ do chủ đầu tư không còn nhu cầu thực hiện
- Mở rộng bãi tập kết vật liệu xây dựng hộ Lê Thị Tiễn

Bảng 2.2. Kết quả thực hiện công trình, dự án năm 2024

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
	Tổng cộng		1.268,39	30,19	37,97	1.200,23	
A	Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 2/4/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Điện Bàn		843,03	30,19	37,97	774,87	
A.1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		5,26	2,91	0,96	1,39	
A.1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		4,30	2,91		1,39	
1	Trụ sở công an Điện Minh	Điện Minh	0,20			0,20	Đã ban hành KHTHĐ, đã thẩm định trích đo, đã thẩm định thiết kế công trình, chưa có TBTHĐ
2	Trụ sở công an xã Điện Phong	Điện Phong	0,15			0,15	Đất UB xã quản lý, xã đã bàn giao đất, đang lập hồ sơ trình thị xã thu hồi đất
3	Trụ sở công an xã Điện Quang	Điện Quang	0,10			0,10	Đang trình KHTHĐ
4	Trụ sở công an phường Điện Thắng Nam	Điện Thắng Nam	0,21			0,21	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
5	Trụ sở công an phường Điện Thắng Trung	Điện Thắng Trung	0,23			0,23	Đã ban hành KHTHĐ
6	Trụ sở công an xã Điện Thọ	Điện Thọ	0,12			0,12	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
7	Trụ sở công an xã Điện Tiến	Điện Tiến	0,18			0,18	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
8	Trụ sở công an phường Vĩnh Điện	Vĩnh Điện	0,13			0,13	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
9	Nhà làm việc của BCH Quân sự phường	Điện Ngọc	0,07			0,07	Điều chỉnh 1/500 của dự án Ngân Câu tách phần đất BCH quân sự ra để thực hiện giao đất cho quân sự xây dựng nhà làm việc của BCH Quân sự phường

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
10	Mở rộng khu sơ tán quân sự	Điện Phong	2,91	2,91			Thực hiện xong (Đã có quyết định giao đất)
A.1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng		0,96			0,96	
*	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất						
*	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất		0,96		0,96		
11	Xây dựng CSHT lô 16 (giai đoạn 2) Khu Công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc	Điện Nam Trung	0,96		0,96		Thuộc Khoản 4 Điều 67 Luật đất đai 2024, không cần đăng ký KHSD đất
A.2	Các công trình, dự án còn lại		837,77	27,28	37,97	772,52	
A.2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		713,79	23,44	35,07	655,28	
*	Dự án thuộc ngân sách Nhà nước		512,73	18,43	35,07	459,23	
12	Giải phóng mặt bằng, tái định cư tại khu vực Xí nghiệp đình	Vĩnh Điện	0,10			0,10	Đã có TBTHĐ
13	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt II	Điện Hòa	9,60	3,68		5,92	Đã thực hiện 3,68/9,60 ha trong năm 2024, chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện phần còn lại
14	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt I	Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung	21,64			21,64	Đang GBMP 1 số lô CN9, CN10, đã có thông báo thu hồi đất
15	Khu di tích lịch sử cấp quốc gia Giếng Nhà Nhì phường Điện Ngọc, hạng mục đèn bù GPMB và xây dựng tường rào bao quanh	Điện Ngọc	1,00			1,00	Chưa phê duyệt dự án
16	Mở rộng Đình Viêm Tây	Điện Thắng Bắc	0,32			0,32	Đã ban hành TBTHĐ

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
17	Nâng cấp mở rộng tượng đài chiến thắng Bò Bò	Điện Tiến	2,16		2,16		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do không có nguồn vốn bố trí, ảnh hưởng đất rừng phòng hộ và đất quốc phòng
18	Mở rộng Di tích Lò Gạch	Điện Trung	0,05			0,05	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
19	Trường mẫu giáo Điện Minh (Điểm Trung Phú 2)	Điện Minh	0,19			0,19	Đã xây dựng, đang thực hiện thủ tục giao đất
20	Xây mới trường THCS Nguyễn Du	Điện Phương	1,10			1,10	Đang xây dựng phương án đo đạc
21	Mở rộng trường Nguyễn Khuyến	Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Trung	0,42			0,42	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
22	Tuyến đường từ công ty may Huy Hoàng đến nhà ông Lê Viết Thu	Điện An	0,03	0,03			Đã thực hiện xong
23	Tuyến đường từ ĐT 609 cũ đến Bờ Kè Thanh Toa	Điện An	0,02	0,02			Đã thực hiện xong
24	Cầu và đường dẫn vào đường ĐH 14.ĐB (giai đoạn 1)	Điện An; Điện Minh	0,50			0,50	Đã thu hồi hết đất lúa, còn đất ở đang lập thủ tục thu hồi
25	Đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, hoàn trả đoạn Km0-Km1+700 đường ĐT.609 (cũ)	Điện An; Vĩnh Điện	2,10	2,10			Đã thực hiện xong
26	Cầu Nghĩa Tự	Điện Dương	5,00			5,00	Đã có TBTHĐ
27	Tuyến từ đường ĐT 603B đến nhà ông Đinh Phẩm, phường Điện Dương	Điện Dương	1,55			1,55	Chưa phê duyệt dự án
28	Đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (Đoạn 04 Km còn lại)	Điện Dương; Điện Nam Bắc; Điện Nam Trung; Điện Ngọc	33,30			33,30	Đã phê duyệt dự án nhưng chưa triển khai công tác GPMB
29	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối ĐT409 với ĐT605	Điện Hòa	1,79	1,79			Đã xong, dân hiến đất

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
30	Cầu và đường dân sinh nối giữa thôn Đông Hồ xã Điện Hòa với khối phố Phong Nhất phường Điện An (tuyến đường đi qua Nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ Văn phòng Huyện uỷ Điện Bàn hy sinh trong thời kháng chiến chống Mỹ)	Điện An; Điện Hòa	0,51			0,51	Chưa phê duyệt dự án
31	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam	Điện Hòa; Điện Tiến	17,00			17,00	Đã phê duyệt 02 phương án bồi thường với tổng diện tích 6,07 ha; đang xét nguồn gốc đất phần còn lại trên địa bàn xã Điện Tiến
32	Dự án Cầu Văn Ly và đường dẫn	Điện Hồng; Điện Quang	12,20			12,20	Đã ban hành TBTHĐ, đang trình phương án bồi thường
33	Nâng cấp, mở rộng trục chính nội thị (Đoạn từ ngã ba đường tránh Điện Minh đến cầu Cầu Lâu)	Điện Minh; Điện Phương	4,20	3,63		0,57	Đã phê duyệt 03 phương án bồi thường, phạm vi đã có quyết định thu hồi đất và phê duyệt PABT khoảng 85% diện tích dự án
34	Mở rộng đường trục chính qua trung tâm thị xã Điện Bàn đoạn từ Ngã ba Cây Sọ đến ngã ba đường tránh Điện Minh	Điện Minh; Vĩnh Điện	0,10			0,10	Còn 1 số hộ chưa bồi thường
35	Tuyến từ nhà ông Bổng đến Điện Nam Trung, phường Điện Nam Bắc	Điện Nam Bắc	3,00			3,00	Chưa phê duyệt dự án
36	Đường giao thông từ ĐT608 đến cụm công nghiệp An Lưu và cầu Bến Bồng	Điện Nam Đông	4,29			4,29	Đang trình phương án bồi thường
37	Đường từ nhà ông Đình Thảo đến nhà ông Thân Tiến, phường Điện Nam Đông	Điện Nam Đông	0,80			0,80	Chưa phê duyệt dự án, năm 2024 chưa bố trí được vốn, chuyển năm 2025 thực hiện
38	Công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 608, đoạn từ Km1+494,57 đến Km4+754,01 thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Điện Nam Đông; Điện Minh; Điện Phương; Điện An; Điện Phước	0,05			0,05	Đã cơ bản GPMB xong, còn 1 hộ
39	Nâng cấp, mở rộng đường 773 giai đoạn 2	Điện Nam Trung	1,60			1,60	Đã ban hành TBTHĐ, đang xét nguồn gốc đất để phê duyệt phương án bồi thường

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
40	Đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc	Điện Nam Trung	7,40			7,40	Đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đất nông nghiệp. Đang bố trí tái định cư.
41	Mở rộng đường giao thông nội bộ tại các khối phố	Điện Nam Trung	0,05			0,05	Đang tiếp tục vận động người dân hiến đất
42	Nâng cấp mở rộng đường 773 giai đoạn 1	Điện Nam Trung	0,02			0,02	Còn 5 hộ chưa phê duyệt giá cụ thể nên chưa phê duyệt PABT
43	Đường từ nhà ông Nhì (giáp đường 773) đến giáp đường ĐH9, phường Điện Nam Trung và phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn	Điện Nam Trung; Điện Nam Đông	1,50			1,50	Chưa phê duyệt dự án, năm 2024 chưa bố trí được vốn, chuyển năm 2025 thực hiện, đã họp dân để triển khai chủ trương dự án
44	Đường nối tuyến ĐT603A với đường ĐT607 (Đoạn còn lại 2,40 km) phường Điện Ngọc, điểm đầu nút giao ngã ba đường ĐT607A (ngã ba Cây Xoài), điểm cuối giáp đoạn đã thi công (dự án BT 1,9km do Công ty TNHH SX&TM Bách Đạt thực hiện)	Điện Ngọc	5,40			5,40	Dự án đã được phê duyệt trích đo địa chính, đang kiểm kê, đã ban hành TBTHĐ
45	Đường từ HTX 1/5 đến giáp Hòa Quý, phường Điện Ngọc	Điện Ngọc	2,00			2,00	Chưa phê duyệt dự án
46	Đường và cầu ĐH7 qua sông Vĩnh Điện	Điện Ngọc; Điện Thăng Bắc	1,00			1,00	Đã xong phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đã ban hành QĐTHĐ
47	Hạ tầng làng du lịch Cẩm Phú	Điện Phong	0,10			0,10	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
48	Hệ thống giao thông, thủy lợi và công trình phục vụ dự án phát triển vùng sản xuất giống lúa lai	Điện Phước; Điện Thọ	2,70			2,70	Đã ban hành thông báo thu hồi đất, đã xét nguồn gốc đất, đang chờ phê duyệt giá đất cụ thể để phê duyệt phương án bồi thường
49	Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị	Điện Phương	0,60	0,30		0,30	Đã xong được 0,30 ha, còn nhiều tuyến chưa có vốn để thực hiện
50	Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị	Điện Phương; Điện Thăng	2,70			2,70	Đang tiếp tục vận động người dân hiến đất

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
		Bắc; Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung					
51	Đường ĐH6.ĐB nối dài (đoạn cuối tuyến từ ĐH5.ĐB đến ĐH1.ĐB)	Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Trung	0,15			0,15	Còn 6 hộ đang chờ bố trí tái định cư, đang điều chỉnh tuyến
52	Đường ĐH6.ĐB lý trình Km 4+100÷ Km 5+500	Điện Thắng Nam	0,06			0,06	Dự án cơ bản xong, còn lại 0,06 ha đang chờ phê duyệt điều chỉnh lại ranh giới dự án để triển khai
53	Đường ĐH15	Điện Thắng Trung	2,36			2,36	Đang thực hiện thủ tục thu hồi đất
54	Đường vào lò giết mổ gia súc, gia cầm tại xã Điện Thọ	Điện Thọ	0,40			0,40	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
55	Cầu Phong Thử trên tuyến ĐT.609 (nâng cấp, mở rộng).	Điện Thọ	2,00			2,00	Đã cắm mốc GPMB, chưa thực hiện các bước tiếp theo
56	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH1 đến công chui đường cao tốc (mở rộng thêm 5m)	Điện Thọ	0,14	0,14			Đã thực hiện xong
57	Đường ĐH16	Điện Tiến	0,80			0,80	Đã thẩm định trích đo và ban hành KHTHĐ, dân hiến đất
58	Nâng cấp mở rộng tuyến Đường ĐH12 (từ ĐT605 đến giáp xã Hòa Tiến)	Điện Tiến	6,00			6,00	Đang khảo sát, chưa phê duyệt dự án
59	Đường ĐH9 - Đoạn còn lại	Điện Nam Trung; Điện Nam Đông; Điện Dương	3,11			3,11	Đã phê duyệt dự án; đã ban hành thông báo thu hồi đất, đang trình phương án bồi thường
60	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Cao Vân (đoạn từ Cao Thắng đến Phan Thành Tài)	Vĩnh Điện	0,58			0,58	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
61	Kè chống sạt lở sông Vĩnh Điện khu vực đường Nguyễn Văn Trỗi	Vĩnh Điện	0,07			0,07	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
62	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương và cải tạo hồ sen	Vĩnh Điện	4,50			4,50	Đã phê duyệt dự án, đã ban hành KHTH, đang thẩm định trích đo
63	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Cao Vân (Đoạn từ Mẹ Thứ đến Cao Thắng)	Vĩnh Điện	0,42	0,42			Đã thực hiện xong
64	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Sư Vạn Hạnh	Vĩnh Điện	0,45			0,45	Đã ban hành KHTHĐ, chưa đo đạc kiểm kê
65	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nguyễn Văn Trỗi	Vĩnh Điện	0,38			0,38	Đã ban hành Kế hoạch thu hồi đất
66	Nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Trần Nhân Tông	Vĩnh Điện	0,20			0,20	Đang tiếp tục phê duyệt PABT diện tích còn lại
67	Quảng trường công viên Phía Tây Điện Bàn (Gần cầu ĐH14, thuộc xã Điện Minh)	Điện Minh	10,00			10,00	Chưa phê duyệt dự án
68	Công viên Mẹ Thứ giai đoạn 2	Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Trung	4,00		4,00		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do chưa có kế hoạch vốn, dự án đã hết tiến độ
69	Hệ thống xử lý nước thải Khu dân cư Nam Điện An và Khu dân cư phố chợ Vĩnh Điện	Điện An	1,00			1,00	Chưa phê duyệt dự án, đang khảo sát vị trí đầu tư
70	Nhà máy nước Gò Nổi	Điện Trung	0,20			0,20	Chưa phê duyệt dự án, đang khảo sát vị trí đầu tư
71	Khu thể thao thôn Tân Mỹ	Điện Minh	0,60			0,60	Đang lập thủ tục chủ trương đầu tư
72	Trung tâm thể dục thể thao Bắc Quảng Nam (Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi nằm ngoài vạch GPMB)	Vĩnh Điện	0,38			0,38	Đã GPMB xong, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
73	Nhà lưu niệm Chí sĩ Trần Quý Cáp	Điện Phước	0,35	0,35			Đã thực hiện xong
74	Nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ Tiểu đoàn 3 (MT 44 Quảng Đà)	Điện Thọ	0,12			0,12	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
75	Nhà lưu niệm cụ Phạm Phú Thứ	Điện Trung	1,56			1,56	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
76	Trạm y tế phường Điện Dương mở rộng	Điện Dương	0,17			0,17	Đang lập hồ sơ thẩm định trích đo

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
77	Mở rộng Khu nghĩa địa Tân Khai	Điện Dương	4,00			4,00	Diện tích dự án là 9,21 ha, đã GPMB 60%, nay còn 4 ha chưa thực hiện, đang xét lại nguồn gốc đất
78	Đầu tư xây dựng Nghĩa trang phường Điện Nam Đông	Điện Nam Đông	1,00	1,00			Đã thực hiện được 0,90 ha, phần còn lại do nhiều vướng mắc nên UBND thị xã cho dừng kỹ thuật để nghiệm thu đưa vào sử dụng
79	Khu cải táng mồ mả phường Điện Ngọc	Điện Ngọc	4,64		4,64		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do công tác GPMB gặp nhiều khó khăn không có khả năng thực hiện, dự án đã hết tiến độ
80	Nhà tang lễ thị xã	Điện Thắng Trung	0,11			0,11	Chưa phê duyệt dự án, đang khảo sát vị trí đầu tư
81	Khu dân cư Nam Điện An giai đoạn 2	Điện An	7,40			7,40	Đã GPMB 90% diện tích, còn lại phần đất ở chưa phê duyệt PABT
82	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Câu Nhi, phường Điện An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Điện An	0,23			0,23	Đã ban hành TBTHĐ, Còn 1 hộ trong vạch GPMB chưa nhận tiền, đang trình phương án bồi thường phần diện tích ngoài vạch GPMB
83	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Ngọc Liên, phường Điện An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Điện An	1,31			1,31	Đã ban hành TBTHĐ, đã triển khai đến bước lập phương án bồi thường
84	Khu dân cư đô thị Hà My Đông B, phường Điện Dương	Điện Dương	1,50		1,50		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do dự án không phù hợp với quy hoạch chung đô thị Điện Bàn, dự án đã hết tiến độ thực hiện
85	Khu đô thị Nghĩa Tự	Điện Dương	2,09			2,09	Đang trình thẩm định hồ sơ đo đạc
86	Khu dân cư thôn 1 Điện Dương giai đoạn 3	Điện Dương	28,72			28,72	Đang điều chỉnh quy hoạch 1/500, giai đoạn bố trí vốn 2021-2025 theo chủ trương đầu tư
87	Các khu TĐC cầu Nghĩa Tự phường Điện Dương	Điện Dương	0,18			0,18	Đã GPMB xong, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
88	Đầu tư khu dân cư tại KP Trung Phú 2, Điện Minh để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng	Điện Minh	4,98			4,98	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
89	Đầu tư chỉnh trang đô thị tại khối phố Cẩm Sa và khối phố 2A phường Điện Nam Bắc để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Nam Bắc	0,39			0,39	Đã thực hiện xong đo đạc giải thửa đối với dự án, đã tiến hành kiểm kê, xét nguồn gốc đất. Đang chờ phê duyệt giá cụ thể để trình thẩm định phương án bồi thường.
90	Bồi thường, hỗ trợ và GPMB để di dời các hộ dân tại các khu vực bờ sông Lai Nghi, phần còn lại sau khi thu hồi của 02 dự án thành phần Nạo vét hồ Lai Nghi (HA/W1) và Nâng cấp cải tạo tuyến đường ĐT 608 (HA/W4) thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An	Điện Nam Đông	0,75		0,75		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do chưa có quỹ đất tái định cư, phải chờ Khu đô thị Sông Lai thực hiện
91	Khu đô thị Sông Lai	Điện Nam Đông	4,90		4,90		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do dự án gần hết tiến độ thực hiện theo chủ trương đầu tư nhưng chưa thể thực hiện do phải chờ điều chỉnh quy hoạch 1/500 của dự án Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hung - Lai Nghi
92	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Cổ An Đông, phường Điện Nam Đông (Khu 1) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Điện Nam Đông	0,12			0,12	Đã ban hành KHTHĐ, đang triển khai đo đạc
93	Đầu tư chỉnh trang đô thị tại khối phố Quảng Hậu và khối phố Quảng Lăng A phường Điện Nam Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Nam Trung	0,45			0,45	Tại KP Quảng Lăng A: đang triển khai đo đạc kiểm kê, đã trình quy hoạch chi tiết 1/500; Tại KP Quảng Hậu: đã có mặt bằng sạch, phường đang lập quy hoạch chi tiết 1/500
94	Khu tái định cư phục vụ dự án cầu Cẩm Kim	Điện Phương	0,03	0,03			Đã thực hiện xong
95	Tạo lập, phát triển, khai thác quỹ đất tại khối 2, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	Vĩnh Điện	2,20			2,20	Đang xét nguồn gốc đất. Đang chờ phê duyệt giá cụ thể để trình thẩm định phương án bồi thường.
96	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 1 đến khu 4) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Vĩnh Điện	0,20			0,20	Đã có QĐTHĐ, đã chi tiền khu 3,4; còn khu 1,2 đã có thông báo THĐ

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
97	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 5 đến khu 7) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Vĩnh Điện	0,29			0,29	Đã thực hiện xong
98	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (Khu 8) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Vĩnh Điện	0,18		0,18		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do dự án đã hết tiến độ thực hiện nhưng chưa được phê duyệt dự án
99	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 9 đến khu 12) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Vĩnh Điện	0,27			0,27	Khu 9 và khu 12 đã có QĐTHĐ, còn lại khu 10, 11 đang vận động nhận tiền bồi thường
100	Khu dân cư nông thôn tại thôn La Thọ 2	Điện Hòa	3,30			3,30	Đang thực hiện thủ tục đầu tư
101	Khu dân cư phục vụ công tác GPMB đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam trên địa bàn xã Điện Hòa	Điện Hòa	4,70			4,70	Đã ban hành TBTHĐ, đang làm thủ tục xét nguồn gốc đất
102	Khu dân cư phục vụ công tác GPMB đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam trên địa bàn xã Điện Tiến	Điện Tiến	4,90			4,90	Đã ban hành TBTHĐ và kiểm kê xong
103	Đầu tư khu dân cư chính trang khu dân cư nông thôn tại Thôn Đa Hòa Bắc (Khu 2) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Hồng	0,31			0,31	Đã thực hiện xong GPMB, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
104	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu Rộc Mẹo, thôn Cẩm Văn Tây, xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Hồng	0,28			0,28	Đã thực hiện xong GPMB, còn 1 hộ, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
105	Khu dân cư mới Thanh An, thôn Thanh An	Điện Hồng	4,80			4,80	Đã ban hành KHTHĐ, đang triển khai đo đạc
106	Khu dân cư nông thôn tại thôn Trung Phú 1, xã Điện Minh để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới	Điện Minh	4,86		4,86		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do dự án đã hết tiến độ thực hiện nhưng chưa được phê duyệt dự án, vị trí không phù hợp với quy hoạch Phân khu đô thị Phương An và quy hoạch chung đô thị Điện Bàn
107	Khu dân cư Đồng Hạnh, xã Điện Minh	Điện Minh; Vĩnh Điện	3,59			3,59	Đã chi tiền bồi thường xong đối với đất nông nghiệp, còn lại đất ở đang tiếp tục thực hiện

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
108	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại thôn Thi Phương và thôn Hà An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Phong	0,19			0,19	Đã thực hiện xong đo đạc và kiểm đếm, đang xét nguồn gốc đất, chờ phê duyệt giá cụ thể để trình thẩm định phương án bồi thường.
109	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại thôn Nhị Đình 3, xã Điện Phước để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Phước	1,75			1,75	Đã xét nguồn gốc đất, đã phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường; hết hạn TBTHĐ, đang trình lại TBTHĐ
110	Đầu tư Khu dân cư chính trang đô thị tại khu Cồn Dài, khối phố Triêm Nam, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị.	Điện Phương	2,13			2,13	Đã xét nguồn gốc đất, đã lập hồ sơ trình phương án bồi thường
111	Đầu tư Khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Triêm Nam, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Phương	0,42			0,42	Đã ban hành KHTHĐ, chưa đo đạc kiểm kê
112	Đầu tư Khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Triêm Đông 2, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Phương	9,80			9,80	Đang lập quy hoạch 1/500
113	Khu dân cư mới Tam Thạnh	Điện Quang	1,75		1,75		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do không thể GPMB, không hiệu quả đầu tư
114	Dự án đầu tư Khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Bồ Mưng 2, phường Điện Thắng Bắc để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Thắng Bắc	10,20		10,20		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do vị trí không phù hợp với quy hoạch chung đô thị Điện Bàn
115	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu dân cư thôn Viêm Tây 2 để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Thắng Bắc	0,81			0,81	Mới điều chỉnh BCKTKT, đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, Phương án (đợt 1) đã chi trả xong. Phương án (đợt 2) được chi trả đạt hơn 90%
116	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu Cây da Thanh Tú, thôn An Thanh để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Thắng Nam	0,96			0,96	Còn 1 hộ chưa GPMB

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
117	Khu dân cư nông thôn tại thôn Thanh Quýt 4, xã Điện Thắng Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Thắng Trung	2,00			2,00	Đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường phần lớn diện tích, còn 02 hộ chưa xét nguồn gốc sử dụng đất, đang điều chỉnh báo cáo KTKT
118	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Thanh Quýt 6, phường Điện Thắng Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô th	Điện Thắng Trung	0,62			0,62	Đã GPMB được 75%, phần còn lại đang kiểm kê để lập PABT
119	Khu dân cư mới Phong Thù	Điện Thọ	4,42			4,42	Đã phê duyệt phương án bồi thường đất nông nghiệp, đang xét nguồn gốc đất phần còn lại
120	Khu dân cư nông thôn Thái Cẩm phục vụ tái định cư đường trục chính cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Điện Tiến	0,16			0,16	Đã ban hành KHTHĐ, đang đo đạc
121	Cụm công nghiệp Nam Dương	Điện Dương; Điện Nam Đông	24,89			24,89	Đang trình TBTHĐ
122	Cụm công nghiệp Thương Tín	Điện Nam Đông	26,33	1,12		25,21	Các lô CN2,3,4,5,6 đang trình PABT, nhà máy Khang Hy đang trình TBTHĐ
123	Cụm công nghiệp An Lưu	Điện Nam Đông	19,72	1,43		18,29	Vướng không lập thủ tục cấp mã số dự án đối với dự án GPMB độc lập, đang giải quyết
124	Làng nghề Đông Khương	Điện Phương	1,18			1,18	Đã GPMB xong, chưa được giao đất
125	Cụm công nghiệp Vân Ly	Điện Quang	0,97			0,97	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
126	Cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Điện Tiến	10,56	1,59		8,97	Đã GPMB và bàn giao cho chủ đầu tư 5,73 ha
127	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn sông Cỏ Cò tại phường Điện Dương	Điện Dương	9,00			9,00	Đang thực hiện
128	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn Sông Cỏ Cò đoạn từ địa giới hành chính giữa thị xã Điện Bàn và thành phố Hội An đến 9+500 tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn	Điện Dương	1,50			1,50	Đang thực hiện

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
129	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu Nghĩa Tự)	Điện Dương	2,00	0,50		1,50	Đã thực hiện xong 0,50 ha, năm 2025 tiếp tục thực hiện phần còn lại
130	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu ông Diên)	Điện Dương	0,30	0,30			Đã thực hiện xong
131	Nạo vét khơi thông sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14+ 000 đến Km 18 + 900	Điện Dương; Điện Ngọc	80,67			80,67	Đã đo đạc, kiểm đếm (Km 16+ 000 đến Km 18 + 900)
132	Nạo vét sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14 + 000 đến Km 16 + 000 (giai đoạn 2)	Điện Nam Trung; Điện Nam Bắc	11,46			11,46	Đã phê duyệt 01 phương án bồi thường tại Điện Nam Trung, năm 2025 tiếp tục thực hiện phần còn lại
133	Nạo vét sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14 + 000 đến Km 16 + 000 (giai đoạn 1)	Điện Ngọc	8,17			8,17	Đang lập phương án BT, GPMB
*	Dự án ngoài ngân sách Nhà nước		201,06	5,01		196,05	
134	Hai lối vào của khu du lịch tại phường Điện Dương của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Phú Hải	Điện Dương	0,07			0,07	Chưa có TBTHĐ
135	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam	Điện Dương; Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thọ	0,25			0,25	Đã thẩm định trích đo, đang xét nguồn gốc đất bồi thường
136	Đường dây 110 KV Duy Xuyên - Hội An	Điện Nam Đông; Điện Phương	0,15			0,15	Đã thu hồi đất trên địa bàn Điện Nam Đông, phần còn lại đang tiếp tục thực hiện
137	Cải tạo lưới điện trung áp khu vực Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn	Điện Minh; Điện Phong	0,02			0,02	Đã bố trí vốn năm 2024, Đang phê duyệt phương án bồi thường trên địa phận Điện Bàn
138	Khu xử lý nước thải sinh hoạt thuộc dự án Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 1	Điện Nam Đông	0,17			0,17	Đã GPMB được 80%, phần còn lại đã xét nguồn gốc đất

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
139	Khu dân cư đô thị số 3, phường Điện An	Điện An	5,01			5,01	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 2,57 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
140	Khu dân cư khối phố Phong Nhị	Điện An	4,96			4,96	Dự án chưa được giao đất đợt nào, chưa phê duyệt phương án bồi thường, Đã kiểm kê xong, đang xét nguồn gốc đất để trình phương án bồi thường
141	Khu đô thị Phúc Viên	Điện Dương	14,76			14,76	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB còn 10,73 ha, đang lên phương bố trí tái định cư và di dời mồ mả
142	Khu đô thị Tân Khang	Điện Dương	9,14			9,14	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,44 ha
143	Khu đô thị R.O.S.E ĐÔ	Điện Dương	23,13			23,13	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT 13,32 ha, còn lại 9,81 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
144	Đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị phía đông đường Trần Thủ Độ - Evergreen	Điện Dương; Điện Nam Đông; Điện Nam Trung	49,80			49,80	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã ban hành TBTHĐ, đã đo đạc kiểm đếm, đang xét nguồn gốc đất để thẩm định phương án bồi thường
145	Khu đô thị Hưng Thịnh mở rộng	Điện Dương; Điện Nam Trung	19,77			19,77	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 7,07 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
146	Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 2	Điện Nam Đông	23,47	5,01		18,46	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 8,83 ha; Đã kiểm kê xét nguồn gốc đất, đang lập hồ sơ trình phê duyệt PABT
147	Khu đô thị Mỹ Gia	Điện Ngọc	4,78			4,78	Dự án chưa được giao đất đợt nào, còn lại 4,64 ha đang chờ giá đất nên chưa phê duyệt phương án bồi thường
148	Khu dân cư thương mại ẩm thực Giáp Ba	Vĩnh Điện	4,05			4,05	Đã ban hành KHTHĐ, chưa đo đạc kiểm kê

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
149	Khu dân cư mới Quang Phường	Điện Hòa	9,80			9,80	Đã có KHTHĐ
150	Khu dân cư trung tâm hành chính xã Điện Phước	Điện Phước	13,78			13,78	Đã xét nguồn gốc đất; đã chờ giá đất để trình phê duyệt phương án bồi thường
151	Khu đô thị Điện Thắng Nam giai đoạn 1	Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung	9,45			9,45	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 2,0 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
152	Khu dân cư Phúc Thành	Điện Thắng Trung	8,50			8,50	Đã ban hành KHTHĐ, đang triển khai đo đạc
A.2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		13,85		2,90	10,95	
153	Trường THCS Lê Trí Viễn	Điện Thắng Bắc	0,67			0,67	Đã thực hiện xong GPMB, đang làm hồ sơ giao đất
154	Bệnh viện Chuyên khoa	Điện Nam Trung	2,70		2,70		Thuộc trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật đất đai 2024 nhưng chưa được HĐND tỉnh thông qua
155	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời	Điện Phong	0,03			0,03	Đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất
156	Mở rộng bãi tập kết vật liệu xây dựng hộ Lê Thị Tiệp	Điện Phước	0,20		0,20		Doanh nghiệp không còn nhu cầu
157	Mở rộng Trung tâm Dịch vụ Vận tải - Trạm kinh doanh xăng dầu và gas của Công ty TNHH MTV Hoàng Thanh	Điện An	0,49			0,49	Đã đo đạc, đang thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng
158	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Thôn Đa Hòa Bắc (Khu 1), xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Hồng	0,34			0,34	Đã GPMB xong, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
159	Khu du lịch, dịch vụ lưu trú nghỉ dưỡng Venus - Điện Hòa	Điện Hòa	9,42			9,42	Đang thực hiện thủ tục đầu tư
A.2.3	Các khu vực sử dụng đất khác		110,13	3,84		106,29	

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
*	Giao đất cho các công trình, dự án đã có mặt bằng sạch nhưng chưa được cấp thẩm quyền giao đất, cấp GCNQSD đất						
160	Giao đất Trụ sở công an phường Điện An	Điện An	0,09			0,09	Đã thực hiện xong thu hồi đất, đã có quyết định thu hồi đất của thị xã, đang trình tỉnh giao đất
161	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Dương	Điện Dương	0,10			0,10	Vị trí thửa đất thuộc dự án Khu dân cư và chợ Điện Dương quy hoạch đất công trình Công cộng CC01 (Hợp tác xã) hiện nay chưa có quyết định điều chỉnh
162	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Nam Bắc	Điện Nam Bắc	0,11			0,11	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
163	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Nam Đông	Điện Nam Đông	0,15			0,15	Đã xây dựng xong, chưa được giao đất, đang điều chỉnh quy hoạch
164	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Nam Trung	Điện Nam Trung		0,11			Đã có quyết định giao đất của thị xã, đang trình đề nghị UBND tỉnh giao đất
165	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Ngọc	Điện Ngọc		0,12			Đã xây dựng; đăng ký để giao đất; cấp GCN
166	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Phương	Điện Phương	0,14			0,14	Chưa làm thủ tục thu hồi trường mẫu giáo để giao đất cho công an
167	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Thắng Bắc	Điện Thắng Bắc	0,07			0,07	Đang làm thủ tục đề nghị giao đất
168	Giao đất Trường mẫu giáo Điện An	Điện An	1,00			1,00	Đã thực hiện xong thu hồi đất, đã có quyết định thu hồi đất của thị xã, đang trình tỉnh giao đất
169	Giao đất mở rộng trường Phan Thành Tài	Điện An	0,20			0,20	Đã thực hiện xong thu hồi đất, đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất để trình tỉnh
170	Giao đất mở rộng Trường mẫu giáo Điện Nam Đông	Điện Nam Đông	0,08			0,08	Đã xây dựng xong, chưa được giao đất
171	Giao đất trường THCS Quang Trung	Vĩnh Điện	0,69			0,69	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
172	Giao đất trường THCS Nguyễn Đức An	Điện Nam Bắc	1,10			1,10	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
173	Giao đất Trường THCS Đình Châu	Điện Nam Đông	3,20			3,20	Đã xây dựng xong, chưa được giao đất,
174	Giao đất Trường tiểu học Nguyễn Huệ (Cơ sở 2)	Điện Thắng Bắc	0,78			0,78	Đã có QĐTHĐ, chưa thi công
175	Phòng đa năng Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thị xã Điện Bàn	Điện Nam Đông	0,10			0,10	Tiếp tục đăng ký để làm thủ tục giao đất
176	Giao đất Di tích Đình Lãnh Đông	Điện Trung	0,19			0,19	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
177	Giao đất Khu Dân cư Sơn Xuyên	Vĩnh Điện	0,08			0,08	Dự án đã được giao đất 1 đợt, phần còn lại đăng ký KH 2025 để tiếp tục thực hiện
178	Mở rộng Thánh Tịnh Thanh Quang Phong Thử 3, Điện Thọ	Điện Thọ	0,12			0,12	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
179	Giao đất Trụ sở UBND phường Điện An	Điện An	0,37			0,37	Đã thực hiện xong thu hồi đất, đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất để trình tỉnh
*	Giao đất tái định cư, giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất						
180	Đấu giá Khu dân cư phía Nam Điện An	Điện An	5,10	3,10		2,00	Diện tích dự án là 5,10 ha; đã thực hiện đấu giá 3,1 ha, đăng ký kế hoạch 2025 để tiếp tục thực hiện phần còn lại
181	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khối phố Bò Mung 1, phường Điện Thắng Bắc (Đất cơ sở sản xuất nước giải khát của Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam trước đây)	Điện Thắng Bắc	1,95			1,95	Đang hoàn thiện thủ tục đấu giá đất
182	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Phong Lục Tây, xã Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn	Điện Thắng Nam	0,24			0,24	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
183	Giao đất Khu dân cư nông thôn mới phường Điện Minh (Bồng Lai, thửa 112, 129, tờ 07)	Điện Minh	0,29			0,29	Đang làm thủ tục đấu giá
184	Đấu giá Dự án Khu dân cư chính trang đô thị phường Điện An (Trạm y tế cũ)	Điện An	0,02			0,02	Còn 1 lô, đang làm lại giá khởi điểm, đang chờ luật đấu giá mới
185	Giao đất để đầu tư hạ tầng và khai thác đất ở dự án Khu dân cư Khối 4, phường Vĩnh Điện và khối Bằng An Đông, phường Điện An, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Điện An; Vĩnh Điện	0,63			0,63	Chưa được tỉnh giao đất trong Trung tâm phát triển quỹ đất, đang lập thủ tục đề nghị tỉnh giao đất
186	Đấu giá đất ở khai thác tại Khu tái định cư Thương Tín	Điện Nam Đông	0,05			0,05	Năm 2024 chưa triển khai được, chuyển năm 2025 thực hiện
187	Đấu giá đất ở khai thác tại khu vực nhà trẻ, nhà văn hóa 7A (cũ)	Điện Nam Đông	0,03			0,03	Năm 2024 chưa triển khai được, chuyển năm 2025 thực hiện
188	Đấu giá Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở - Khu 1	Điện Nam Trung	1,68			1,68	Đang xây dựng phương án đấu giá
189	Giao đất Khu tái định cư di dời các hộ dân tại Xí nghiệp đình (cũ)	Vĩnh Điện	1,60			1,60	Đã phê duyệt PABT, đang tập thủ tục giao đất
190	Giao đất dự án Chính trang Khu dân cư trên khu đất thu hồi của Công ty TNHH Vĩnh Hải	Vĩnh Điện	0,34			0,34	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
191	Đấu giá tại Dự án Khu dân cư chính trang đô thị phường Vĩnh Điện (Khối 1, các thửa: thửa 61/1, 61/2 tờ 8D, 92, 93, 94, 108, tờ 8D, thửa 152 tờ 7C, Khối 3, các thửa: 51/1, 52, 56, 79, tờ 12B, Khối 2, thửa 159/1, tờ 7A, Khối 5, thửa 75/1, tờ 07, thửa 80, tờ 07)	Vĩnh Điện	0,34			0,34	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
192	Đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Hà Đông và thôn La Thọ 2 tại xã Điện Hòa, thị xã Điện Bàn	Điện Hòa	0,28	0,24		0,04	Còn 2 lô chưa đấu giá
193	Đấu giá Dự án Khu dân cư nông thôn mới để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã Điện Phước (thôn Nông Sơn 2	Điện Phước	0,41	0,27		0,14	Năm 2024 đăng ký 33 lô với diện tích 0,41 ha; đã thực hiện 22 lô với diện tích 0,27 ha; còn 11

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
	thửa 562, 676 tờ BĐ 06, Thôn Nhị Dình 1 thửa 381 tờ BĐ 04, Thôn Nhị Dình 1 thửa 1288, 1307, 1334 tờ bản đồ 04)						lô với tổng diện tích 0,14 ha chưa đấu, đăng ký 2025 để tiếp tục
194	Đấu giá đất ở khai thác các lô còn lại tại Khu TĐC Phong Thử 1 Điện Thọ	Điện Thọ	0,60			0,60	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
195	Đường dẫn vào và bãi tập kết cát sỏi tại Điện Ngọc (Đấu giá bãi tập kết)	Điện Ngọc	1,00			1,00	Đang lập thủ tục đề nghị tỉnh giao đất
196	Đường dẫn vào và bãi tập kết cát sỏi tại Điện Phong (Đấu giá bãi tập kết)	Điện Phong	1,00			1,00	Đang làm giá khởi điểm; Năm 2025 tiếp tục đấu giá phần diện tích còn lại
*	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích tại xã, phường						
197	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Thắng Nam quản lý	Điện Thắng Nam	1,40			1,40	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
198	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Thắng Bắc quản lý	Điện Thắng Bắc	14,00			14,00	Đăng ký để đấu giá cho thuê hằng năm
199	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường quản lý (cây hàng năm: 1,86 ha và đất lúa 15,13 ha)	Điện An	16,99			16,99	Đang chờ thị xã hướng dẫn quy trình đấu giá
200	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường quản lý tại khối phố Đồng Hạnh, Khúc Lũy, Uất Lũy (Đất lúa 4,17 ha, Đất cây hàng năm 24,56 ha, Đất nông nghiệp còn lại 5,93 ha)	Điện Minh	34,66			34,66	Tiếp tục đăng ký để làm thủ tục đấu giá cho thuê
*	Giao đất cho các trường hợp khác						
201	Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân do ảnh hưởng thiên tai sạt lở đoạn bờ sông Thu Bồn	Điện An	0,02			0,02	Đang thẩm định kết quả đo đạc để giao đất cho dân
202	Giao đất ở cho hộ Võ Thị Tình	Điện Thọ	0,01			0,01	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
203	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời	Điện Hồng	1,06			1,06	Đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất
204	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời	Điện Quang	0,02			0,02	Đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất
205	Giao đất theo hiện trạng cho các trụ sở cơ quan, công trình công cộng trên địa bàn thị xã (Kèm theo danh sách tại phần Phụ lục)	Thị xã Điện Bàn	17,61			17,61	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
B	Dự án được phê duyệt bổ sung tại các quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 5/8/2024; số 1834/QĐ-UBND ngày 5/8/2024 và số 2377/QĐ-UBND ngày 9/10/2024		425,36			425,36	
B.1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		0,17			0,17	
B.1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		0,17			0,17	
206	Trụ sở làm việc Công an xã Điện Hồng	Điện Hồng	0,17			0,17	Đang trình KHTHĐ
B.1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng						
	...						
B.2	Các công trình, dự án còn lại		425,19			425,19	
B.2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		350,29			350,29	
*	Dự án thuộc ngân sách Nhà nước		3,76			3,76	
207	Cải tạo, xây dựng nghĩa trang nhân dân Gò Bướm	Điện Phước	0,35			0,35	Đã đo đạc giải thửa, chưa xét nguồn gốc đất, đang trình TBTHĐ
208	Mở rộng trường THCS Lê Trí Viễn	Điện Thắng Bắc	0,13			0,13	Đã thực hiện xong GPMB, đang làm hồ sơ giao đất
209	Hệ thống thoát nước các dự án ven biển phía Bắc thị xã Điện Bàn (giai đoạn 1,2)	Điện Ngọc	3,20			3,20	Đã bàn giao mặt bằng 01 phần cho chủ đầu tư, phần còn lại đang điều chỉnh hướng tuyến

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
210	Khu dân cư nông thôn Thái Cẩm phục vụ tái định cư đường trục chính cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Điện Tiến	0,08			0,08	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
*	Dự án ngoài ngân sách Nhà nước		346,53			346,53	
211	Khu dân cư Bình Long, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn	Điện Phước	6,70			6,70	Chưa đo đạc kiểm kê, đang lấy ý kiến Sở ban ngành về quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500
212	Khu đô thị Thiên Ân	Điện Nam Đông; Điện Nam Trung	6,43			6,43	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,30 ha
213	Khu đô thị, dịch vụ du lịch ven sông Cổ Cò	Điện Ngọc	14,00			14,00	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã thực hiện kiểm đếm và xác định nguồn gốc đất nông nghiệp đợt 1 tại phường Điện Ngọc, đang lên phương án bố trí khu cải táng để di dời mộ mà ảnh hưởng.
214	Khu dân cư Khối 7, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	Vĩnh Điện	1,53			1,53	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,47 ha, đã có TBTHĐ
215	Khu dân cư đô thị Điện Minh (giai đoạn 1)	Điện Minh	7,68			7,68	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 6,80 ha, đã có TBTHĐ
216	Khu đô thị DATQUANG RIVERSIDE	Điện Ngọc	0,66			0,66	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đang xét nguồn gốc đất để trình phê duyệt phương án bồi thường
217	Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư Ngọc Vinh	Điện Ngọc	5,97			5,97	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,74 ha, đang xét nguồn gốc đất để trình phê duyệt phương án bồi thường
218	Khu nhà ở cho người thu nhập thấp	Điện Nam Trung	0,10			0,10	Còn 02 hộ chưa GPMB, đang tiếp tục vận động

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
219	Khu đô thị Trung Nam	Điện Nam Trung	5,03			5,03	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 5,33 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường, đang kiểm kê
220	Khu Đô thị số 9 - Mở rộng	Điện Ngọc	6,72			6,72	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 6,80 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
221	Khu đô thị Ngân Cầu	Điện Ngọc	32,72			32,72	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 5,44 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
222	Khu đô thị NGOC DUONG RIVERSIDE mở rộng	Điện Dương	2,50			2,50	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,15 ha
223	Khu đô thị Lam	Điện Nam Trung	19,34			19,34	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã họp xét nguồn gốc đất, chưa trình phê duyệt phương án bồi thường
224	Khu đô thị An Nam	Điện Nam Bắc; Điện Nam Trung	19,42			19,42	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã họp xét nguồn gốc đất, chưa trình phê duyệt phương án bồi thường
225	Khu đô thị QNK I	Điện Dương; Điện Ngọc	11,32			11,32	Đang trình giao đất đợt 2
226	Khu dân cư Khối 6 - Giai đoạn 2	Vĩnh Điện	1,39			1,39	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,38 ha, toàn bộ đất ở phải bố trí tái định cư
227	Khu dân cư đô thị số 2, phường Điện An	Điện An	0,59			0,59	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,36 ha
228	Khu đô thị Yên Hà My	Điện Dương	4,60			4,60	Dự án chưa được giao đất đợt nào, diện tích chưa được GPMB chỉ còn 0,25 ha, đã có TBTHĐ
229	Khu dân cư mới Thái Dương 2	Điện Ngọc	0,73			0,73	Đã thu hồi phần lớn diện tích, còn lại phần đất ở và mồ mả chưa GPMB

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
230	Khu đô thị Kiểu Mẫu	Điện Ngọc	4,35			4,35	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 4,25 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
231	Khu đô thị Bình Ninh - Quảng Lăng	Điện Nam Bắc; Điện Nam Trung	8,14			8,14	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt phương án bồi thường đất nông nghiệp, đang thực hiện phần còn lại
232	Khu đô thị Ánh Dương	Điện Nam Trung	2,24			2,24	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,44 ha
233	Khu đô thị SBC Miền Trung	Điện Nam Trung	3,29			3,29	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 2,69 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
234	Khu dân cư Quảng Lăng	Điện Nam Trung	2,26			2,26	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 1,0 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
235	Khu đô thị Đại Dương Xanh	Điện Dương	3,87			3,87	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,83 ha
236	Khu đô thị CoCo Riverside	Điện Dương	8,17			8,17	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,54 ha
237	Khu đô thị Ven sông Dương Hội	Điện Dương	3,33			3,33	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,00 ha
238	Khu đô thị Phúc Hợp Hà My	Điện Dương	1,84			1,84	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,21 ha
239	Khu đô thị Hưng Thịnh	Điện Dương	3,98			3,98	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,61 ha
240	Khu đô thị An Bình Riverside	Điện Dương	1,86			1,86	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,58 ha
241	Khu đô thị Ngọc Dương COCO	Điện Dương	0,78			0,78	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,64 ha

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
242	Khu dân cư đô thị Điện Thắng Trung (Khu vực 2)	Điện Thắng Trung	0,14			0,14	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ 0,13 ha
243	Khu đô thị Ngân Câu Villa	Điện Ngọc	29,76			29,76	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB phần lớn ở Điện Nam Trung với diện tích 11,73 ha
244	Khu dân cư số 1	Điện An	0,21			0,21	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, đang chờ kết luận thanh tra
245	Khu dân cư số 1 mở rộng	Điện An	0,56			0,56	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,32 ha; đã có kết luận thanh tra, tiếp tục thực hiện phần còn lại của dự án
246	Khu tái định cư các dự án tại các phường Điện Ngọc và Điện Dương	Điện Dương; Điện Ngọc	3,00			3,00	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB là 3,79 ha, đang trình TBTHĐ
247	Khu dân cư phố chợ Điện Ngọc (giai đoạn II)	Điện Ngọc	1,03			1,03	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đang chồng lấn với dự án DT603 nối dài (GĐII), còn 1 hộ đang giải quyết tranh chấp
248	Khu đô thị Viêm Minh - Hà Dừa	Điện Ngọc	0,24			0,24	Đã được giao đất phần lớn diện tích, hiện nay còn 05 hộ vướng mắc trong công tác xác định nguồn gốc đất
249	Khu đô thị Viêm Trung	Điện Ngọc	3,38			3,38	Dự án chưa được giao đất đợt nào, dự án cơ bản đã thực hiện xong kiểm đếm nhưng chưa xét nguồn gốc đất
250	Khu dân cư mới Bình An 2	Điện Nam Trung	1,70			1,70	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 02 hộ với diện tích 0,11 ha

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
251	Khu đô thị An Phú	Điện Dương; Điện Nam Trung	1,94			1,94	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB phần lớn ở Điện Nam Trung với diện tích 0,99 ha
252	Khu đô thị Phú Thịnh	Điện Dương	1,59			1,59	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 01 hộ với diện tích 0,10 ha
253	Khu đô thị NGOCDUONG RIVERSIDE	Điện Dương	1,79			1,79	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,10 ha
254	Khu dân cư Green Land	Điện Ngọc	1,75			1,75	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã tổ chức đo đạc và kiểm đếm 98% diện tích dự án; đang rà soát hồ sơ để xét nguồn gốc đất
255	Khu đô thị Nam Ngọc	Điện Nam Bắc, Điện Ngọc	9,94			9,94	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã thực hiện kiểm đếm và xác định nguồn gốc đất nông nghiệp đợt 1
256	Khu đô thị Đông Dương	Điện Nam Bắc, Điện Ngọc	12,58			12,58	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 9,39 ha, khó khăn của dự án là đang ảnh hưởng đến khoảng 1000 ngôi mộ phải GPMB
257	Khu đô thị Smart City Quảng Nam	Điện Dương	7,41			7,41	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,17 ha
258	Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng – Lai Nghi (giai đoạn 1)	Điện Nam Đông	0,93			0,93	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,17 ha, đang lập phương án bồi thường
259	Khu dân cư Thống Nhất (giai đoạn I)	Điện Dương	0,70			0,70	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đã được phê duyệt PABT
260	Khu dân cư Thống Nhất (giai đoạn II)	Điện Dương	4,09			4,09	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,3 ha; đã kiểm kê xong đất nông nghiệp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
261	Khu dân cư Đô Thị Hà Quảng	Điện Dương	13,18			13,18	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 10,4 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
262	Khu đô thị thương mại dịch vụ Bắc Hội An	Điện Dương	15,60			15,60	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB là 11,0 ha, đang trình lại TBTHĐ
263	Khu đô thị DATQUANG RIVERSIDE 2	Điện Ngọc	7,95			7,95	Dự án chưa được giao đất đợt nào, chưa phê duyệt phương án bồi thường
264	Khu dân cư số 1, đô thị Điện Thắng Bắc	Điện Thắng Bắc	0,94			0,94	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 05 hộ với diện tích 0,10 ha, đang lập hồ sơ cưỡng chế
265	Thu hồi đất ngoài ranh giới Khu đô thị Ngân Câu để bố trí mương thoát nước và taluy đắp đất san nền	Điện Ngọc	0,83			0,83	Đã đo đạc xong, chưa kiểm đếm
266	Khu dân cư - TĐC Hà My Đông A	Điện Dương	19,30			19,30	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 13,3 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
267	Tuyến đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (ĐT 603 nối dài) lý trình Km 2+280 -km2+926	Điện Ngọc	1,02			1,02	Còn lại 1,02 ha chưa phê duyệt PABT
268	Khu dân cư phố chợ Điện Thắng Trung	Điện Thắng Trung	0,05			0,05	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại chỉ còn 0,05 ha
269	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam (năm 2021)	Điện Hòa; Điện Nam Bắc; Điện Ngọc	0,11			0,11	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
270	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam năm 2022 (năm 2022)	Điện Hòa; Điện Phước; Điện Quang; Điện Thọ	0,18			0,18	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
271	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam năm 2023 (năm 2023)	Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thọ; Điện Trung	0,08			0,08	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
272	Xử lý điểm mất an toàn đường dây 110kV khu vực Quảng Nam năm 2024 (năm 2024)	Điện Thọ; Điện Trung	0,03			0,03	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
273	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực thị xã Điện Bàn năm 2023	Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thọ và KCN Điện Nam - Điện Ngọc	0,02			0,02	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
274	Hệ thống lưới, chống quá tải lưới điện hạ thế và TBA khu vực Điện lực Điện Bàn năm 2023	Điện An; Điện Hòa; Điện Minh; Điện Ngọc; Điện Nam Bắc; Điện Nam Đông; Điện Phong; Điện Phước; Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung; Điện Thọ; Điện Tiến; Vĩnh Điện	0,06			0,06	Năm 2024 chưa triển khai được, chuyển năm 2025 thực hiện
275	Hoàn thiện lưới điện tiếp nhận HTX Điện Phương năm 2023	Điện Phương	0,04			0,04	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
276	Hoàn thiện lưới điện trung hạ thế khu vực ĐL Điện Bàn năm 2024	Điện An; Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thắng Trung; Điện Thắng Nam; Điện Ngọc; Điện Thắng Bắc; Điện Nam Bắc	0,05			0,05	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
277	Chống quá tải lưới điện khu vực ĐL Điện Bàn năm 2024	Điện An; Vĩnh Điện; Điện Ngọc; Điện Minh; Điện Nam Bắc; Điện Thắng Trung; Điện Thắng Bắc; Điện Tiến; Điện Phương; Điện Nam Trung	0,04			0,04	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
278	Khu dân cư thu nhập thấp khu 2	Điện Nam Trung	4,53			4,53	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,80 ha; nhận bàn giao dự án từ Quỹ đầu tư và phát triển Quảng Nam, đang tiếp tục thực hiện quy trình đầu tư dự án
279	Khu dân cư Hà Đông	Điện Hòa	8,24			8,24	Đang trình KHTHĐ
B.2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		73,93			73,93	

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
280	Khu du lịch và nghỉ dưỡng cao cấp (trừ phân khu 1)	Điện Dương	49,75			49,75	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
281	Khu đô thị số 4, Đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (đăng ký diện tích còn lại, không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh)	Điện Ngọc	6,68			6,68	Đã được UBND tỉnh giao đất năm 2005, phần diện tích GPMB chỉ còn 6,68 ha
282	Tổ hợp khách sạn và dịch vụ du lịch Cyan	Điện Dương	17,50			17,50	Đã bồi thường 1 đợt là 4,08 ha, phần diện tích còn lại đang xin cơ chế tiếp tục được Nhà nước thu hồi đất
B.2.3	Các khu vực sử dụng đất khác		0,97			0,97	
*	Giao đất cho các công trình, dự án đã có mặt bằng sạch nhưng chưa được cấp thẩm quyền giao đất, cấp GCNQSD đất						
283	Giao đất trường mẫu giáo Điện Dương	Điện Dương	0,45			0,45	Đang lập thủ tục trình giao đất
*	Giao đất tái định cư, giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất						
284	Đấu giá quyền sử dụng đất 10 lô (từ lô số 160/5 đến lô 160/14, tờ bản đồ số 7) thuộc Khu dân cư Hồ Biện Trên, khối phố Bò Mung 2, phường Điện Thắng Bắc	Điện Thắng Bắc	0,15			0,15	Đang tiếp tục thực hiện đấu giá đất
285	Đấu giá thuê đất tại khu đất đã bàn giao cho Công ty DakAn trước đây (theo Kết luận số 11/TL-TTT ngày 21/7/2023 của Thanh tra tỉnh)	Điện Dương	0,37			0,37	Đang lập thủ tục đấu giá

...

2.3. Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2024

Tổng công trình dự án thu hồi đất được phê duyệt năm 2024 thị xã Điện Bàn là 226 dự án với tổng diện tích 1.069,51 ha; trong đó 1.462,93 ha. Kết quả thực hiện như sau:

a. Kết quả thực hiện danh mục công trình thu hồi đất thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh

- Được phê duyệt: 214 dự án, với tổng diện tích là: 1.064,08 ha.
- Đã thực hiện: 10 dự án (tỷ lệ 4,67%) với tổng diện tích 20,73 ha (tỷ lệ 1,95%).
- Chuyển sang 2025: 194 dự án (tỷ lệ 90,65%) với diện tích 1.008,41 ha (tỷ lệ 94,77%).
- Hủy bỏ: 10 dự án (tỷ lệ 4,67%) với tổng diện tích 34,94 ha (tỷ lệ 3,28%).

b. Kết quả thực hiện danh mục dự án thu hồi đất (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, không có trong NQ HĐND tỉnh) bao gồm: Danh mục công trình, dự án quy định tại Điều 61 và khoản 1,2 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 78 Luật Đất đai năm 2024

- Được phê duyệt: 12 dự án, với tổng diện tích là: 5,43 ha.
- Đã thực hiện: 1 dự án (tỷ lệ 8,33%) với tổng diện tích 2,91 ha, (tỷ lệ 53,59%).
- Chuyển sang 2025: 11 dự án (tỷ lệ 91,67%) với diện tích 2,52 ha, (tỷ lệ 46,41%).
- Hủy bỏ: không

Bảng 2.3. Kết quả thực hiện danh mục thu hồi đất năm 2024

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
	Tổng cộng		1.069,51	23,64	34,94	1.010,93	
A	Kết quả thực hiện danh mục công trình thu hồi đất thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh		1.064,08	20,73	34,94	1.008,41	
*	Dự án thuộc ngân sách Nhà nước		516,41	15,72	34,94	465,75	
1	Giải phóng mặt bằng, tái định cư tại khu vực Xí nghiệp đình	Vĩnh Điện	0,10			0,10	Đã có TBTHĐ
2	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt II	Điện Hòa	9,60	3,68		5,92	Đã thực hiện 3,68/9,60 ha trong năm 2024, chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện phần còn lại
3	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt I	Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung	21,64			21,64	Đang GBMP 1 số lô CN9, CN10, đã có thông báo thu hồi đất
4	Khu di tích lịch sử cấp quốc gia Giếng Nhà Nhì phường Điện Ngọc, hạng mục đền bù GPMB và xây dựng tường rào bao quanh	Điện Ngọc	1,00			1,00	Chưa phê duyệt dự án
5	Mở rộng Đình Viêm Tây	Điện Thắng Bắc	0,32			0,32	Đã ban hành TBTHĐ
6	Nâng cấp mở rộng tượng đài chiến thắng Bồ Bồ	Điện Tiến	2,16		2,16		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do không có nguồn vốn bố trí, ảnh hưởng đất rừng phòng hộ và đất quốc phòng
7	Mở rộng Di tích Lò Gạch	Điện Trung	0,05			0,05	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
8	Trường mẫu giáo Điện Minh (Điểm Trung Phú 2)	Điện Minh	0,19			0,19	Đã xây dựng, đang thực hiện thủ tục giao đất
9	Xây mới trường THCS Nguyễn Du	Điện Phương	1,10			1,10	Đang xây dựng phương án đo đạc
10	Mở rộng trường Nguyễn Khuyến	Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Trung	0,42			0,42	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
11	Tuyến đường từ công ty may Huy Hoàng đến nhà ông Lê Viết Thu	Điện An	0,03	0,03			Đã thực hiện xong

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
12	Tuyến đường từ ĐT 609 cũ đến Bờ Kè Thanh Toa	Điện An	0,02	0,02			Đã thực hiện xong
13	Cầu và đường dẫn vào đường ĐH 14.ĐB (giai đoạn 1)	Điện An; Điện Minh	0,50			0,50	Đã thu hồi hết đất lúa, còn đất ở đang lập thủ tục thu hồi
14	Đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, hoàn trả đoạn Km0-Km1+700 đường ĐT.609 (cũ)	Điện An; Vĩnh Điện	2,10	2,10			Đã thực hiện xong
15	Cầu Nghĩa Tự	Điện Dương	5,00			5,00	Đã có TBTHĐ
16	Tuyến từ đường ĐT 603B đến nhà ông Đinh Phẩm, phường Điện Dương	Điện Dương	1,55			1,55	Chưa phê duyệt dự án
17	Đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (Đoạn 04 Km còn lại)	Điện Dương; Điện Nam Bắc; Điện Nam Trung; Điện Ngọc	33,30			33,30	Đã phê duyệt dự án nhưng chưa triển khai công tác GPMB
18	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối ĐT409 với ĐT605	Điện Hòa	1,79	1,79			Đã xong, dân hiến đất
19	Cầu và đường dân sinh nối giữa thôn Đông Hồ xã Điện Hòa với khối phố Phong Nhất phường Điện An (tuyến đường đi qua Nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ Văn phòng Huyện ủy Điện Bàn hy sinh trong thời kháng chiến chống Mỹ)	Điện An; Điện Hòa	0,51			0,51	Chưa phê duyệt dự án
20	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam	Điện Hòa; Điện Tiến	17,00			17,00	Đã phê duyệt 02 phương án bồi thường với tổng diện tích 6,07 ha;đang xét nguồn gốc đất phần còn lại trên địa bàn xã Điện Tiến
21	Dự án Cầu Văn Ly và đường dẫn	Điện Hồng; Điện Quang	12,20			12,20	Đã ban hành TBTHĐ, đang trình phương án bồi thường
22	Nâng cấp, mở rộng trục chính nội thị (Đoạn từ ngã ba đường tránh Điện Minh đến cầu Cầu Lâu)	Điện Minh; Điện Phương	4,20	3,63		0,57	Đã phê duyệt 03 phương án bồi thường, phạm vi đã có quyết định thu hồi đất và phê duyệt PABT khoảng 85% diện tích dự án

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
23	Mở rộng đường trục chính qua trung tâm thị xã Điện Bàn đoạn từ Ngã ba Cây Sọp đến ngã ba đường tránh Điện Minh	Điện Minh; Vĩnh Điện	0,10			0,10	Còn 1 số hộ chưa bồi thường
24	Tuyến từ nhà ông Bổng đến Điện Nam Trung, phường Điện Nam Bắc	Điện Nam Bắc	3,00			3,00	Chưa phê duyệt dự án
25	Đường giao thông từ ĐT608 đến cụm công nghiệp An Lưu và cầu Bến Bồng	Điện Nam Đông	4,29			4,29	Đang trình phương án bồi thường
26	Đường từ nhà ông Đình Thảo đến nhà ông Thân Tiến, phường Điện Nam Đông	Điện Nam Đông	0,80			0,80	Chưa phê duyệt dự án, năm 2024 chưa bố trí được vốn, chuyển năm 2025 thực hiện
27	Công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 608, đoạn từ Km1+494,57 đến Km4+754,01 thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Điện Nam Đông; Điện Minh; Điện Phương; Điện An; Điện Phước	0,05			0,05	Đã cơ bản GPMB xong, còn 1 hộ
28	Nâng cấp, mở rộng đường 773 giai đoạn 2	Điện Nam Trung	1,60			1,60	Đã ban hành TBTHĐ, đang xét nguồn gốc đất để phê duyệt phương án bồi thường
29	Đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc	Điện Nam Trung	7,40			7,40	Đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đất nông nghiệp. Đang bố trí tái định cư.
30	Mở rộng đường giao thông nội bộ tại các khối phố	Điện Nam Trung	0,05			0,05	Đang tiếp tục vận động người dân hiến đất
31	Nâng cấp mở rộng đường 773 giai đoạn 1	Điện Nam Trung	0,02			0,02	Còn 5 hộ chưa phê duyệt giá cụ thể nên chưa phê duyệt PABT
32	Đường từ nhà ông Nhì (giáp đường 773) đến giáp đường ĐH9, phường Điện Nam Trung và phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn	Điện Nam Trung; Điện Nam Đông	1,50			1,50	Chưa phê duyệt dự án, năm 2024 chưa bố trí được vốn, chuyển năm 2025 thực hiện, đã họp dân để triển khai chủ trương dự án
33	Đường nối tuyến ĐT603A với đường ĐT607 (Đoạn còn lại 2,40 km) phường Điện Ngọc, điểm đầu nút giao ngã ba đường ĐT607A (ngã ba Cây	Điện Ngọc	5,40			5,40	Dự án đã được phê duyệt trích đo địa chính, đang kiểm kê, đã ban hành TBTHĐ

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
	Xoài), điểm cuối giáp đoạn đã thi công (dự án BT 1,9km do Công ty TNHH SX&TM Bách Đạt thực hiện)						
34	Đường từ HTX 1/5 đến giáp Hòa Quý, phường Điện Ngọc	Điện Ngọc	2,00			2,00	Chưa phê duyệt dự án
35	Đường và cầu ĐH7 qua sông Vĩnh Điện	Điện Ngọc; Điện Thắng Bắc	1,00			1,00	Đã xong phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đã ban hành QĐTHĐ
36	Hạ tầng làng du lịch Cẩm Phú	Điện Phong	0,10			0,10	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
37	Hệ thống giao thông, thủy lợi và công trình phục vụ dự án phát triển vùng sản xuất giống lúa lai	Điện Phước; Điện Thọ	2,70			2,70	Đã ban hành thông báo thu hồi đất, đã xét nguồn gốc đất, đang chờ phê duyệt giá đất cụ thể để phê duyệt phương án bồi thường
38	Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị	Điện Phương	0,60	0,30		0,30	Đã xong được 0,30 ha, còn nhiều tuyến chưa có vốn để thực hiện
39	Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị	Điện Phương; Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung	2,70			2,70	Đang tiếp tục vận động người dân hiến đất
40	Đường ĐH6.ĐB nối dài (đoạn cuối tuyến từ ĐH5.ĐB đến ĐH1.ĐB)	Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Trung	0,15			0,15	Còn 6 hộ đang chờ bố trí tái định cư, đang điều chỉnh tuyến
41	Đường ĐH6.ĐB lý trình Km 4+100÷ Km 5+500	Điện Thắng Nam	0,06			0,06	Dự án cơ bản xong, còn lại 0,06 ha đang chờ phê duyệt điều chỉnh lại ranh giới dự án để triển khai
42	Đường ĐH15	Điện Thắng Trung	2,36			2,36	Đang thực hiện thủ tục thu hồi đất
43	Đường vào lò giết mổ gia súc, gia cầm tại xã Điện Thọ	Điện Thọ	0,40			0,40	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
44	Cầu Phong Thử trên tuyến ĐT.609 (nâng cấp, mở rộng).	Điện Thọ	2,00			2,00	Đã cắm mốc GPMB, chưa thực hiện các bước tiếp theo
45	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH1 đến cổng chui đường cao tốc (mở rộng thêm 5m)	Điện Thọ	0,14	0,14			Đã thực hiện xong

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
46	Đường ĐH16	Điện Tiến	0,80			0,80	Đã thẩm định trích đo và ban hành KHTHĐ, dân hiến đất
47	Nâng cấp mở rộng tuyến Đường ĐH12 (từ ĐT605 đến giáp xã Hòa Tiến)	Điện Tiến	6,00			6,00	Đang khảo sát, chưa phê duyệt dự án
48	Đường ĐH9 - Đoạn còn lại	Điện Nam Trung; Điện Nam Đông; Điện Dương	3,11			3,11	Đã phê duyệt dự án; đã ban hành thông báo thu hồi đất, đang trình phương án bồi thường
49	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Cao Văn (đoạn từ Cao Thắng đến Phan Thành Tài)	Vĩnh Điện	0,58			0,58	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
50	Kè chống sạt lở sông Vĩnh Điện khu vực đường Nguyễn Văn Trỗi	Vĩnh Điện	0,07			0,07	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
51	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương và cải tạo hồ sen	Vĩnh Điện	4,50			4,50	Đã phê duyệt dự án, đã ban hành KHTH, đang thẩm định trích đo
52	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Cao Văn (Đoạn từ Mẹ Thứ đến Cao Thắng)	Vĩnh Điện	0,42	0,42			Đã thực hiện xong
53	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Sư Vạn Hạnh	Vĩnh Điện	0,45			0,45	Đã ban hành KHTHĐ, chưa đo đạc kiểm kê
54	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nguyễn Văn Trỗi	Vĩnh Điện	0,38			0,38	Đã ban hành Kế hoạch thu hồi đất
55	Nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Trần Nhân Tông	Vĩnh Điện	0,20			0,20	Đang tiếp tục phê duyệt PABT diện tích còn lại
56	Quảng trường công viên Phía Tây Điện Bàn (Gần cầu ĐH14, thuộc xã Điện Minh)	Điện Minh	10,00			10,00	Chưa phê duyệt dự án
57	Công viên Mẹ Thứ giai đoạn 2	Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Trung	4,00		4,00		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do chưa có kế hoạch vốn, dự án đã hết tiến độ
58	Hệ thống xử lý nước thải Khu dân cư Nam Điện An và Khu dân cư phố chợ Vĩnh Điện	Điện An	1,00			1,00	Chưa phê duyệt dự án, đang khảo sát vị trí đầu tư

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
59	Nhà máy nước Gò Nổi	Điện Trung	0,20			0,20	Chưa phê duyệt dự án, đang khảo sát vị trí đầu tư
60	Khu thể thao thôn Tân Mỹ	Điện Minh	0,60			0,60	Đang lập thủ tục chủ trương đầu tư
61	Trung tâm thể dục thể thao Bắc Quảng Nam (Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi nằm ngoài vạch GPMB)	Vĩnh Điện	0,38			0,38	Đã GPMB xong, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
62	Nhà lưu niệm Chí sĩ Trần Quý Cáp	Điện Phước	0,35	0,35			Đã thực hiện xong
63	Nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ Tiểu đoàn 3 (MT 44 Quảng Đà)	Điện Thọ	0,12			0,12	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
64	Nhà lưu niệm cụ Phạm Phú Thứ	Điện Trung	1,56			1,56	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
65	Trạm y tế phường Điện Dương mở rộng	Điện Dương	0,17			0,17	Đang lập hồ sơ thẩm định trích đo
66	Mở rộng Khu nghĩa địa Tân Khai	Điện Dương	4,00			4,00	Diện tích dự án là 9,21 ha, đã GPMB 60%, nay còn 4 ha chưa thực hiện, đang xét lại nguồn gốc đất
67	Đầu tư xây dựng Nghĩa trang phường Điện Nam Đông	Điện Nam Đông	1,00	1,00			Đã thực hiện được 0,90 ha, phần còn lại do nhiều vướng mắc nên UBND thị xã cho dừng kỹ thuật để nghiệm thu đưa vào sử dụng
68	Khu cải táng mồ mả phường Điện Ngọc	Điện Ngọc	4,64		4,64		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do công tác GPMB gặp nhiều khó khăn không có khả năng thực hiện, dự án đã hết tiến độ
69	Nhà tang lễ thị xã	Điện Thăng Trung	0,11			0,11	Chưa phê duyệt dự án, đang khảo sát vị trí đầu tư
70	Khu dân cư Nam Điện An giai đoạn 2	Điện An	7,40			7,40	Đã GPMB 90% diện tích, còn lại phần đất ở chưa phê duyệt PABT

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
71	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Cầu Nhi, phường Điện An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Điện An	0,23			0,23	Đã ban hành TBTHĐ, Còn 1 hộ trong vạch GPMB chưa nhận tiền, đang trình phương án bồi thường phần diện tích ngoài vạch GPMB
72	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Ngọc Liên, phường Điện An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Điện An	1,31			1,31	Đã ban hành TBTHĐ, đã triển khai đến bước lập phương án bồi thường
73	Khu dân cư đô thị Hà My Đông B, phường Điện Dương	Điện Dương	1,50		1,50		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do dự án không phù hợp với quy hoạch chung đô thị Điện Bàn, dự án đã hết tiền độ thực hiện
74	Khu đô thị Nghĩa Tự	Điện Dương	2,09			2,09	Đang trình thẩm định hồ sơ đo đạc
75	Khu dân cư thôn 1 Điện Dương giai đoạn 3	Điện Dương	28,72			28,72	Đang điều chỉnh quy hoạch 1/500, giai đoạn bố trí vốn 2021-2025 theo chủ trương đầu tư
76	Các khu TĐC cầu Nghĩa Tự phường Điện Dương	Điện Dương	0,18			0,18	Đã GPMB xong, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
77	Đầu tư khu dân cư tại KP Trung Phú 2, Điện Minh để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng	Điện Minh	4,98			4,98	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
78	Đầu tư chỉnh trang đô thị tại khối phố Cẩm Sa và khối phố 2A phường Điện Nam Bắc để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Nam Bắc	0,39			0,39	Đã thực hiện xong đo đạc giải thửa đối với dự án, đã tiến hành kiểm kê, xét nguồn gốc đất. Đang chờ phê duyệt giá cụ thể để trình thẩm định phương án bồi thường.
79	Bồi thường, hỗ trợ và GPMB để di dời các hộ dân tại các khu vực bờ sông Lai Nghi, phần còn lại sau khi thu hồi của 02 dự án thành phần Nạo vét hồ Lai Nghi (HA/W1) và Nâng cấp cải tạo tuyến đường ĐT 608 (HA/W4) thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An	Điện Nam Đông	0,75		0,75		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do chưa có quỹ đất tái định cư, phải chờ Khu đô thị Sông Lai thực hiện

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
80	Khu đô thị Sông Lai	Điện Nam Đông	4,90		4,90		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do dự án gần hết tiến độ thực hiện theo chủ trương đầu tư nhưng chưa thể thực hiện do phải chờ điều chỉnh quy hoạch 1/500 của dự án Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hung - Lai Nghi
81	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Cổ An Đông, phường Điện Nam Đông (Khu 1) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Điện Nam Đông	0,12			0,12	Đã ban hành KHTHĐ, đang triển khai đo đạc
82	Đầu tư chính trang đô thị tại khối phố Quảng Hậu và khối phố Quảng Lăng A phường Điện Nam Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Nam Trung	0,45			0,45	Tại KP Quảng Lăng A: đang triển khai đo đạc kiểm kê, đã trình quy hoạch chi tiết 1/500; Tại KP Quảng Hậu: đã có mặt bằng sạch, phường đang lập quy hoạch chi tiết 1/500
83	Khu tái định cư phục vụ dự án cầu Cẩm Kim	Điện Phương	0,03	0,03			Đã thực hiện xong
84	Tạo lập, phát triển, khai thác quỹ đất tại khối 2, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	Vĩnh Điện	2,20			2,20	Đang xét nguồn gốc đất. Đang chờ phê duyệt giá cụ thể để trình thẩm định phương án bồi thường.
85	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 1 đến khu 4) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Vĩnh Điện	0,20			0,20	Đã có QĐTHĐ, đã chi tiền khu 3,4; còn khu 1,2 đã có thông báo THĐ
86	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 5 đến khu 7) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Vĩnh Điện	0,29			0,29	Đã thực hiện xong
87	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (Khu 8) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Vĩnh Điện	0,18		0,18		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do dự án đã hết tiến độ thực hiện nhưng chưa được phê duyệt dự án

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
88	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 9 đến khu 12) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Vĩnh Điện	0,27			0,27	Khu 9 và khu 12 đã có QĐTHĐ, còn lại khu 10, 11 đang vận động nhận tiền bồi thường
89	Khu dân cư nông thôn tại thôn La Thọ 2	Điện Hòa	3,30			3,30	Đang thực hiện thủ tục đầu tư
90	Khu dân cư phục vụ công tác GPMB đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam trên địa bàn xã Điện Hòa	Điện Hòa	4,70			4,70	Đã ban hành TBTHĐ, đang làm thủ tục xét nguồn gốc đất
91	Khu dân cư phục vụ công tác GPMB đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam trên địa bàn xã Điện Tiến	Điện Tiến	4,90			4,90	Đã ban hành TBTHĐ và kiểm kê xong
92	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại Thôn Đa Hòa Bắc (Khu 2) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Hồng	0,31			0,31	Đã thực hiện xong GPMB, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
93	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu Rộc Mẹo, thôn Cẩm Văn Tây, xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Hồng	0,28			0,28	Đã thực hiện xong GPMB, còn 1 hộ, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
94	Khu dân cư mới Thanh An, thôn Thanh An	Điện Hồng	4,80			4,80	Đã ban hành KHTHĐ, đang triển khai đo đạc
95	Khu dân cư nông thôn tại thôn Trung Phú 1, xã Điện Minh để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới	Điện Minh	4,86		4,86		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do dự án đã hết tiến độ thực hiện nhưng chưa được phê duyệt dự án, vị trí không phù hợp với quy hoạch Phân khu đô thị Phương An và quy hoạch chung đô thị Điện Bàn
96	Khu dân cư Đồng Hạnh, xã Điện Minh	Điện Minh; Vĩnh Điện	3,59			3,59	Đã chi tiền bồi thường xong đối với đất nông nghiệp, còn lại đất ở đang tiếp tục thực hiện
97	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại thôn Thi Phương và thôn Hà An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Phong	0,19			0,19	Đã thực hiện xong đo đạc và kiểm đếm, đang xét nguồn gốc đất, chờ phê duyệt giá

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
							cụ thể để trình thẩm định phương án bồi thường.
98	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại thôn Nhị Đình 3, xã Điện Phước để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Phước	1,75			1,75	Đã xét nguồn gốc đất, đã phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường; hết hạn TBTHĐ, đang trình lại TBTHĐ
99	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khu Cồn Dài, khối phố Triêm Nam, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị.	Điện Phương	2,13			2,13	Đã xét nguồn gốc đất, đã lập hồ sơ trình phương án bồi thường
100	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Triêm Nam, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Phương	0,42			0,42	Đã ban hành KHTHĐ, chưa đo đạc kiểm kê
101	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Triêm Đông 2, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Phương	9,80			9,80	Đang lập quy hoạch 1/500
102	Khu dân cư mới Tam Thạnh	Điện Quang	1,75		1,75		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do không thể GPMB, không hiệu quả đầu tư
103	Dự án đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Bồ Mưng 2, phường Điện Thắng Bắc để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Thắng Bắc	10,20		10,20		Nghị quyết HĐND thị xã cho dừng dự án do vị trí không phù hợp với quy hoạch chung đô thị Điện Bàn
104	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu dân cư thôn Viêm Tây 2 để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Thắng Bắc	0,81			0,81	Mới điều chỉnh BCKTKT, đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, Phương án (đợt 1) đã chi trả xong. Phương án (đợt 2) được chi trả đạt hơn 90%
105	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu Cây da Thanh Tú, thôn An Thạnh để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Thắng Nam	0,96			0,96	Còn 1 hộ chưa GPMB
106	Khu dân cư nông thôn tại thôn Thanh Quýt 4, xã Điện Thắng Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Thắng Trung	2,00			2,00	Đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường phần lớn diện tích, còn 02 hộ chưa

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
							xét nguồn gốc sử dụng đất, đang điều chỉnh báo cáo KTKT
107	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Thanh Quýt 6, phường Điện Thắng Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô th	Điện Thắng Trung	0,62			0,62	Đã GPMB được 75%, phần còn lại đang kiểm kê để lập PABT
108	Khu dân cư mới Phong Thử	Điện Thọ	4,42			4,42	Đã phê duyệt phương án bồi thường đất nông nghiệp, đang xét nguồn gốc đất phần còn lại
109	Khu dân cư nông thôn Thái Cẩm phục vụ tái định cư đường trục chính cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Điện Tiến	0,16			0,16	Đã ban hành KHTHĐ, đang đo đạc
110	Cụm công nghiệp Nam Dương	Điện Dương; Điện Nam Đông	24,89			24,89	Đang trình TBTHĐ
111	Cụm công nghiệp Thương Tín	Điện Nam Đông	26,33			26,33	Các lô CN2,3,4,5,6 đang trình PABT, nhà may Khang Hy đang trình TBTHĐ
112	Cụm công nghiệp An Lưu	Điện Nam Đông	19,72	1,43		18,29	Vướng không lập thủ tục cấp mã số dự án đối với dự án GPMB độc lập, đang giải quyết
113	Làng nghề Đông Khương	Điện Phương	1,18			1,18	Đã GPMB xong, chưa được giao đất
114	Cụm công nghiệp Vân Ly	Điện Quang	0,97			0,97	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
115	Cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Điện Tiến	10,56			10,56	Đã GPMB và bàn giao cho chủ đầu tư 5,73 ha
116	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn sông Cổ Cò tại phường Điện Dương	Điện Dương	9,00			9,00	Đang thực hiện
117	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn Sông Cổ Cò đoạn từ địa giới hành chính giữa thị xã Điện Bàn và thành phố Hội An đến 9+500 tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn	Điện Dương	1,50			1,50	Đang thực hiện

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
118	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu Nghĩa Tự)	Điện Dương	2,00	0,50		1,50	Đã thực hiện xong 0,50 ha, năm 2025 tiếp tục thực hiện phần còn lại
119	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu ông Diên)	Điện Dương	0,30	0,30			Đã thực hiện xong
120	Nạo vét khơi thông sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14+ 000 đến Km 18 + 900	Điện Dương; Điện Ngọc	80,67			80,67	Đã đo đạc, kiểm đếm (Km 16+ 000 đến Km 18 + 900)
121	Nạo vét sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14 + 000 đến Km 16 + 000 (giai đoạn 2)	Điện Nam Trung; Điện Nam Bắc	11,46			11,46	Đã phê duyệt 01 phương án bồi thường tại Điện Nam Trung, năm 2025 tiếp tục thực hiện phần còn lại
122	Nạo vét sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14 + 000 đến Km 16 + 000 (giai đoạn 1)	Điện Ngọc	8,17			8,17	Đang lập phương án BT, GPMB
123	Cải tạo, xây dựng nghĩa trang nhân dân Gò Bướm	Điện Phước	0,35			0,35	Đã đo đạc giải thửa, chưa xét nguồn gốc đất, đang trình TBTHĐ
124	Mở rộng trường THCS Lê Trí Viễn	Điện Thăng Bắc	0,13			0,13	Đã thực hiện xong GPMB, đang làm hồ sơ giao đất
125	Hệ thống thoát nước các dự án ven biển phía Bắc thị xã Điện Bàn (giai đoạn 1,2)	Điện Ngọc	3,20			3,20	Đã bàn giao mặt bằng 01 phần cho chủ đầu tư, phần còn lại đang điều chỉnh hướng tuyến
*	Dự án ngoài ngân sách Nhà nước		547,67	5,01		542,66	
126	Hai lối vào của khu du lịch tại phường Điện Dương của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Phú Hải	Điện Dương	0,07			0,07	Chưa có TBTHĐ
127	Hệ thống lưới, chống quá tải lưới điện hạ thế và TBA khu vực Điện lực Điện Bàn năm 2023	Điện An; Điện Hòa; Điện Minh; Điện Ngọc; Điện Nam Bắc; Điện Nam Đông; Điện Phong; Điện Phước; Điện Thăng Bắc;	0,06			0,06	Năm 2024 chưa triển khai được, chuyển năm 2025 thực hiện

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
		Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung; Điện Thọ; Điện Tiến; Vĩnh Điện					
128	Hoàn thiện lưới điện trung hạ thế khu vực ĐL Điện Bàn năm 2024	Điện An; Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thắng Trung; Điện Thắng Nam; Điện Ngọc; Điện Thắng Bắc; Điện Nam Bắc	0,05			0,05	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
129	Chống quá tải lưới điện khu vực ĐL Điện Bàn năm 2024	Điện An; Vĩnh Điện; Điện Ngọc; Điện Minh; Điện Nam Bắc; Điện Thắng Trung; Điện Thắng Bắc; Điện Tiến; Điện Phương; Điện Nam Trung	0,04			0,04	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
130	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam	Điện Dương; Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thọ	0,25			0,25	Đã thẩm định trích đo, đang xét nguồn gốc đất bồi thường
131	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam (năm 2021)	Điện Hòa; Điện Nam Bắc; Điện Ngọc	0,11			0,11	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
132	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam năm 2022 (năm 2022)	Điện Hòa; Điện Phước; Điện Quang; Điện Thọ	0,18			0,18	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
133	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực thị xã Điện Bàn năm 2023	Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thọ và KCN Điện Nam - Điện Ngọc	0,02			0,02	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
134	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam năm 2023 (năm 2023)	Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thọ; Điện Trung	0,08			0,08	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
135	Cải tạo lưới điện trung áp khu vực Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn	Điện Minh; Điện Phong	0,02			0,02	Đã bố trí vốn năm 2024, Đang phê duyệt phương án bồi thường trên địa phận Điện Bàn

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
136	Đường dây 110 KV Duy Xuyên - Hội An	Điện Nam Đông; Điện Phương	0,15			0,15	Đã thu hồi đất trên địa bàn Điện Nam Đông, phần còn lại đang tiếp tục thực hiện
137	Hoàn thiện lưới điện tiếp nhận HTX Điện Phương năm 2023	Điện Phương	0,04			0,04	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
138	Xử lý điểm mất an toàn đường dây 110kV khu vực Quảng Nam năm 2024 (năm 2024)	Điện Thọ; Điện Trung	0,03			0,03	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
139	Khu xử lý nước thải sinh hoạt thuộc dự án Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hung - Lai Nghi giai đoạn 1	Điện Nam Đông	0,17			0,17	Đã GPMB được 80%, phần còn lại đã xét nguồn gốc đất
140	Khu dân cư đô thị số 2, phường Điện An	Điện An	0,59			0,59	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,36 ha
141	Khu dân cư số 1	Điện An	0,21			0,21	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, đang chờ kết luận thanh tra
142	Khu dân cư số 1 mở rộng	Điện An	0,56			0,56	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,32 ha; đã có kết luận thanh tra, tiếp tục thực hiện phần còn lại của dự án
143	Khu dân cư đô thị số 3, phường Điện An	Điện An	5,01			5,01	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 2,57 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
144	Khu dân cư khối phố Phong Nhị	Điện An	4,96			4,96	Dự án chưa được giao đất đợt nào, chưa phê duyệt phương án bồi thường, Đã kiểm kê xong, đang xét nguồn gốc đất để trình phương án bồi thường
145	Khu đô thị NGOC DUONG RIVERSIDE mở rộng	Điện Dương	2,50			2,50	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,15 ha

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
146	Khu đô thị Yến Hà My	Điện Dương	4,60			4,60	Dự án chưa được giao đất đợt nào, diện tích chưa được GPMB chỉ còn 0,25 ha, đã có TBTHĐ
147	Khu đô thị Đại Dương Xanh	Điện Dương	3,87			3,87	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,83 ha
148	Khu đô thị CoCo Riverside	Điện Dương	8,17			8,17	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,54 ha
149	Khu đô thị Ven sông Dương Hội	Điện Dương	3,33			3,33	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,00 ha
150	Khu đô thị Phúc Hợp Hà My	Điện Dương	1,84			1,84	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,21 ha
151	Khu đô thị Hưng Thịnh	Điện Dương	3,98			3,98	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,61 ha
152	Khu đô thị An Bình Riverside	Điện Dương	1,86			1,86	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,58 ha
153	Khu đô thị Ngọc Dương COCO	Điện Dương	0,78			0,78	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,64 ha
154	Khu đô thị Phú Thịnh	Điện Dương	1,59			1,59	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 01 hộ với diện tích 0,10 ha
155	Khu đô thị NGOC DUONG RIVERSIDE	Điện Dương	1,79			1,79	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,10 ha
156	Khu đô thị Smart City Quảng Nam	Điện Dương	7,41			7,41	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,17 ha
157	Khu dân cư Thống Nhất (giai đoạn I)	Điện Dương	0,70			0,70	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đã được phê duyệt PABT

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
158	Khu dân cư Thống Nhất (giai đoạn II)	Điện Dương	4,09			4,09	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,3 ha; đã kiểm kê xong đất nông nghiệp
159	Khu dân cư Đô Thị Hà Quảng	Điện Dương	13,18			13,18	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 10,4 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
160	Khu đô thị thương mại dịch vụ Bắc Hội An	Điện Dương	15,60			15,60	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB là 11,0 ha, đang trình lại TBTHĐ
161	Khu dân cư - TĐC Hà My Đông A	Điện Dương	19,30			19,30	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 13,3 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
162	Khu đô thị Phúc Viên	Điện Dương	14,76			14,76	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB còn 10,73 ha, đang lên phương bố trí tái định cư và di dời mồ mả
163	Khu đô thị Tân Khang	Điện Dương	9,14			9,14	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,44 ha
164	Khu đô thị R.O.S.E ĐÔ	Điện Dương	23,13			23,13	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT 13,32 ha, còn lại 9,81 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
165	Đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị phía đông đường Trần Thủ Độ - Evergreen	Điện Dương; Điện Nam Đông; Điện Nam Trung	49,80			49,80	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã ban hành TBTHĐ, đã đo đạc kiểm đếm, đang xét nguồn gốc đất để thẩm định phương án bồi thường
166	Khu đô thị An Phú	Điện Dương; Điện Nam Trung	1,94			1,94	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB phần lớn ở Điện Nam Trung với diện tích 0,99 ha

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
167	Khu đô thị Hưng Thịnh mở rộng	Điện Dương; Điện Nam Trung	19,77			19,77	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 7,07 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
168	Khu đô thị QNK I	Điện Dương; Điện Ngọc	11,32			11,32	Đang trình giao đất đợt 2
169	Khu tái định cư các dự án tại các phường Điện Ngọc và Điện Dương	Điện Dương; Điện Ngọc	3,00			3,00	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB là 3,79 ha, đang trình TBTHĐ
170	Khu dân cư đô thị Điện Minh (giai đoạn 1)	Điện Minh	7,68			7,68	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 6,80 ha, đã có TBTHĐ
171	Khu đô thị Nam Ngọc	Điện Nam Bắc, Điện Ngọc	9,94			9,94	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã thực hiện kiểm đếm và xác định nguồn gốc đất nông nghiệp đợt 1
172	Khu đô thị Đông Dương	Điện Nam Bắc, Điện Ngọc	12,58			12,58	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 9,39 ha, khó khăn của dự án là đang ảnh hưởng đến khoảng 1000 ngôi mộ phải GPMB
173	Khu đô thị An Nam	Điện Nam Bắc; Điện Nam Trung	19,42			19,42	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã họp xét nguồn gốc đất, chưa trình phê duyệt phương án bồi thường
174	Khu đô thị Bình Ninh - Quảng Lăng	Điện Nam Bắc; Điện Nam Trung	8,14			8,14	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt phương án bồi thường đất nông nghiệp, đang thực hiện phần còn lại
175	Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng – Lai Nghi (giai đoạn 1)	Điện Nam Đông	0,93			0,93	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,17 ha, đang lập phương án bồi thường
176	Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 2	Điện Nam Đông	23,47	5,01		18,46	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 8,83 ha; Đã kiểm kê xét nguồn gốc đất, đang lập hồ sơ trình phê duyệt PABT

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
177	Khu đô thị Thiên Ân	Điện Nam Đông; Điện Nam Trung	6,43			6,43	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,30 ha
178	Khu nhà ở cho người thu nhập thấp	Điện Nam Trung	0,10			0,10	Còn 02 hộ chưa GPMB, đang tiếp tục vận động
179	Khu đô thị Trung Nam	Điện Nam Trung	5,03			5,03	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 5,33 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường, đang kiểm kê
180	Khu đô thị Lam	Điện Nam Trung	19,34			19,34	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã họp xét nguồn gốc đất, chưa trình phê duyệt phương án bồi thường
181	Khu đô thị Ánh Dương	Điện Nam Trung	2,24			2,24	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,44 ha
182	Khu đô thị SBC Miền Trung	Điện Nam Trung	3,29			3,29	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 2,69 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
183	Khu dân cư Quảng Lãng	Điện Nam Trung	2,26			2,26	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 1,0 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
184	Khu dân cư mới Bình An 2	Điện Nam Trung	1,70			1,70	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 02 hộ với diện tích 0,11 ha
185	Khu dân cư thu nhập thấp khu 2	Điện Nam Trung	4,53			4,53	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,80 ha; nhận bàn giao dự án từ Quỹ đầu tư và phát triển Quảng Nam, đang tiếp tục thực hiện quy trình đầu tư dự án
186	Khu đô thị, dịch vụ du lịch ven sông Cỏ Cò	Điện Ngọc	14,00			14,00	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã thực hiện kiểm đếm và xác định nguồn gốc đất nông nghiệp đợt 1 tại phường Điện Ngọc,

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
							đang lên phương án bố trí khu cải táng để di dời mộ mà ảnh hưởng.
187	Khu đô thị DATQUANG RIVERSIDE	Điện Ngọc	0,66			0,66	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đang xét nguồn gốc đất để trình phê duyệt phương án bồi thường
188	Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư Ngọc Vinh	Điện Ngọc	5,97			5,97	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,74 ha, đang xét nguồn gốc đất để trình phê duyệt phương án bồi thường
189	Khu Đô thị số 9 - Mở rộng	Điện Ngọc	6,72			6,72	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 6,80 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
190	Khu đô thị Ngân Câu	Điện Ngọc	32,72			32,72	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 5,44 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
191	Khu dân cư mới Thái Dương 2	Điện Ngọc	0,73			0,73	Đã thu hồi phần lớn diện tích, còn lại phần đất ở và mộ mà chưa GPMB
192	Khu đô thị Kiều Mẫu	Điện Ngọc	4,35			4,35	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 4,25 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
193	Khu đô thị Ngân Câu Villa	Điện Ngọc	29,76			29,76	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB phần lớn ở Điện Nam Trung với diện tích 11,73 ha
194	Khu dân cư phố chợ Điện Ngọc (giai đoạn II)	Điện Ngọc	1,03			1,03	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đang chồng lấn với dự án DT603 nối dài (GDII), còn 1 hộ đang giải quyết tranh chấp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
195	Khu đô thị Viêm Minh - Hà Dừa	Điện Ngọc	0,24			0,24	Đã được giao đất phần lớn diện tích, hiện nay còn 05 hộ vướng mắc trong công tác xác định nguồn gốc đất
196	Khu đô thị Viêm Trung	Điện Ngọc	3,38			3,38	Dự án chưa được giao đất đợt nào, dự án cơ bản đã thực hiện xong kiểm đếm nhưng chưa xét nguồn gốc đất
197	Khu dân cư Green Land	Điện Ngọc	1,75			1,75	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã tổ chức đo đạc và kiểm đếm 98% diện tích dự án; đang rà soát hồ sơ để xét nguồn gốc đất
198	Khu đô thị DATQUANG RIVERSIDE 2	Điện Ngọc	7,95			7,95	Dự án chưa được giao đất đợt nào, chưa phê duyệt phương án bồi thường
199	Thu hồi đất ngoài ranh giới Khu đô thị Ngân Câu để bố trí mương thoát nước và taluy đắp đất san nền	Điện Ngọc	0,83			0,83	Đã đo đạc xong, chưa kiểm đếm
200	Tuyến đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (ĐT 603 nối dài) lý trình Km 2+280 - km2+926	Điện Ngọc	1,02			1,02	Còn lại 1,02 ha chưa phê duyệt PABT
201	Khu đô thị Mỹ Gia	Điện Ngọc	4,78			4,78	Dự án chưa được giao đất đợt nào, còn lại 4,64 ha đang chờ giá đất nên chưa phê duyệt phương án bồi thường
202	Khu dân cư số 1, đô thị Điện Thắng	Điện Thắng Bắc	0,94			0,94	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 05 hộ với diện tích 0,10 ha, đang lập hồ sơ cưỡng chế
203	Khu đô thị Điện Thắng Nam giai đoạn 1	Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung	9,45			9,45	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 2,0 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
204	Khu dân cư đô thị Điện Thắng Trung (Khu vực 2)	Điện Thắng Trung	0,14			0,14	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ 0,13 ha

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
205	Khu dân cư phố chợ Điện Thắng Trung	Điện Thắng Trung	0,05			0,05	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại chỉ còn 0,05 ha
206	Khu dân cư Phúc Thành	Điện Thắng Trung	8,50			8,50	Đã ban hành KHTHĐ, đang triển khai đo đạc
207	Khu dân cư Khối 7, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	Vĩnh Điện	1,53			1,53	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,47 ha, đã có TBTHĐ
208	Khu dân cư Khối 6 - Giai đoạn 2	Vĩnh Điện	1,39			1,39	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,38 ha, toàn bộ đất ở phải bố trí tái định cư
209	Khu dân cư thương mại ẩm thực Giáp Ba	Vĩnh Điện	4,05			4,05	Đã ban hành KHTHĐ, chưa đo đạc kiểm kê
210	Khu dân cư Hà Đông	Điện Hòa	8,24			8,24	Đang trình KHTHĐ
211	Khu dân cư mới Quang Phường	Điện Hòa	9,80			9,80	Đã có KHTHĐ
212	Khu dân cư Bình Long, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn	Điện Phước	6,70			6,70	Chưa đo đạc kiểm kê, đang lấy ý kiến Sở ban ngành về quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500
213	Khu dân cư trung tâm hành chính xã Điện Phước	Điện Phước	13,78			13,78	Đã xét nguồn gốc đất; đã chờ giá đất để trình phê duyệt phương án bồi thường
214	Khu dân cư nông thôn Thái Cẩm phục vụ tái định cư đường trục chính cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Điện Tiến	0,08			0,08	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
B	Kết quả thực hiện danh mục dự án thu hồi đất (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, không có trong NQ HĐND tỉnh) bao gồm: Danh mục công trình, dự án quy định tại Điều 61 và khoản 1,2 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 78 Luật Đất đai năm 2024		5,43	2,91		2,52	

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Phê duyệt	Thực hiện xong	Hủy bỏ	Chuyển tiếp 2025	Ghi chú
215	Trụ sở công an Điện Minh	Điện Minh	0,20			0,20	Đã ban hành KHTHĐ, đã thẩm định trích đo, đã thẩm định thiết kế công trình, chưa có TBTHĐ
216	Trụ sở công an xã Điện Phong	Điện Phong	0,15			0,15	Đất UB xã quản lý, xã đã bàn giao đất, đang lập hồ sơ trình thị xã thu hồi đất
217	Trụ sở công an xã Điện Quang	Điện Quang	0,10			0,10	Đang trình KHTHĐ
218	Trụ sở công an phường Điện Thắng Nam	Điện Thắng Nam	0,21			0,21	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
219	Trụ sở công an phường Điện Thắng Trung	Điện Thắng Trung	0,23			0,23	Đã ban hành KHTHĐ
220	Trụ sở công an xã Điện Thọ	Điện Thọ	0,12			0,12	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
221	Trụ sở công an xã Điện Tiến	Điện Tiến	0,18			0,18	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
222	Trụ sở công an phường Vĩnh Điện	Vĩnh Điện	0,13			0,13	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
223	Nhà làm việc của BCH Quân sự phường	Điện Ngọc	0,07			0,07	Điều chỉnh 1/500 của dự án Ngân Câu tách phần đất BCH quân sự ra để thực hiện giao đất cho quân sự xây dựng nhà làm việc của BCH Quân sự phường
224	Mở rộng khu sơ tán quân sự	Điện Phong	2,91	2,91			Thực hiện xong (Đã có quyết định giao đất)
225	Xây dựng CSHT lô 16 (giai đoạn 2) Khu Công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc	Điện Nam Trung	0,96			0,96	Thuộc Khoản 4 Điều 67 Luật đất đai 2024
226	Trụ sở làm việc Công an xã Điện Hồng	Điện Hồng	0,17			0,17	Đang trình KHTHĐ

...

2.4. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

a. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp

Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 366,17 ha. Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước 159,68 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 127,23 ha; Đất trồng cây lâu năm 78,56 ha; Đất rừng sản xuất 0,66 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,04 ha. Kết quả thực hiện như sau:

Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp đã thực hiện là 9,86 ha. Trong đó thực hiện: Đất chuyên trồng lúa nước 3,04 ha; Đất trồng cây hàng năm khác 6,14 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,68 ha.

Bảng 3.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích theo kế hoạch 2024 phê duyệt	Diện tích đã thực hiện năm 2024	Tăng; giảm	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	366,17	9,86	-356,31	2,69
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	159,68	3,04	-156,64	1,90
-	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>159,68</i>	<i>3,04</i>	<i>-156,64</i>	<i>1,90</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	127,23	6,14	-121,09	4,83
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	78,56	0,68	-77,88	0,87
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,66		-0,66	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>				
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,04		-0,04	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp					
	...					
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn					
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp					

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích theo kế hoạch 2024 phê duyệt	Diện tích đã thực hiện năm 2024	Tăng; giảm	Tỷ lệ (%)
4.1	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	14,19	2,36		16,63

b. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

- Tổng công trình, dự án đã phê duyệt là 86 dự án, với tổng diện tích 446,90 ha; trong đó 164,08 ha đất lúa.

- Đã thực hiện: 3 dự án (tỷ lệ 3,49%) với tổng diện tích 9,60 ha (tỷ lệ 2,15%); trong đó thực hiện 3,04 ha đất lúa (tỷ lệ 1,85%).

- Chuyển sang 2025: 76 dự án (tỷ lệ 88,37%) với tổng diện tích 411,21 ha (tỷ lệ 92,01%); trong đó chuyển tiếp 140,19 ha đất lúa (tỷ lệ 85,44%).

- Hủy bỏ: 7 dự án, (tỷ lệ 8,14%) với tổng diện tích 26,09 ha (tỷ lệ 5,84%); trong đó hủy bỏ 20,85 ha đất lúa (tỷ lệ 12,71%).

** Dự án đã chuyển mục đích đất trồng lúa (3,04 ha đất trồng lúa) gồm:*

- Cụm công nghiệp Trảng Nhặt II: đã thực hiện 2,16 ha đất lúa Nghị quyết 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022)

- Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH1 đến công chui đường cao tốc (mở rộng thêm 5m): đã thực hiện 0,12 ha đất lúa (Nghị quyết 84/NQ-HĐND ngày 8/12/2021)

- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Cao Vân (Đoạn từ Mẹ Thử đến Cao Thắng): đã thực hiện 0,15 ha đất lúa (Nghị quyết 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022)

- Nhà lưu niệm Chí sĩ Trần Quý Cáp: đã thực hiện 0,35 ha đất lúa (Nghị quyết 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022)

- Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 2: đã thực hiện 0,26 ha đất lúa (Nghị quyết 67/NQ-HĐND ngày 9/12/2022)

2.5. Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 42,39 ha. Kết quả thực hiện được 4,46 ha (tỷ lệ 10,52%).

Bảng 2.4. Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phê duyệt	Diện tích thực hiện	Tăng; giảm	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
	Tổng cộng		42,39	4,46	-37,93	10,52

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phê duyệt	Diện tích thực hiện	Tăng; giảm	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	42,39	4,46	-37,93	10,52
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,80	2,80		100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	0,01		-0,01	
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	10,73	0,10	-10,63	0,93
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4,11		-4,11	
	Đất giao thông	DGT	2,44		-2,44	
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,56		-0,56	
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,11		-1,11	
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	24,64	1,56	-23,08	6,33
2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	0,10		-0,10	

2.6. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

a. Đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp bảo vệ, cải tiến đất và bảo vệ môi trường

Sau một năm thực hiện, các biện pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường đã đạt được những kết quả đáng khích lệ:

- Bảo vệ đất nông nghiệp: Hạn chế chuyển đổi đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp không hợp lý, nâng cao ý thức của người dân trong việc sử dụng đất bền vững.
- Cải tạo đất: Triển khai các dự án thủy lợi, chống xói mòn, bạc màu và nhiễm phèn. Một số khu vực canh tác đã cải thiện đáng kể độ phì nhiêu của đất.
- Kiểm soát ô nhiễm đất: Tăng cường giám sát chất thải công nghiệp, xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường.
- Bảo vệ rừng và trồng cây xanh: Duy trì diện tích trồng rừng, đặc biệt là tại các khu vực nhạy cảm xói mòn đất.
- Ứng dụng công nghệ: Mở rộng sử dụng phân bón hữu cơ và công nghệ sinh học trong nông nghiệp, giúp cải thiện chất lượng đất.

b. Đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Tài chính: Đã huy động được một phần ngân sách từ Nhà nước, kết hợp với vốn đầu tư từ doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, một số dự án gặp khó khăn do thiếu vốn.
- Nhân lực: Cán bộ quản lý đất đai được đào tạo nâng cao năng lực, nhưng vẫn còn thiếu hụt nhân lực chuyên môn sâu tại một số địa phương.
- Hợp tác quốc tế: Đã có một số dự án hợp tác nghiên cứu về quản lý tài nguyên đất với các tổ chức quốc tế, nhưng quy mô chưa lớn.

c. Đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp pháp lý trong kế hoạch sử dụng đất

- Công khai, minh bạch thông tin: Đã tăng cường công khai thông tin quy hoạch, giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận thông tin dễ dàng hơn.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát: Xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý đất đai, giảm thiểu tình trạng lấn chiếm và sử dụng đất sai mục đích.

d. Đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp khác

- Hỗ trợ tái định cư: Đã triển khai chính sách hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi quy hoạch, đảm bảo ổn định đời sống.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức: Các chương trình truyền thông về bảo vệ tài nguyên đất được đẩy mạnh, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng.

e. Kết luận

Sau một năm thực hiện, các giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất và quản lý sử dụng đất đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục. Để tiếp tục nâng cao hiệu quả, cần: Tăng cường đầu tư tài chính và nhân lực cho các chương trình cải tạo đất; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quản lý và giám sát đất đai; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp lý, xử lý nghiêm các vi phạm; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ đất và môi trường. Việc tiếp tục triển khai các giải pháp này sẽ góp phần sử dụng đất hiệu quả, bền vững trong thời gian tới.

2.7. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Điện Bàn

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Điện Bàn đã góp phần đảm bảo phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Việc sử dụng đất hiệu quả không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư.

2.7.1. Hiệu quả kinh tế

a. Phát triển du lịch và dịch vụ

- Thị xã Điện Bàn là điểm đến du lịch nổi tiếng với các khu du lịch ven biển được đầu tư đồng bộ. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã tập trung phát triển các khu vực dịch vụ, khu nghỉ dưỡng nhằm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến với thị xã Điện Bàn.

- Tăng nguồn thu ngân sách từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ, lưu trú và giải trí.

b. Thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng

- Quy hoạch các khu kinh tế trọng điểm như khu đô thị du lịch, khu thương mại - dịch vụ và khu công nghiệp nhẹ giúp thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách.

- Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng như đường giao thông, khu dân cư mới tạo động lực phát triển kinh tế, đồng thời nâng cao giá trị bất động sản khu vực.

c. Tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm

- Các dự án phát triển đô thị, du lịch và dịch vụ không chỉ tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề phụ trợ như thủ công mỹ nghệ, dịch vụ lưu trú và ẩm thực truyền thống.

2.7.2. Hiệu quả xã hội

a. Nâng cao chất lượng cuộc sống

- Việc phát triển các khu đô thị hiện đại với đầy đủ tiện ích công cộng như trường học, bệnh viện, công viên cây xanh giúp cải thiện chất lượng sống của người dân.

- Giao thông thuận lợi hơn nhờ quy hoạch lại các tuyến đường chính và phát triển hệ thống giao thông công cộng.

b. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa

- Kế hoạch sử dụng đất chú trọng bảo tồn các khu di tích, làng nghề truyền thống và các di tích lịch sử, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa độc đáo

- Các dự án phát triển đều tuân thủ nguyên tắc bảo tồn văn hóa.

c. Giải quyết vấn đề an sinh xã hội

- Chính sách hỗ trợ tái định cư và tạo việc làm cho người dân bị ảnh hưởng bởi kế hoạch giúp đảm bảo quyền lợi và ổn định đời sống.

- Đào tạo nghề và nâng cao kỹ năng lao động để đáp ứng nhu cầu làm việc trong các lĩnh vực mới như dịch vụ và du lịch.

2.7.3. Hiệu quả môi trường

a. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

- Việc quy hoạch sử dụng đất hợp lý giúp bảo vệ các vùng sinh thái ven biển và hệ sinh thái tự nhiên, góp phần duy trì đa dạng sinh học.

- Xây dựng các khu đô thị sinh thái với tỷ lệ cây xanh cao, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tạo không gian sống trong lành..

b. Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu

- Áp dụng các giải pháp xây dựng chống ngập, thoát nước hiệu quả để ứng phó với tình trạng nước biển dâng và mưa lớn.

- Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo như điện mặt trời và các công nghệ xây dựng thân thiện với môi trường.

c. Quản lý và xử lý chất thải

- Hệ thống quản lý chất thải đô thị được nâng cấp để đảm bảo thu gom, phân loại và xử lý đúng quy trình.

- Khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động tái chế và giảm thiểu rác thải sinh hoạt.

2.7.4. Đánh giá chung

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Điện Bàn là giải pháp hữu hiệu nhằm phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới. Việc triển khai đồng bộ và hiệu quả sẽ mang lại diện mạo mới cho thị xã, góp phần nâng cao đời sống người dân và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

2.8. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Thực tế quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn đã đạt nhiều chỉ tiêu sử dụng đất quan trọng góp phần to lớn trong việc phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương. Trong quá trình sử dụng, chuyển mục đích đều dựa trên quan điểm khai thác tiết kiệm, hiệu quả, triệt để quỹ đất, đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, phát triển hạ tầng, nên các diện tích đất thu hồi đã có sự đồng thuận cao trong nhân dân, ít có xảy ra khiếu kiện nhiều do thu hồi đất. Bên cạnh đó, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 vẫn còn những tồn tại nhất định, cụ thể như sau:

- Một số ngành, lĩnh vực và một số địa phương đăng ký nhu cầu quá cao, chưa có nguồn vốn để thực hiện, trong khi thời gian để thực không nhiều nên không đạt kế hoạch đề ra.

- Nguồn kinh phí đầu tư trong năm còn nhiều hạn chế, kinh phí đầu tư và nguồn nội lực, huy động vốn tích lũy trong nhân dân cũng như của các tổ chức chưa đạt như kế hoạch đề ra.

- Một số ngành, địa phương, các doanh nghiệp, chủ đầu tư đăng ký nhu cầu sử dụng đất chưa có kế hoạch cụ thể, còn mang tính dự đoán, chưa tìm hiểu sâu sát vào tình hình thực tế của địa phương, chưa rà soát đúng với hiện trạng sử dụng đất nên chỉ tiêu đưa ra thiếu cơ sở thực tế dẫn đến sự chênh lệch giữa chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đưa ra và khả năng thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2.9. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Các địa phương cấp xã chưa nhận thấy được tầm quan trọng của kế hoạch sử dụng đất hàng năm, cũng như chưa dự tính được tính khả thi của dự án.

Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt nhưng các địa phương không quyết tâm thực hiện, đặc biệt là hạng mục khai thác đất ở và kêu gọi đầu tư.

Việc tổ chức thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt còn thiếu đồng bộ, thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát. Một số phương án kế hoạch chưa được dự báo sát với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, việc lựa chọn địa điểm xây dựng dự án chưa phù hợp với khả năng thực hiện, không thu hút được nhà đầu tư.

Do ảnh hưởng từ khó khăn chung của nền kinh tế nên trong những năm qua nên việc đầu tư xây dựng các công trình của các chủ đầu tư có phần chậm lại. Nguồn vốn dành việc đầu tư xây dựng còn thiếu.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ

Hiện nay, UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thị xã Điện Bàn tại Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 28/6/2023. Do đó chỉ tiêu sử dụng đất cho năm KHSD

đất 2025 của thị xã sẽ được xác định dựa trên chỉ tiêu được phê duyệt theo quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất do thị xã xác định.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trong kế hoạch sử dụng đất năm trước vẫn còn nhiều chỉ tiêu chưa thực hiện nhưng vẫn còn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của thị xã nên được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Cụ thể như sau:

Bảng 3.2. Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chuyển sang năm 2025

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu năm 2024 phê duyệt		Chỉ tiêu năm 2024 đã thực hiện	Chỉ tiêu năm 2024 chuyển tiếp sang năm 2025			Chỉ tiêu năm 2024 hủy bỏ
			Diện tích	SL dự án		Diện tích	Tỷ lệ (%)	SL dự án	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(7)/(4)*100	(8)	(9)
	Tổng cộng		1.268,39	285	30,19	1.200,23	94,63	260	37,97
1	Đất nông nghiệp	NNP	67,05	4		67,05	100,00	4	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	51,65	2		51,65	100,00	2	
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	51,65	2		51,65	100,00	2	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	15,40	2		15,40	100,00	2	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.201,34	281	30,19	1.133,18	94,33	256	37,97
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	67,91	24	0,51	65,65	96,67	23	1,75
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	636,08	116	8,14	605,42	95,18	109	22,52
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,98	2		17,98	100,00	2	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	3,08	3	2,91	0,17	5,52	2	
2.5	Đất an ninh	CAN	2,38	17	0,23	2,15	90,34	15	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	15,99	21	0,35	12,94		19	2,70
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,03	3	0,35	1,68	82,76	2	
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,10	1		0,10	100,00	1	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2,87	2		0,17	5,92	1	2,70
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	10,01	13		10,01	100,00	13	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,98	2		0,98	100,00	2	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	178,08	16	7,82	170,06		15	0,20
-	Đất khu công nghiệp	SKK	0,96	1		0,96	100,00	1	
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	114,89	8	7,82	107,07	93,19	8	
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	60,03	4		60,03	100,00	4	
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2,20	3		2,00	90,91	2	0,20
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	156,52	69	8,43	141,93		61	6,16

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu năm 2024 phê duyệt		Chỉ tiêu năm 2024 đã thực hiện	Chỉ tiêu năm 2024 chuyển tiếp sang năm 2025			Chỉ tiêu năm 2024 hủy bỏ
			Diện tích	SL dự án		Diện tích	Tỷ lệ (%)	SL dự án	
-	Đất công trình giao thông	DGT	133,20	46	8,43	124,77	93,67	40	
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	3,40	2		3,40	100,00	2	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	3,72	5		1,56	41,94	4	2,16
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	1,17	2		1,17	100,00	2	
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,03	12		1,03	100,00	12	
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	14,00	2		10,00	71,43	1	4,00
2.9	Đất tôn giáo	TON	0,12	1		0,12	100,00	1	
2.10	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	10,10	5	1,00	4,46	44,16	3	4,64
2.11	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	113,10	7	0,80	112,30	99,29	6	

Nhìn chung tỷ lệ chuyển tiếp chỉ tiêu từ kế hoạch 2024 sang 2025 là rất cao, tỷ lệ 95,08%. Cụ thể như sau:

- Đất chuyên trồng lúa: chỉ tiêu phê duyệt là 51,65 ha để thực hiện 2 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 51,65 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 2 danh mục.

- Đất trồng cây hàng năm khác: chỉ tiêu phê duyệt là 15,40 ha để thực hiện 2 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 15,40 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 2 danh mục.

- Đất ở tại nông thôn: chỉ tiêu phê duyệt là 67,91 ha để thực hiện 24 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 65,65 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 96,67%) để chuyển tiếp 23 danh mục.

- Đất ở tại đô thị: chỉ tiêu phê duyệt là 636,08 ha để thực hiện 116 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 605,55 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 95,20%) để chuyển tiếp 109 danh mục.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: chỉ tiêu phê duyệt là 17,98 ha để thực hiện 2 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 17,98 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 2 danh mục.

- Đất quốc phòng: chỉ tiêu phê duyệt là 3,08 ha để thực hiện 3 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 0,17 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 5,52%) để chuyển tiếp 2 danh mục.

- Đất an ninh: chỉ tiêu phê duyệt là 2,38 ha để thực hiện 17 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 2,15 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 90,34 %) để chuyển tiếp 15 danh mục.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: chỉ tiêu phê duyệt là 2,03 ha để thực hiện 3 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 1,68 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 82,76%) để chuyển tiếp 2 danh mục.

- Đất xây dựng cơ sở xã hội: chỉ tiêu phê duyệt là 0,10 ha để thực hiện 1 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 0,10 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 1 danh mục.

- Đất xây dựng cơ sở y tế: chỉ tiêu phê duyệt là 2,87 ha để thực hiện 2 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 2,87 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 2 danh mục.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: chỉ tiêu phê duyệt là 10,01 ha để thực hiện 13 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 10,01 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 13 danh mục.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: chỉ tiêu phê duyệt là 0,98 ha để thực hiện 2 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 0,98 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 2 danh mục.

- Đất khu công nghiệp: chỉ tiêu phê duyệt là 0,96 ha để thực hiện 1 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 0,96 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00 %) để chuyển tiếp 1 danh mục.

- Đất cụm công nghiệp: chỉ tiêu phê duyệt là 114,89 ha để thực hiện 8 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 107,07 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 93,19 %) để chuyển tiếp 8 danh mục.

- Đất thương mại, dịch vụ: chỉ tiêu phê duyệt là 60,03 ha để thực hiện 4 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 60,03 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 4 danh mục.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: chỉ tiêu phê duyệt là 2,20 ha để thực hiện 3 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 2,00 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 90,91%) để chuyển tiếp 2 danh mục.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: chỉ tiêu phê duyệt là 156,52 ha để thực hiện 69 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 141,93 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 0,00%) để chuyển tiếp 61 danh mục.

- Đất công trình giao thông: chỉ tiêu phê duyệt là 133,20 ha để thực hiện 46 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 124,77 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 93,67%) để chuyển tiếp 40 danh mục.

- Đất công trình thủy lợi: chỉ tiêu phê duyệt là 3,40 ha để thực hiện 2 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 3,40 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 2 danh mục.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: chỉ tiêu phê duyệt là 3,72 ha để thực hiện 5 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 1,56 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 41,94%) để chuyển tiếp 4 danh mục.

- Đất công trình xử lý chất thải: chỉ tiêu phê duyệt là 1,17 ha để thực hiện 2 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 1,17 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 2 danh mục.

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: chỉ tiêu phê duyệt là 1,03 ha để thực hiện 12 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 1,03 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 12 danh mục.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: chỉ tiêu phê duyệt là 14,00 ha để thực hiện 2 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 10,00 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 71,43%) để chuyển tiếp 1 danh mục.

- Đất tôn giáo: chỉ tiêu phê duyệt là 0,12 ha để thực hiện 1 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 0,12 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 100,00%) để chuyển tiếp 1 danh mục.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: chỉ tiêu phê duyệt là 10,10 ha để thực hiện 5 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 4,46 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 44,16%) để chuyển tiếp 3 danh mục.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: chỉ tiêu phê duyệt là 113,10 ha để thực hiện 7 danh mục; chuyển tiếp sang kế hoạch 2025 là 112,30 ha (tỷ lệ diện tích chuyển tiếp 99,29%) để chuyển tiếp 6 danh mục.

Bảng 3.3. Công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
	Tổng cộng		1.220,50	1.200,23	
A	Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 2/4/2024 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thị xã Điện Bàn		795,14	774,87	
A.1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		1,39	1,39	
A.1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		1,39	1,39	
1	Trụ sở công an Điện Minh	Điện Minh	0,20	0,20	Đã ban hành KHTHĐ, đã thẩm định trích đo, đã thẩm định thiết kế công trình, chưa có TBTHĐ

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
2	Trụ sở công an xã Điện Phong	Điện Phong	0,15	0,15	Đất UB xã quản lý, xã đã bàn giao đất, đang lập hồ sơ trình thị xã thu hồi đất
3	Trụ sở công an xã Điện Quang	Điện Quang	0,10	0,10	Đang trình KHTHĐ
4	Trụ sở công an phường Điện Thắng Nam	Điện Thắng Nam	0,21	0,21	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
5	Trụ sở công an phường Điện Thắng Trung	Điện Thắng Trung	0,23	0,23	Đã ban hành KHTHĐ
6	Trụ sở công an xã Điện Thọ	Điện Thọ	0,12	0,12	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
7	Trụ sở công an xã Điện Tiến	Điện Tiến	0,18	0,18	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
8	Trụ sở công an phường Vĩnh Điện	Vĩnh Điện	0,13	0,13	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
9	Nhà làm việc của BCH Quân sự phường	Điện Ngọc	0,07	0,07	Điều chỉnh 1/500 của dự án Ngân Câu tách phần đất BCH quân sự ra để thực hiện giao đất cho quân sự xây dựng nhà làm việc của BCH Quân sự phường
A.1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng				
*	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất				
*	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất				
10	Xây dựng CSHT lô 16 (giai đoạn 2) Khu Công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc	Điện Nam Trung	0,96	0,96	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
A.2	Các công trình, dự án còn lại		793,75	772,52	
A.2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		672,67	655,28	
*	Dự án thuộc ngân sách Nhà nước		471,61	459,23	
10	Giải phóng mặt bằng, tái định cư tại khu vực Xí nghiệp đình	Vĩnh Điện	0,10	0,10	Đã có TBTHĐ
11	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt II	Điện Hòa	9,60	5,92	Đã thực hiện 3,68/9,60 ha trong năm 2024, chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện phần còn lại

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
12	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt I	Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung	21,64	21,64	Đang GBMP 1 số lô CN9, CN10, đã có thông báo thu hồi đất
13	Khu di tích lịch sử cấp quốc gia Giếng Nhà Nhì phường Điện Ngọc, hạng mục đền bù GPMB và xây dựng tường rào bao quanh	Điện Ngọc	1,00	1,00	Chưa phê duyệt dự án
14	Mở rộng Đình Viêm Tây	Điện Thắng Bắc	0,32	0,32	Đã ban hành TBTHĐ
15	Mở rộng Di tích Lò Gạch	Điện Trung	0,05	0,05	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
16	Trường mẫu giáo Điện Minh (Điểm Trung Phú 2)	Điện Minh	0,19	0,19	Đã xây dựng, đang thực hiện thủ tục giao đất
17	Xây mới trường THCS Nguyễn Du	Điện Phương	1,10	1,10	Đang xây dựng phương án đo đạc
18	Mở rộng trường Nguyễn Khuyến	Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Trung	0,42	0,42	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
19	Cầu và đường dẫn vào đường ĐH 14.ĐB (giai đoạn 1)	Điện An; Điện Minh	0,50	0,50	Đã thu hồi hết đất lúa, còn đất ở đang lập thủ tục thu hồi
20	Cầu Nghĩa Tự	Điện Dương	5,00	5,00	Đã có TBTHĐ
21	Tuyến từ đường ĐT 603B đến nhà ông Đình Phẩm, phường Điện Dương	Điện Dương	1,55	1,55	Chưa phê duyệt dự án
22	Đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (Đoạn 04 Km còn lại)	Điện Dương; Điện Nam Bắc; Điện Nam Trung; Điện Ngọc	33,30	33,30	Đã phê duyệt dự án nhưng chưa triển khai công tác GPMB
23	Cầu và đường dân sinh nối giữa thôn Đông Hồ xã Điện Hòa với khối phố Phong Nhất phường Điện An (tuyến đường đi qua Nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ Văn phòng Huyện uỷ Điện Bàn hy sinh trong thời kháng chiến chống Mỹ)	Điện An; Điện Hòa	0,51	0,51	Chưa phê duyệt dự án
24	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam	Điện Hòa; Điện Tiên	17,00	17,00	Đã phê duyệt 02 phương án bồi thường với tổng diện tích 6,07 ha; đang xét nguồn gốc đất phần còn lại trên địa bàn xã Điện Tiên
25	Dự án Cầu Văn Ly và đường dẫn	Điện Hồng; Điện Quang	12,20	12,20	Đã ban hành TBTHĐ, đang trình phương án bồi thường
26	Nâng cấp, mở rộng trục chính nội thị (Đoạn từ ngã ba đường tránh Điện Minh đến cầu Câu Lâu)	Điện Minh; Điện Phương	4,20	0,57	Đã phê duyệt 03 phương án bồi thường, phạm vi đã có quyết định thu hồi đất và

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
					phê duyệt PABT khoảng 85% diện tích dự án
27	Mở rộng đường trục chính qua trung tâm thị xã Điện Bàn đoạn từ Ngã ba Cây Sọp đến ngã ba đường tránh Điện Minh	Điện Minh; Vĩnh Điện	0,10	0,10	Còn 1 số hộ chưa bồi thường
28	Tuyến từ nhà ông Bổng đến Điện Nam Trung, phường Điện Nam Bắc	Điện Nam Bắc	3,00	3,00	Chưa phê duyệt dự án
29	Đường giao thông từ ĐT608 đến cụm công nghiệp An Lưu và cầu Bến Bông	Điện Nam Đông	4,29	4,29	Đang trình phương án bồi thường
30	Đường từ nhà ông Đình Thảo đến nhà ông Thân Tiên, phường Điện Nam Đông	Điện Nam Đông	0,80	0,80	Chưa phê duyệt dự án, năm 2024 chưa bố trí được vốn, chuyển năm 2025 thực hiện
31	Công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 608, đoạn từ Km1+494,57 đến Km4+754,01 thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Điện Nam Đông; Điện Minh; Điện Phương; Điện An; Điện Phước	0,05	0,05	Đã cơ bản GPMB xong, còn 1 hộ
32	Nâng cấp, mở rộng đường 773 giai đoạn 2	Điện Nam Trung	1,60	1,60	Đã ban hành TBTHĐ, đang xét nguồn gốc đất để phê duyệt phương án bồi thường
33	Đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc	Điện Nam Trung	7,40	7,40	Đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đất nông nghiệp. Đang bố trí tái định cư.
34	Mở rộng đường giao thông nội bộ tại các khối phố	Điện Nam Trung	0,05	0,05	Đang tiếp tục vận động người dân hiến đất
35	Nâng cấp mở rộng đường 773 giai đoạn 1	Điện Nam Trung	0,02	0,02	Còn 5 hộ chưa phê duyệt giá cụ thể nên chưa phê duyệt PABT
36	Đường từ nhà ông Nhì (giáp đường 773) đến giáp đường ĐH9, phường Điện Nam Trung và phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn	Điện Nam Trung; Điện Nam Đông	1,50	1,50	Chưa phê duyệt dự án, năm 2024 chưa bố trí được vốn, chuyển năm 2025 thực hiện, đã họp dân để triển khai chủ trương dự án
37	Đường nối tuyến ĐT603A với đường ĐT607 (Đoạn còn lại 2,40 km) phường Điện Ngọc, điểm đầu nút giao ngã ba đường ĐT607A (ngã ba Cây Xoài), điểm cuối giáp đoạn đã thi công (dự án BT 1,9km do Công ty TNHH SX&TM Bách Đạt thực hiện)	Điện Ngọc	5,40	5,40	Dự án đã được phê duyệt trích đo địa chính, đang kiểm kê, đã ban hành TBTHĐ

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
38	Đường từ HTX 1/5 đến giáp Hòa Quý, phường Điện Ngọc	Điện Ngọc	2,00	2,00	Chưa phê duyệt dự án
39	Đường và cầu ĐH7 qua sông Vĩnh Điện	Điện Ngọc; Điện Thắng Bắc	1,00	1,00	Đã xong phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đã ban hành QĐTHĐ
40	Hạ tầng làng du lịch Cẩm Phú	Điện Phong	0,10	0,10	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
41	Hệ thống giao thông, thủy lợi và công trình phục vụ dự án phát triển vùng sản xuất giống lúa lai	Điện Phước; Điện Thọ	2,70	2,70	Đã ban hành thông báo thu hồi đất, đã xét nguồn gốc đất, đang chờ phê duyệt giá đất cụ thể để phê duyệt phương án bồi thường
42	Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị	Điện Phương	0,60	0,30	Đã xong được 0,30 ha, còn nhiều tuyến chưa có vốn để thực hiện
43	Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị	Điện Phương; Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung	2,70	2,70	Đang tiếp tục vận động người dân hiến đất
44	Đường ĐH6.ĐB nối dài (đoạn cuối tuyến từ ĐH5.ĐB đến ĐH1.ĐB)	Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Trung	0,15	0,15	Còn 6 hộ đang chờ bố trí tái định cư, đang điều chỉnh tuyến
45	Đường ĐH6.ĐB lý trình Km 4+100÷ Km 5+500	Điện Thắng Nam	0,06	0,06	Dự án cơ bản xong, còn lại 0,06 ha đang chờ phê duyệt điều chỉnh lại ranh giới dự án để triển khai
46	Đường ĐH15	Điện Thắng Trung	2,36	2,36	Đang thực hiện thủ tục thu hồi đất
47	Đường vào lò giết mổ gia súc, gia cầm tại xã Điện Thọ	Điện Thọ	0,40	0,40	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
48	Cầu Phong Thử trên tuyến ĐT.609 (nâng cấp, mở rộng).	Điện Thọ	2,00	2,00	Đã cắm mốc GPMB, chưa thực hiện các bước tiếp theo
49	Đường ĐH16	Điện Tiến	0,80	0,80	Đã thẩm định trích đo và ban hành KHTHĐ, dân hiến đất
50	Nâng cấp mở rộng tuyến Đường ĐH12 (từ ĐT605 đến giáp xã Hòa Tiến)	Điện Tiến	6,00	6,00	Đang khảo sát, chưa phê duyệt dự án
51	Đường ĐH9 - Đoạn còn lại	Điện Nam Trung; Điện Nam Đông; Điện Dương	3,11	3,11	Đã phê duyệt dự án; đã ban hành thông báo thu hồi đất, đang trình phương án bồi thường

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
52	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Cao Vân (đoạn từ Cao Thắng đến Phan Thành Tài)	Vĩnh Điện	0,58	0,58	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
53	Kè chống sạt lở sông Vĩnh Điện khu vực đường Nguyễn Văn Trỗi	Vĩnh Điện	0,07	0,07	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
54	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương và cải tạo hồ sen	Vĩnh Điện	4,50	4,50	Đã phê duyệt dự án, đã ban hành KHTH, đang thẩm định trích đo
55	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Sư Vạn Hạnh	Vĩnh Điện	0,45	0,45	Đã ban hành KHTHĐ, chưa đo đạc kiểm kê
56	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nguyễn Văn Trỗi	Vĩnh Điện	0,38	0,38	Đã ban hành Kế hoạch thu hồi đất
57	Nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Trần Nhân Tông	Vĩnh Điện	0,20	0,20	Đang tiếp tục phê duyệt PABT diện tích còn lại
58	Quảng trường công viên Phía Tây Điện Bàn (Gần cầu ĐH14, thuộc xã Điện Minh)	Điện Minh	10,00	10,00	Chưa phê duyệt dự án
59	Hệ thống xử lý nước thải Khu dân cư Nam Điện An và Khu dân cư phố chợ Vĩnh Điện	Điện An	1,00	1,00	Chưa phê duyệt dự án, đang khảo sát vị trí đầu tư
60	Nhà máy nước Gò Nổi	Điện Trung	0,20	0,20	Chưa phê duyệt dự án, đang khảo sát vị trí đầu tư
61	Khu thể thao thôn Tân Mỹ	Điện Minh	0,60	0,60	Đang lập thủ tục chủ trương đầu tư
62	Trung tâm thể dục thể thao Bắc Quảng Nam (Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi nằm ngoài vạch GPMB)	Vĩnh Điện	0,38	0,38	Đã GPMB xong, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
63	Nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ Tiểu đoàn 3 (MT 44 Quảng Đà)	Điện Thọ	0,12	0,12	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
64	Nhà lưu niệm cụ Phạm Phú Thứ	Điện Trung	1,56	1,56	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
65	Trạm y tế phường Điện Dương mở rộng	Điện Dương	0,17	0,17	Đang lập hồ sơ thẩm định trích đo
66	Mở rộng Khu nghĩa địa Tân Khai	Điện Dương	4,00	4,00	Diện tích dự án là 9,21 ha, đã GPMB 60%, nay còn 4 ha chưa thực hiện, đang xét lại nguồn gốc đất
67	Nhà tang lễ thị xã	Điện Thắng Trung	0,11	0,11	Chưa phê duyệt dự án, đang khảo sát vị trí đầu tư
68	Khu dân cư Nam Điện An giai đoạn 2	Điện An	7,40	7,40	Đã GPMB 90% diện tích, còn lại phần đất ở chưa phê duyệt PABT
69	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Cầu Nhi, phường	Điện An	0,23	0,23	Đã ban hành TBTHĐ, Còn 1 hộ trong vạch GPMB

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
	Điện An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị				chưa nhận tiền, đang trình phương án bồi thường phần diện tích ngoài vạch GPMB
70	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Ngọc Liên, phường Điện An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Điện An	1,31	1,31	Đã ban hành TBTHĐ, đã triển khai đến bước lập phương án bồi thường
71	Khu đô thị Nghĩa Tự	Điện Dương	2,09	2,09	Đang trình thẩm định hồ sơ đo đạc
72	Khu dân cư thôn 1 Điện Dương giai đoạn 3	Điện Dương	28,72	28,72	Đang điều chỉnh quy hoạch 1/500, giai đoạn bố trí vốn 2021-2025 theo chủ trương đầu tư
73	Các khu TĐC cầu Nghĩa Tự phường Điện Dương	Điện Dương	0,18	0,18	Đã GPMB xong, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
74	Đầu tư khu dân cư tại KP Trung Phú 2, Điện Minh để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng	Điện Minh	4,98	4,98	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
75	Đầu tư chính trang đô thị tại khối phố Cẩm Sa và khối phố 2A phường Điện Nam Bắc để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Nam Bắc	0,39	0,39	Đã thực hiện xong đo đạc giải thửa đối với dự án, đã tiến hành kiểm kê, xét nguồn gốc đất. Đang chờ phê duyệt giá cụ thể để trình thẩm định phương án bồi thường.
76	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Cổ An Đông, phường Điện Nam Đông (Khu 1) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Điện Nam Đông	0,12	0,12	Đã ban hành KHTHĐ, đang triển khai đo đạc
77	Đầu tư chính trang đô thị tại khối phố Quảng Hậu và khối phố Quảng Lăng A phường Điện Nam Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Nam Trung	0,45	0,32	Tách thành 2 dự án, Tại KP Quảng Lăng A: đang triển khai đo đạc kiểm kê, đã trình quy hoạch chi tiết 1/500; Tại KP Quảng Hậu: đã có mặt bằng sạch, phường đang lập quy hoạch chi tiết 1/500
78	Tạo lập, phát triển, khai thác quỹ đất tại khối 2, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	Vĩnh Điện	2,20	2,20	Đang xét nguồn gốc đất. Đang chờ phê duyệt giá cụ thể để trình thẩm định phương án bồi thường.
79	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 1 đến khu 4) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Vĩnh Điện	0,20	0,20	Đã có QĐTHĐ, đã chi tiền khu 3,4; còn khu 1,2 đã có thông báo THĐ

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
80	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 5 đến khu 7) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Vĩnh Điện	0,29	0,29	Đã thực hiện xong
81	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 9 đến khu 12) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Vĩnh Điện	0,27	0,27	Khu 9 và khu 12 đã có QĐTHĐ, còn lại khu 10, 11 đang vận động nhận tiền bồi thường
82	Khu dân cư nông thôn tại thôn La Thọ 2	Điện Hòa	3,30	3,30	Đang thực hiện thủ tục đầu tư
83	Khu dân cư phục vụ công tác GPMB đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam trên địa bàn xã Điện Hòa	Điện Hòa	4,70	4,70	Đã ban hành TBTHĐ, đang làm thủ tục xét nguồn gốc đất
84	Khu dân cư phục vụ công tác GPMB đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam trên địa bàn xã Điện Tiến	Điện Tiến	4,90	4,90	Đã ban hành TBTHĐ và kiểm kê xong
85	Đầu tư khu dân cư chính trang khu dân cư nông thôn tại Thôn Đa Hòa Bắc (Khu 2) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Hồng	0,31	0,31	Đã thực hiện xong GPMB, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
86	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu Rộc Mẹo, thôn Cẩm Văn Tây, xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Hồng	0,28	0,28	Đã thực hiện xong GPMB, còn 1 hộ, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
87	Khu dân cư mới Thanh An, thôn Thanh An	Điện Hồng	4,80	4,80	Đã ban hành KHTHĐ, đang triển khai đo đạc
88	Khu dân cư Đồng Hạnh, xã Điện Minh	Điện Minh; Vĩnh Điện	3,59	3,59	Đã chi tiền bồi thường xong đối với đất nông nghiệp, còn lại đất ở đang tiếp tục thực hiện
89	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại thôn Thi Phương và thôn Hà An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Phong	0,19	0,19	Đã thực hiện xong đo đạc và kiểm đếm, đang xét nguồn gốc đất, chờ phê duyệt giá cụ thể để trình thẩm định phương án bồi thường.
90	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại thôn Nhị Dinh 3, xã Điện Phước để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Phước	1,75	1,75	Đã xét nguồn gốc đất, đã phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường; hết hạn TBTHĐ, đang trình lại TBTHĐ
91	Đầu tư Khu dân cư chính trang đô thị tại khu Cồn Dài, khối phố Triêm Nam, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị.	Điện Phương	2,13	2,13	Đã xét nguồn gốc đất, đã lập hồ sơ trình phương án bồi thường

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
92	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Triêm Nam, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Phương	0,42	0,42	Đã ban hành KHTHĐ, chưa đo đạc kiểm kê
93	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Triêm Đông 2, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Phương	9,80	9,80	Đang lập quy hoạch 1/500
94	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu dân cư thôn Viêm Tây 2 để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Thắng Bắc	0,81	0,81	Mới điều chỉnh BCKTKT, đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, Phương án (đợt 1) đã chi trả xong. Phương án (đợt 2) được chi trả đạt hơn 90%
95	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu Cây da Thanh Tú, thôn An Thanh để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Thắng Nam	0,96	0,96	Còn 1 hộ chưa GPMB
96	Khu dân cư nông thôn tại thôn Thanh Quýt 4, xã Điện Thắng Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Thắng Trung	2,00	2,00	Đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường phần lớn diện tích, còn 02 hộ chưa xét nguồn gốc sử dụng đất, đang điều chỉnh báo cáo KTKT
97	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Thanh Quýt 6, phường Điện Thắng Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Điện Thắng Trung	0,62	0,62	Đã GPMB được 75%, phần còn lại đang kiểm kê để lập PABT
98	Khu dân cư mới Phong Thử	Điện Thọ	4,42	4,42	Đã phê duyệt phương án bồi thường đất nông nghiệp, đang xét nguồn gốc đất phần còn lại
99	Khu dân cư nông thôn Thái Cẩm phục vụ tái định cư đường trục chính cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Điện Tiến	0,16	0,16	Đã ban hành KHTHĐ, đang đo đạc
100	Cụm công nghiệp Nam Dương	Điện Dương; Điện Nam Đông	24,89	24,89	Đang trình TBTHĐ
101	Cụm công nghiệp Thương Tín	Điện Nam Đông	26,33	25,21	Các lô CN2,3,4,5,6 đang trình PABT, nhà máy Khang Hy đang trình TBTHĐ
102	Cụm công nghiệp An Lưu	Điện Nam Đông	19,72	18,29	Vướng không lập thủ tục cấp mã số dự án đối với dự án GPMB độc lập, đang giải quyết
103	Làng nghề Đông Khương	Điện Phương	1,18	1,18	Đã GPMB xong, chưa được giao đất

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
104	Cụm công nghiệp Vân Ly	Điện Quang	0,97	0,97	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
105	Cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Điện Tiên	10,56	8,97	Đã GPMB và bàn giao cho chủ đầu tư 5,73 ha
106	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn sông Cổ Cò tại phường Điện Dương	Điện Dương	9,00	9,00	Đang thực hiện
107	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn Sông Cổ Cò đoạn từ địa giới hành chính giữa thị xã Điện Bàn và thành phố Hội An đến 9+500 tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn	Điện Dương	1,50	1,50	Đang thực hiện
108	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu Nghĩa Tự)	Điện Dương	2,00	1,50	Đã thực hiện xong 0,50 ha, năm 2025 tiếp tục thực hiện phần còn lại
109	Nạo vét khơi thông sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14+ 000 đến Km 18 + 900	Điện Dương; Điện Ngọc	80,67	80,67	Đã đo đạc, kiểm đếm (Km 16+ 000 đến Km 18 + 900)
110	Nạo vét sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14 + 000 đến Km 16 + 000 (giai đoạn 2)	Điện Nam Trung; Điện Nam Bắc	11,46	11,46	Đã phê duyệt 01 phương án bồi thường tại Điện Nam Trung, năm 2025 tiếp tục thực hiện phần còn lại
111	Nạo vét sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14 + 000 đến Km 16 + 000 (giai đoạn 1)	Điện Ngọc	8,17	8,17	Đang lập phương án BT, GPMB
*	Dự án ngoài ngân sách Nhà nước		201,06	196,05	
112	Hai lối vào của khu du lịch tại phường Điện Dương của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Phú Hải	Điện Dương	0,07	0,07	Chưa có TBTHĐ
113	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam	Điện Dương; Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thọ	0,25	0,25	Đã thẩm định trích đo, đang xét nguồn gốc đất bồi thường
114	Đường dây 110 KV Duy Xuyên - Hội An	Điện Nam Đông; Điện Phương	0,15	0,15	Đã thu hồi đất trên địa bàn Điện Nam Đông, phần còn lại đang tiếp tục thực hiện
115	Cải tạo lưới điện trung áp khu vực Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn	Điện Minh; Điện Phong	0,02	0,02	Đã bố trí vốn năm 2024, Đang phê duyệt phương án bồi thường trên địa phận Điện Bàn
116	Khu xử lý nước thải sinh hoạt thuộc dự án Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 1	Điện Nam Đông	0,17	0,17	Đã GPMB được 80%, phần còn lại đã xét nguồn gốc đất
117	Khu dân cư đô thị số 3, phường Điện An	Điện An	5,01	5,01	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
					PABT một phần, còn lại 2,57 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
118	Khu dân cư khối phố Phong Nhị	Điện An	4,96	4,96	Dự án chưa được giao đất đợt nào, chưa phê duyệt phương án bồi thường, Đã kiểm kê xong, đang xét nguồn gốc đất để trình phương án bồi thường
119	Khu đô thị Phúc Viên	Điện Dương	14,76	14,76	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB còn 10,73 ha, đang lên phương bố trí tái định cư và di dời mồ mả
120	Khu đô thị Tân Khang	Điện Dương	9,14	9,14	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,44 ha
121	Khu đô thị R.O.S.E ĐÔ	Điện Dương	23,13	23,13	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT 13,32 ha, còn lại 9,81 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
122	Đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị phía đông đường Trần Thủ Độ - Evergreen	Điện Dương; Điện Nam Đông; Điện Nam Trung	49,80	49,80	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã ban hành TBTHĐ, đã đo đạc kiểm đếm, đang xét nguồn gốc đất để thẩm định phương án bồi thường
123	Khu đô thị Hưng Thịnh mở rộng	Điện Dương; Điện Nam Trung	19,77	19,77	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 7,07 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
124	Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 2	Điện Nam Đông	23,47	18,46	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 8,83 ha; Đã kiểm kê xét nguồn gốc đất, đang lập hồ sơ trình phê duyệt PABT
125	Khu đô thị Mỹ Gia	Điện Ngọc	4,78	4,78	Dự án chưa được giao đất đợt nào, còn lại 4,64 ha đang chờ giá đất nên chưa phê duyệt phương án bồi thường
126	Khu dân cư thương mại ẩm thực Giáp Ba	Vĩnh Điện	4,05	4,05	Đã ban hành KHTHĐ, chưa đo đạc kiểm kê
127	Khu dân cư mới Quang Phường	Điện Hòa	9,80	9,80	Đã có KHTHĐ

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
128	Khu dân cư trung tâm hành chính xã Điện Phước	Điện Phước	13,78	13,78	Đã xét nguồn gốc đất; đã chờ giá đất để trình phê duyệt phương án bồi thường
129	Khu đô thị Điện Thắng Nam giai đoạn 1	Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung	9,45	9,45	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 2,0 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
130	Khu dân cư Phúc Thành	Điện Thắng Trung	8,50	8,50	Đã ban hành KHTHĐ, đang triển khai đo đạc
A.2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		10,95	10,95	
131	Trường THCS Lê Trí Viễn	Điện Thắng Bắc	0,67	0,67	Đã thực hiện xong GPMB, đang làm hồ sơ giao đất
132	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời	Điện Phong	0,03	0,03	Đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất
133	Mở rộng Trung tâm Dịch vụ Vận tải - Trạm kinh doanh xăng dầu và gas của Công ty TNHH MTV Hoàng Thạnh	Điện An	0,49	0,49	Đã đo đạc, đang thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng
134	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Thôn Đa Hòa Bắc (Khu 1), xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Điện Hồng	0,34	0,34	Đã GPMB xong, đang trình hồ sơ đề nghị Tỉnh giao đất
135	Khu du lịch, dịch vụ lưu trú nghỉ dưỡng Venus - Điện Hòa	Điện Hòa	9,42	9,42	Đang thực hiện thủ tục đầu tư
A.2.3	Các khu vực sử dụng đất khác		110,13	106,29	
*	Giao đất cho các công trình, dự án đã có mặt bằng sạch nhưng chưa được cấp thẩm quyền giao đất, cấp GCNQSD đất				
136	Giao đất Trụ sở công an phường Điện An	Điện An	0,09	0,09	Đã thực hiện xong thu hồi đất, đã có quyết định thu hồi đất của thị xã, đang trình tỉnh giao đất
137	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Dương	Điện Dương	0,10	0,10	Vị trí thửa đất thuộc dự án Khu dân cư và chợ Điện Dương quy hoạch đất công trình Công cộng CC01 (Hợp tác xã) hiện nay chưa có quyết định điều chỉnh
138	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Nam Bắc	Điện Nam Bắc	0,11	0,11	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
139	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Nam Đông	Điện Nam Đông	0,15	0,15	Đã xây dựng xong, chưa được giao đất, đang điều chỉnh quy hoạch

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
140	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Phương	Điện Phương	0,14	0,14	Chưa làm thủ tục thu hồi trường mẫu giáo để giao đất cho công an
141	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Thắng Bắc	Điện Thắng Bắc	0,07	0,07	Đang làm thủ tục đề nghị giao đất
142	Giao đất Trường mẫu giáo Điện An	Điện An	1,00	1,00	Đã thực hiện xong thu hồi đất, đã có quyết định thu hồi đất của thị xã, đang trình tỉnh giao đất
143	Giao đất mở rộng trường Phan Thành Tài	Điện An	0,20	0,20	Đã thực hiện xong thu hồi đất, đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất để trình tỉnh
144	Giao đất mở rộng Trường mẫu giáo Điện Nam Đông	Điện Nam Đông	0,08	0,08	Đã xây dựng xong, chưa được giao đất
145	Giao đất trường THCS Quang Trung	Vĩnh Điện	0,69	0,69	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
146	Giao đất trường THCS Nguyễn Đức An	Điện Nam Bắc	1,10	1,10	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
147	Giao đất Trường THCS Đinh Châu	Điện Nam Đông	3,20	3,20	Đã xây dựng xong, chưa được giao đất,
148	Giao đất Trường tiểu học Nguyễn Huệ (Cơ sở 2)	Điện Thắng Bắc	0,78	0,78	Đã có QĐTHĐ, chưa thi công
149	Phòng đa năng Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thị xã Điện Bàn	Điện Nam Đông	0,10	0,10	Tiếp tục đăng ký để làm thủ tục giao đất
150	Giao đất Di tích Đình Lân Đông	Điện Trung	0,19	0,19	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
151	Giao đất Khu Dân cư Sơn Xuyên	Vĩnh Điện	0,08	0,08	Dự án đã được giao đất 1 đợt, phần còn lại đăng ký KH 2025 để tiếp tục thực hiện
152	Mở rộng Thánh Tịnh Thanh Quang Phong Thử 3, Điện Thọ	Điện Thọ	0,12	0,12	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
153	Giao đất Trụ sở UBND phường Điện An	Điện An	0,37	0,37	Đã thực hiện xong thu hồi đất, đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất để trình tỉnh
*	Giao đất tái định cư, giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất				
154	Đấu giá Khu dân cư phía Nam Điện An	Điện An	5,10	2,00	Diện tích dự án là 5,10 ha; đã thực hiện đấu giá 3,1 ha, đăng ký kế hoạch 2025 để tiếp tục thực hiện phần còn lại

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
155	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khối phố Bồ Mung 1, phường Điện Thắng Bắc (Đất cơ sở sản xuất nước giải khát của Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam trước đây)	Điện Thắng Bắc	1,95	1,95	Đang hoàn thiện thủ tục đấu giá đất
156	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Phong Lục Tây, xã Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn	Điện Thắng Nam	0,24	0,24	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
157	Giao đất Khu dân cư nông thôn mới phường Điện Minh (Bồng Lai, thửa 112, 129, tờ 07)	Điện Minh	0,29	0,29	Đang làm thủ tục đấu giá
158	Đấu giá Dự án Khu dân cư chính trang đô thị phường Điện An (Trạm y tế cũ)	Điện An	0,02	0,02	Còn 1 lô, đang làm lại giá khởi điểm, đang chờ luật đấu giá mới
159	Giao đất để đầu tư hạ tầng và khai thác đất ở dự án Khu dân cư Khối 4, phường Vĩnh Điện và khối Bằng An Đông, phường Điện An, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Điện An; Vĩnh Điện	0,63	0,63	Chưa được tỉnh giao đất trong Trung tâm phát triển quỹ đất, đang lập thủ tục đề nghị tỉnh giao đất
160	Đấu giá đất ở khai thác tại Khu tái định cư Thương Tín	Điện Nam Đông	0,05	0,05	Năm 2024 chưa triển khai được, chuyển năm 2025 thực hiện
161	Đấu giá đất ở khai thác tại khu vực nhà trẻ, nhà văn hóa 7A (cũ)	Điện Nam Đông	0,03	0,03	Năm 2024 chưa triển khai được, chuyển năm 2025 thực hiện
162	Đấu giá Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở - Khu 1	Điện Nam Trung	1,68	1,68	Đang xây dựng phương án đấu giá
163	Giao đất Khu tái định cư di dời các hộ dân tại Xí nghiệp đình (cũ)	Vĩnh Điện	1,60	1,60	Đã phê duyệt PABT, đang tập thủ tục giao đất
164	Giao đất dự án Chính trang Khu dân cư trên khu đất thu hồi của Công ty TNHH Vĩnh Hải	Vĩnh Điện	0,34	0,34	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
165	Đấu giá tại Dự án Khu dân cư chính trang đô thị phường Vĩnh Điện (Khối 1, các thửa: thửa 61/1, 61/2 tờ 8D, 92, 93, 94, 108, tờ 8D, thửa 152 tờ 7C, Khối 3, các thửa: 51/1, 52, 56, 79, tờ 12B, Khối 2, thửa 159/1, tờ 7A, Khối 5, thửa 75/1, tờ 07, thửa 80, tờ 07)	Vĩnh Điện	0,34	0,34	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
166	Đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Hà Đông và thôn La Thọ 2 tại xã Điện Hòa, thị xã Điện Bàn	Điện Hòa	0,28	0,04	Còn 2 lô chưa đấu giá
167	Đấu giá Dự án Khu dân cư nông thôn mới để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã Điện Phước (thôn Nông Sơn 2	Điện Phước	0,41	0,14	Năm 2024 đăng ký 33 lô với diện tích 0,41 ha; đã thực hiện 22 lô với diện tích 0,27 ha; còn 11 lô với

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
	thửa 562, 676 tờ BĐ 06, Thôn Nhị Dinh 1 thửa 381 tờ BĐ 04, Thôn Nhị Dinh 1 thửa 1288, 1307, 1334 tờ bản đồ 04)				tổng diện tích 0,14 ha chưa đấu, đăng ký 2025 để tiếp tục
168	Đấu giá đất ở khai thác các lô còn lại tại Khu TĐC Phong Thử 1 Điện Thọ	Điện Thọ	0,60	0,60	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
169	Đường dẫn vào và bãi tập kết cát sỏi tại Điện Ngọc (Đấu giá bãi tập kết)	Điện Ngọc	1,00	1,00	Đang lập thủ tục đề nghị tỉnh giao đất
170	Đường dẫn vào và bãi tập kết cát sỏi tại Điện Phong (Đấu giá bãi tập kết)	Điện Phong	1,00	1,00	Đang làm giá khởi điểm; Năm 2025 tiếp tục đấu giá phần diện tích còn lại
*	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích tại xã, phường				
171	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Thắng Nam quản lý	Điện Thắng Nam	1,40	1,40	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
172	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Thắng Bắc quản lý	Điện Thắng Bắc	14,00	14,00	Đăng ký để đấu giá cho thuê hằng năm
173	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường quản lý (cây hàng năm: 1,86 ha và đất lúa 15,13 ha)	Điện An	16,99	16,99	Đang chờ thị xã hướng dẫn quy trình đấu giá
174	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường quản lý tại khối phố Đồng Hạnh, Khúc Lũy, Uất Lũy (Đất lúa 4,17 ha, Đất cây hàng năm 24,56 ha, Đất nông nghiệp còn lại 5,93 ha)	Điện Minh	34,66	34,66	Tiếp tục đăng ký để làm thủ tục đấu giá cho thuê
*	Giao đất cho các trường hợp khác				
175	Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân do ảnh hưởng thiên tai sạt lở đoạn bờ sông Thu Bồn	Điện An	0,02	0,02	Đang thẩm định kết quả đo đạc để giao đất cho dân
176	Giao đất ở cho hộ Võ Thị Tình	Điện Thọ	0,01	0,01	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
177	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời	Điện Hồng	1,06	1,06	Đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất
178	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời	Điện Quang	0,02	0,02	Đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao đất
179	Giao đất theo hiện trạng cho các trụ sở cơ quan, công trình công cộng trên địa bàn thị xã (Kèm theo danh sách tại phần Phụ lục)	Thị xã Điện Bàn	17,61	17,61	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
B	Dự án được phê duyệt bổ sung tại các quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 5/8/2024; số 1834/QĐ-UBND ngày 5/8/2024 và số 2377/QĐ-UBND ngày 9/10/2024		425,36	425,36	
B.1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh		0,17	0,17	
B.1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh		0,17	0,17	
180	Trụ sở làm việc Công an xã Điện Hồng	Điện Hồng	0,17	0,17	Đang trình KHTHĐ
B.1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng				
*	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất				
*	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất				
B.2	Các công trình, dự án còn lại		425,19	425,19	
B.2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		350,29	350,29	
*	Dự án thuộc ngân sách Nhà nước		3,76	3,76	
181	Cải tạo, xây dựng nghĩa trang nhân dân Gò Bướm	Điện Phước	0,35	0,35	Đã đo đạc giải thửa, chưa xét nguồn gốc đất, đang trình TBTHĐ
182	Mở rộng trường THCS Lê Trí Viễn	Điện Thắng Bắc	0,13	0,13	Đã thực hiện xong GPMB, đang làm hồ sơ giao đất
183	Hệ thống thoát nước các dự án ven biển phía Bắc thị xã Điện Bàn (giai đoạn 1,2)	Điện Ngọc	3,20	3,20	Đã bàn giao mặt bằng 01 phần cho chủ đầu tư, phần còn lại đang điều chỉnh hướng tuyến
184	Khu dân cư nông thôn Thái Cẩm phục vụ tái định cư đường trục chính cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Điện Tiến	0,08	0,08	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
*	Dự án ngoài ngân sách Nhà nước		346,53	346,53	
185	Khu dân cư Bình Long, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn	Điện Phước	6,70	6,70	Chưa đo đạc kiểm kê, đang lấy ý kiến Sở ban ngành về quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
186	Khu đô thị Thiên Ân	Điện Nam Đông; Điện Nam Trung	6,43	6,43	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,30 ha
187	Khu đô thị, dịch vụ du lịch ven sông Cổ Cò	Điện Ngọc	14,00	14,00	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã thực hiện kiểm đếm và xác định nguồn gốc đất nông nghiệp đợt 1 tại phường Điện Ngọc, đang lên phương án bố trí khu cải táng để di dời mồ mả ảnh hưởng.
188	Khu dân cư Khối 7, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	Vĩnh Điện	1,53	1,53	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,47 ha, đã có TBTHĐ
189	Khu dân cư đô thị Điện Minh (giai đoạn 1)	Điện Minh	7,68	7,68	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 6,80 ha, đã có TBTHĐ
190	Khu đô thị DATQUANG RIVERSIDE	Điện Ngọc	0,66	0,66	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đang xét nguồn gốc đất để trình phê duyệt phương án bồi thường
191	Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư Ngọc Vinh	Điện Ngọc	5,97	5,97	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,74 ha, đang xét nguồn gốc đất để trình phê duyệt phương án bồi thường
192	Khu nhà ở cho người thu nhập thấp	Điện Nam Trung	0,10	0,10	Còn 02 hộ chưa GPMB, đang tiếp tục vận động
193	Khu đô thị Trung Nam	Điện Nam Trung	5,03	5,03	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 5,33 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường, đang kiểm kê
194	Khu Đô thị số 9 - Mở rộng	Điện Ngọc	6,72	6,72	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 6,80 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
195	Khu đô thị Ngân Câu	Điện Ngọc	32,72	32,72	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
					5,44 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
196	Khu đô thị NGOC DUONG RIVERSIDE mở rộng	Điện Dương	2,50	2,50	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,15 ha
197	Khu đô thị Lam	Điện Nam Trung	19,34	19,34	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã họp xét nguồn gốc đất, chưa trình phê duyet phương án bồi thường
198	Khu đô thị An Nam	Điện Nam Bắc; Điện Nam Trung	19,42	19,42	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã họp xét nguồn gốc đất, chưa trình phê duyet phương án bồi thường
199	Khu đô thị QNK I	Điện Dương; Điện Ngọc	11,32	11,32	Đang trình giao đất đợt 2
200	Khu dân cư Khối 6 - Giai đoạn 2	Vĩnh Điện	1,39	1,39	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,38 ha, toàn bộ đất ở phải bố trí tái định cư
201	Khu dân cư đô thị số 2, phường Điện An	Điện An	0,59	0,59	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,36 ha
202	Khu đô thị Yến Hà My	Điện Dương	4,60	4,60	Dự án chưa được giao đất đợt nào, diện tích chưa được GPMB chỉ còn 0,25 ha, đã có TBTHĐ
203	Khu dân cư mới Thái Dương 2	Điện Ngọc	0,73	0,73	Đã thu hồi phần lớn diện tích, còn lại phần đất ở và mô mã chưa GPMB
204	Khu đô thị Kiều Mẫu	Điện Ngọc	4,35	4,35	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 4,25 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
205	Khu đô thị Bình Ninh - Quảng Lãng	Điện Nam Bắc; Điện Nam Trung	8,14	8,14	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt phương án bồi thường đất nông nghiệp, đang thực hiện phần còn lại
206	Khu đô thị Ánh Dương	Điện Nam Trung	2,24	2,24	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,44 ha

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
207	Khu đô thị SBC Miền Trung	Điện Nam Trung	3,29	3,29	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 2,69 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
208	Khu dân cư Quảng Lăng	Điện Nam Trung	2,26	2,26	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 1,0 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
209	Khu đô thị Đại Dương Xanh	Điện Dương	3,87	3,87	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,83 ha
210	Khu đô thị CoCo Riverside	Điện Dương	8,17	8,17	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,54 ha
211	Khu đô thị Ven sông Dương Hội	Điện Dương	3,33	3,33	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 3,00 ha
212	Khu đô thị Phúc Hợp Hà My	Điện Dương	1,84	1,84	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,21 ha
213	Khu đô thị Hưng Thịnh	Điện Dương	3,98	3,98	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,61 ha
214	Khu đô thị An Bình Riverside	Điện Dương	1,86	1,86	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,58 ha
215	Khu đô thị Ngọc Dương COCO	Điện Dương	0,78	0,78	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,64 ha
216	Khu dân cư đô thị Điện Thắng Trung (Khu vực 2)	Điện Thắng Trung	0,14	0,14	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ 0,13 ha
217	Khu đô thị Ngân Câu Villa	Điện Ngọc	29,76	29,76	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB phần lớn ở Điện Nam Trung với diện tích 11,73 ha

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
218	Khu dân cư số 1	Điện An	0,21	0,21	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, đang chờ kết luận thanh tra
219	Khu dân cư số 1 mở rộng	Điện An	0,56	0,56	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,32 ha; đã có kết luận thanh tra, tiếp tục thực hiện phần còn lại của dự án
220	Khu tái định cư các dự án tại các phường Điện Ngọc và Điện Dương	Điện Dương; Điện Ngọc	3,00	3,00	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB là 3,79 ha, đang trình TBTHĐ
221	Khu dân cư phố chợ Điện Ngọc (giai đoạn II)	Điện Ngọc	1,03	1,03	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đang chồng lấn với dự án DT603 nối dài (GĐII), còn 1 hộ đang giải quyết tranh chấp
222	Khu đô thị Viêm Minh - Hà Dừa	Điện Ngọc	0,24	0,24	Đã được giao đất phần lớn diện tích, hiện nay còn 05 hộ vướng mắc trong công tác xác định nguồn gốc đất
223	Khu đô thị Viêm Trung	Điện Ngọc	3,38	3,38	Dự án chưa được giao đất đợt nào, dự án cơ bản đã thực hiện xong kiểm đếm nhưng chưa xét nguồn gốc đất
224	Khu dân cư mới Bình An 2	Điện Nam Trung	1,70	1,70	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 02 hộ với diện tích 0,11 ha
225	Khu đô thị An Phú	Điện Dương; Điện Nam Trung	1,94	1,94	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB phần lớn ở Điện Nam Trung với diện tích 0,99 ha
226	Khu đô thị Phú Thịnh	Điện Dương	1,59	1,59	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 01 hộ với diện tích 0,10 ha
227	Khu đô thị NGOC DUONG RIVERSIDE	Điện Dương	1,79	1,79	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích,

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
					phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 1,10 ha
228	Khu dân cư Green Land	Điện Ngọc	1,75	1,75	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã tổ chức đo đạc và kiểm đếm 98% diện tích dự án; đang rà soát hồ sơ để xét nguồn gốc đất
229	Khu đô thị Nam Ngọc	Điện Nam Bắc, Điện Ngọc	9,94	9,94	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã thực hiện kiểm đếm và xác định nguồn gốc đất nông nghiệp đợt 1
230	Khu đô thị Đông Dương	Điện Nam Bắc, Điện Ngọc	12,58	12,58	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 9,39 ha, khó khăn của dự án là đang ảnh hưởng đến khoảng 1000 ngôi mộ phải GPMB
231	Khu đô thị Smart City Quảng Nam	Điện Dương	7,41	7,41	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,17 ha
232	Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng – Lai Nghi (giai đoạn 1)	Điện Nam Đông	0,93	0,93	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 0,17 ha, đang lập phương án bồi thường
233	Khu dân cư Thống Nhất (giai đoạn I)	Điện Dương	0,70	0,70	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại đã được phê duyệt PABT
234	Khu dân cư Thống Nhất (giai đoạn II)	Điện Dương	4,09	4,09	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,3 ha; đã kiểm kê xong đất nông nghiệp
235	Khu dân cư Đô Thị Hà Quảng	Điện Dương	13,18	13,18	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 10,4 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
236	Khu đô thị thương mại dịch vụ Bắc Hội An	Điện Dương	15,60	15,60	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB là 11,0 ha, đang trình lại TBTHĐ
237	Khu đô thị DATQUANG RIVERSIDE 2	Điện Ngọc	7,95	7,95	Dự án chưa được giao đất đợt nào, chưa phê duyệt phương án bồi thường

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
238	Khu dân cư số 1, đô thị Điện Thắng	Điện Thắng Bắc	0,94	0,94	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 05 hộ với diện tích 0,10 ha, đang lập hồ sơ cưỡng chế
239	Thu hồi đất ngoài ranh giới Khu đô thị Ngân Câu để bố trí mương thoát nước và taluy đắp đất san nền	Điện Ngọc	0,83	0,83	Đã đo đạc xong, chưa kiểm đếm
240	Khu dân cư - TĐC Hà My Đông A	Điện Dương	19,30	19,30	Dự án chưa được giao đất đợt nào, đã phê duyệt PABT một phần, còn lại 13,3 ha chưa phê duyệt phương án bồi thường
241	Tuyến đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (ĐT 603 nối dài) lý trình Km 2+280 - km2+926	Điện Ngọc	1,02	1,02	Còn lại 1,02 ha chưa phê duyet PABT
242	Khu dân cư phố chợ Điện Thắng Trung	Điện Thắng Trung	0,05	0,05	Đã được UBND tỉnh giao đất phần lớn diện tích, phần diện tích còn lại chỉ còn 0,05 ha
243	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam (năm 2021)	Điện Hòa; Điện Nam Bắc; Điện Ngọc	0,11	0,11	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
244	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam năm 2022 (năm 2022)	Điện Hòa; Điện Phước; Điện Quang; Điện Thọ	0,18	0,18	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
245	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam năm 2023 (năm 2023)	Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thọ; Điện Trung	0,08	0,08	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
246	Xử lý điểm mất an toàn đường dây 110kV khu vực Quảng Nam năm 2024 (năm 2024)	Điện Thọ; Điện Trung	0,03	0,03	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
247	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực thị xã Điện Bàn năm 2023	Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thọ và KCN Điện Nam - Điện Ngọc	0,02	0,02	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
248	Hệ thống lưới, chống quá tải lưới điện hạ thế và TBA khu vực Điện lực Điện Bàn năm 2023	Điện An; Điện Hòa; Điện Minh; Điện Ngọc; Điện Nam Bắc; Điện	0,06	0,06	Năm 2024 chưa triển khai được, chuyển năm 2025 thực hiện

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
		Nam Đông; Điện Phong; Điện Phước; Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung; Điện Thọ; Điện Tiến; Vĩnh Điện			
249	Hoàn thiện lưới điện tiếp nhận HTX Điện Phương năm 2023	Điện Phương	0,04	0,04	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
250	Hoàn thiện lưới điện trung hạ thế khu vực ĐL Điện Bàn năm 2024	Điện An; Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thắng Trung; Điện Thắng Nam; Điện Ngọc; Điện Thắng Bắc; Điện Nam Bắc	0,05	0,05	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
251	Chống quá tải lưới điện khu vực ĐL Điện Bàn năm 2024	Điện An; Vĩnh Điện; Điện Ngọc; Điện Minh; Điện Nam Bắc; Điện Thắng Trung; Điện Thắng Bắc; Điện Tiến; Điện Phương; Điện Nam Trung	0,04	0,04	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện
252	Khu dân cư thu nhập thấp khu 2	Điện Nam Trung	4,53	4,53	Đã được UBND tỉnh giao đất một phần, phần diện tích chưa GPMB chỉ còn 2,80 ha; nhận bàn giao dự án từ Quỹ đầu tư và phát triển Quảng Nam, đang tiếp tục thực hiện quy trình đầu tư dự án
253	Khu dân cư Hà Đông	Điện Hòa	8,24	8,24	Đang trình KHTHĐ
B.2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		73,93	73,93	
254	Khu du lịch và nghỉ dưỡng cao cấp (trừ phân khu 1)	Điện Dương	49,75	49,75	Chưa thực hiện năm 2024, chuyển tiếp để thực hiện

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích 2024 phê duyet	Diện tích chuyển tiếp 2025	Ghi chú
255	Khu đô thị số 4, Đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (đăng ký diện tích còn lại, không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh)	Điện Ngọc	6,68	6,68	Đã được UBND tỉnh giao đất năm 2005, phần diện tích GPMB chỉ còn 6,68 ha
256	Tổ hợp khách sạn và dịch vụ du lịch Cyan	Điện Dương	17,50	17,50	Đã bồi thường 1 đợt là 4,08 ha, phần diện tích còn lại đang xin cơ chế tiếp tục được Nhà nước thu hồi đất
B.2.3	Các khu vực sử dụng đất khác		0,97	0,97	
*	Giao đất cho các công trình, dự án đã có mặt bằng sạch nhưng chưa được cấp thẩm quyền giao đất, cấp GCNQSD đất				
257	Giao đất trường mẫu giáo Điện Dương	Điện Dương	0,45	0,45	Đang lập thủ tục trình giao đất
*	Giao đất tái định cư, giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất				
258	Đấu giá quyền sử dụng đất 10 lô (từ lô số 160/5 đến lô 160/14, tờ bản đồ số 7) thuộc Khu dân cư Hồ Biện Trên, khối phố Bồ Mưng 2, phường Điện Thắng Bắc	Điện Thắng Bắc	0,15	0,15	Đang tiếp tục thực hiện đấu giá đất
259	Đấu giá thuê đất tại khu đất đã bàn giao cho Công ty DakAn trước đây (theo Kết luận số 11/TL-TTT ngày 21/7/2023 của Thanh tra tỉnh)	Điện Dương	0,37	0,37	Đang lập thủ tục đấu giá

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

a. Đất nông nghiệp

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 70,05 ha; trong đó: Chuyển tiếp 67,05 ha; đăng ký mới 0 ha. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích	Ghi chú
	Tổng		70,05	
1	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Thắng Nam	Điện Thắng Nam	1,40	ĐK mới
2	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường quản lý (cây hàng năm: 1,86 ha và đất lúa 15,13 ha)	Điện An	16,99	chuyển tiếp
3	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường quản lý tại khối phố Đồng Hạnh, Khúc Lũy, Uất Lũy (Đất lúa 4,17 ha;	Điện Minh	34,66	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích	Ghi chú
	Đất cây hàng năm 24,56 ha; Đất nông nghiệp còn lại 5,93 ha)			
4	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Thắng Bắc quản lý	Điện Thắng Bắc	14,00	chuyển tiếp
5	Khu chăn nuôi tập trung thôn Châu Lâu khu vực Gò Soi	Xã Điện Thọ	3,00	chuyển tiếp

b. Đất phi nông nghiệp

Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn thị xã chủ yếu để thực hiện các dự án thương mại dịch vụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển khu đô thị, khu dân cư nông thôn, đô thị. Cụ thể như sau:

* Đất ở tại nông thôn

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 66,86 ha; trong đó: Chuyển tiếp 65,92 ha; đăng ký mới 0,94 ha. Chỉ tiêu Đất ở tại nông thôn sẽ tăng lên 61,53 ha trong năm kế hoạch, còn lại 5,33 ha là phần chức năng đất hạ tầng, cây xanh công cộng trong các dự án khu dân cư nông thôn theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 và phần diện tích các dự án thuộc chương trình phát triển nhà ở đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để thực hiện các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, tạm thời chưa được phép thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Khu dân cư nông thôn tại thôn La Thọ 2	Xã Điện Hòa	3,30	chuyển tiếp
2	Khu dân cư phục vụ công tác GPMB đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam trên địa bàn xã Điện Hòa	Xã Điện Hòa	4,70	chuyển tiếp
3	Khu dân cư phục vụ công tác GPMB đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam trên địa bàn xã Điện Tiến	Xã Điện Tiến	4,90	chuyển tiếp
4	Khu dân cư mới Thanh An, thôn Thanh An	Xã Điện Hồng	4,80	chuyển tiếp
5	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại thôn Thi Phương và thôn Hà An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Xã Điện Phong	0,19	chuyển tiếp
6	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại thôn Nhị Đình 3, xã Điện Phước để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Xã Điện Phước	1,75	chuyển tiếp
7	Khu dân cư mới Phong Thử	Xã Điện Thọ	4,42	chuyển tiếp
8	Khu dân cư nông thôn Thái Cẩm phục vụ tái định cư đường trục chính cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Xã Điện Tiến	0,24	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
9	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại thôn Tân Bình để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Xã Điện Trung	0,77	ĐK mới
10	Khu dân cư mới Quang Phường	Xã Điện Hòa	9,80	chuyển tiếp
11	Khu dân cư trung tâm hành chính xã Điện Phước	Xã Điện Phước	13,78	chuyển tiếp
12	Khu dân cư Bình Long, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn	Xã Điện Phước	6,70	chuyển tiếp
13	Khu dân cư Hà Đông	Xã Điện Hòa	8,24	chuyển tiếp
14	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời	Xã Điện Phong	0,03	chuyển tiếp
15	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Thôn Đa Hòa Bắc (Khu 2) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Xã Điện Hồng	0,31	chuyển tiếp
16	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu Rộc Mẹo, thôn Cẩm Văn Tây, xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Xã Điện Hồng	0,28	chuyển tiếp
17	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Thôn Đa Hòa Bắc (Khu 1), xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Xã Điện Hồng	0,34	chuyển tiếp
18	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu tái định cư thôn Kỳ Lam	Xã Điện Thọ	0,17	ĐK mới
19	Đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Hà Đông và thôn La Thọ 2 tại xã Điện Hòa, thị xã Điện Bàn	Xã Điện Hòa	0,04	chuyển tiếp
20	Đấu giá Dự án Khu dân cư nông thôn mới để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã Điện Phước (thôn Nông Sơn 2 thửa 562, 676 tờ BĐ 06, Thôn Nhị Dình 1 thửa 381 tờ BĐ 04, Thôn Nhị Dình 1 thửa 1288, 1307, 1334 tờ bản đồ 04)	Xã Điện Phước	0,41	chuyển tiếp
21	Đấu giá đất ở khai thác các lô còn lại tại Khu TĐC Phong Thử 1 Điện Thọ	Xã Điện Thọ	0,60	chuyển tiếp
22	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời tại xã Điện Hồng	Xã Điện Hồng	1,06	chuyển tiếp
23	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời tại xã Điện Quang	Xã Điện Quang	0,02	chuyển tiếp
24	Giao đất ở cho hộ Võ Thị Tinh	Xã Điện Thọ	0,01	chuyển tiếp
	Tổng cộng		66,86	

* Đất ở tại đô thị

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 667,02 ha; trong đó: Chuyển tiếp 591,02 ha; đăng ký mới 76,00 ha. Chỉ tiêu Đất ở tại đô thị sẽ tăng lên 659,39 ha trong năm kế hoạch, còn lại 7,63 ha là phần chức năng đất hạ tầng, cây xanh công cộng trong các dự án khu đô thị theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Khu dân cư Nam Điện An giai đoạn 2	Phường Điện An	7,40	chuyển tiếp
2	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Cầu Nhi, phường Điện An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Phường Điện An	0,23	chuyển tiếp
3	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Ngọc Liên, phường Điện An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Phường Điện An	1,31	chuyển tiếp
4	Khu đô thị Nghĩa Tự	Phường Điện Dương	2,09	chuyển tiếp
5	Khu dân cư thôn 1 Điện Dương giai đoạn 3	Phường Điện Dương	28,72	chuyển tiếp
6	Đầu tư khu dân cư tại KP Trung Phú 2, Điện Minh để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng	Phường Điện Minh	4,98	chuyển tiếp
7	Đầu tư chỉnh trang đô thị tại khối phố Cẩm Sa và khối phố 2A phường Điện Nam Bắc để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Phường Điện Nam Bắc	0,39	chuyển tiếp
8	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Cổ An Đông, phường Điện Nam Đông (Khu 1) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Phường Điện Nam Đông	0,12	chuyển tiếp
9	Đầu tư chỉnh trang đô thị tại khối phố Quảng Lăng A phường Điện Nam Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Phường Điện Nam Trung	0,32	chuyển tiếp
10	Tạo lập, phát triển, khai thác quỹ đất tại khối 2, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	Phường Vĩnh Điện	2,20	chuyển tiếp
11	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 1 đến khu 4) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Phường Vĩnh Điện	0,20	chuyển tiếp
12	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 5 đến khu 7) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Phường Vĩnh Điện	0,29	chuyển tiếp
13	Đầu tư khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 9 đến khu 12) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	Phường Vĩnh Điện	0,27	chuyển tiếp
14	Khu dân cư Đồng Hạnh, xã Điện Minh	Phường Điện Minh; Phường Vĩnh Điện	3,59	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
15	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khu Cồn Dài, khối phố Triêm Nam, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị.	Phường Điện Phương	2,13	chuyển tiếp
16	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Triêm Nam, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Phường Điện Phương	0,42	chuyển tiếp
17	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Triêm Đông 2, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Phường Điện Phương	9,80	chuyển tiếp
18	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu dân cư thôn Viêm Tây 2 để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Phường Điện Thắng Bắc	0,81	chuyển tiếp
19	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu Cây da Thanh Tú, thôn An Thanh để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Phường Điện Thắng Nam	0,96	chuyển tiếp
20	Khu dân cư nông thôn tại thôn Thanh Quýt 4, xã Điện Thắng Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Phường Điện Thắng Trung	2,00	chuyển tiếp
21	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố Thanh Quýt 6, phường Điện Thắng Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị	Phường Điện Thắng Trung	0,62	chuyển tiếp
22	Khu dân cư nông thôn mới thôn Bồng Lai giai đoạn 2	Phường Điện Minh	0,94	ĐK mới
23	Khu dân cư Hồ Biện (phần còn lại)	Phường Điện Thắng Bắc	0,23	ĐK mới
24	Bố trí đất tái định cư cho 10 hộ dân tại khối phố Thanh Chiêm 1, phường Điện Phương (Thửa đất số: 979/2; 979/3; 979/4; 979/5; 979/6; 979/7; 979/14; 979/15; 979/17; (lập thửa mới là thửa: 1476, 1477, 1478, 1479, 1480, 1481, 1488, 1489, 1491) và thửa C7, tờ bản đồ số 15)	Phường Điện Phương	0,18	ĐK mới
25	Khu dân cư đô thị số 3, phường Điện An	Phường Điện An	5,01	chuyển tiếp
26	Khu dân cư khối phố Phong Nhị	Phường Điện An	4,96	chuyển tiếp
27	Khu đô thị Phúc Viên	Phường Điện Dương	14,76	chuyển tiếp
28	Khu đô thị Tân Khang	Phường Điện Dương	9,14	chuyển tiếp
29	Khu đô thị R.O.S.E ĐÔ	Phường Điện Dương	23,13	chuyển tiếp
30	Đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị phía đông đường Trần Thủ Độ - Evergreen	Phường Điện Dương; Phường Điện Nam Đông;	49,80	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
		Phường Điện Nam Trung		
31	Khu đô thị Hưng Thịnh mở rộng	Phường Điện Dương; Phường Điện Nam Trung	19,77	chuyển tiếp
32	Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 2	Phường Điện Nam Đông	18,46	chuyển tiếp
33	Khu đô thị Mỹ Gia	Phường Điện Ngọc	4,78	chuyển tiếp
34	Khu dân cư thương mại ẩm thực Giáp Ba	Phường Vĩnh Điện	4,05	chuyển tiếp
35	Khu đô thị Điện Thắng Nam giai đoạn 1	Phường Điện Thắng Nam; Phường Điện Thắng Trung	9,45	chuyển tiếp
36	Khu dân cư Phúc Thành	Phường Điện Thắng Trung	8,50	chuyển tiếp
37	Khu đô thị Thiên Ân	Phường Điện Nam Đông; Phường Điện Nam Trung	6,43	chuyển tiếp
38	Khu đô thị, dịch vụ du lịch ven sông Cổ Cò	Phường Điện Ngọc	14,00	chuyển tiếp
39	Khu dân cư Khối 7, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	Phường Vĩnh Điện	1,53	chuyển tiếp
40	Khu dân cư đô thị Điện Minh (giai đoạn 1)	Phường Điện Minh	7,68	chuyển tiếp
41	Khu đô thị DATQUANG RIVERSIDE	Phường Điện Ngọc	0,66	chuyển tiếp
42	Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư Ngọc Vinh	Phường Điện Ngọc	5,97	chuyển tiếp
43	Khu nhà ở cho người thu nhập thấp	Phường Điện Nam Trung	0,10	chuyển tiếp
44	Khu đô thị Trung Nam	Phường Điện Nam Trung	5,03	chuyển tiếp
45	Khu Đô thị số 9 - Mở rộng	Phường Điện Ngọc	6,72	chuyển tiếp
46	Khu đô thị Ngân Câu	Phường Điện Ngọc	32,72	chuyển tiếp
47	Đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị NGOCDUONG RIVERSIDE mở rộng	Phường Điện Dương	2,50	chuyển tiếp
48	Khu đô thị Lam	Phường Điện Nam Trung	19,34	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
49	Khu đô thị An Nam	Phường Điện Nam Bắc; Phường Điện Nam Trung	19,42	chuyển tiếp
50	Khu đô thị QNK I	Phường Điện Dương; Phường Điện Ngọc	11,32	chuyển tiếp
51	Khu dân cư Khối 6 - Giai đoạn 2	Phường Vĩnh Điện	1,39	chuyển tiếp
52	Khu dân cư đô thị số 2, phường Điện An	Phường Điện An	0,59	chuyển tiếp
53	Khu đô thị Yển Hà My	Phường Điện Dương	4,60	chuyển tiếp
54	Khu dân cư mới Thái Dương 2	Phường Điện Ngọc	0,73	chuyển tiếp
55	Khu đô thị Kiểu Mẫu	Phường Điện Ngọc	4,35	chuyển tiếp
56	Khu đô thị Bình Ninh - Quảng Lăng	Phường Điện Nam Bắc; Phường Điện Nam Trung	8,14	chuyển tiếp
57	Khu đô thị Ánh Dương	Phường Điện Nam Trung	2,24	chuyển tiếp
58	Khu đô thị SBC Miền Trung	Phường Điện Nam Trung	3,29	chuyển tiếp
59	Khu dân cư Quảng Lăng	Phường Điện Nam Trung	2,26	chuyển tiếp
60	Khu đô thị Đại Dương Xanh	Phường Điện Dương	3,87	chuyển tiếp
61	Khu đô thị CoCo Riverside	Phường Điện Dương	8,17	chuyển tiếp
62	Khu đô thị Ven sông Dương Hội	Phường Điện Dương	3,33	chuyển tiếp
63	Khu đô thị Phúc Hợp Hà My	Phường Điện Dương	1,84	chuyển tiếp
64	Khu đô thị Hưng Thịnh	Phường Điện Dương	3,98	chuyển tiếp
65	Khu đô thị An Bình Riverside	Phường Điện Dương	1,86	chuyển tiếp
66	Khu đô thị Ngọc Dương COCO	Phường Điện Dương	0,78	chuyển tiếp
67	Khu dân cư đô thị Điện Thắng Trung (Khu vực 2)	Phường Điện Thắng Trung	0,14	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
68	Khu đô thị Ngân Câu Villa	Phường Điện Ngọc	29,76	chuyển tiếp
69	Khu dân cư số 1	Phường Điện An	0,21	chuyển tiếp
70	Khu dân cư số 1 mở rộng	Phường Điện An	0,56	chuyển tiếp
71	Khu tái định cư các dự án tại các phường Điện Ngọc và Điện Dương	Phường Điện Dương; Phường Điện Ngọc	3,00	chuyển tiếp
72	Khu dân cư phố chợ Điện Ngọc (giai đoạn II)	Phường Điện Ngọc	1,03	chuyển tiếp
73	Khu đô thị Viêm Minh - Hà Dừa	Phường Điện Ngọc	0,24	chuyển tiếp
74	Khu đô thị Viêm Trung	Phường Điện Ngọc	3,38	chuyển tiếp
75	Khu dân cư mới Bình An 2	Phường Điện Nam Trung	1,70	chuyển tiếp
76	Khu đô thị An Phú	Phường Điện Dương; Phường Điện Nam Trung	1,94	chuyển tiếp
77	Khu đô thị Phú Thịnh	Phường Điện Dương	1,59	chuyển tiếp
78	Đầu tư xây dựng nhà ở Khu đô thị NGOC DUONG RIVERSIDE	Phường Điện Dương	1,79	chuyển tiếp
79	Khu dân cư Green Land	Phường Điện Ngọc	1,75	chuyển tiếp
80	Khu đô thị Nam Ngọc	Phường Điện Nam Bắc, Phường Điện Ngọc	9,94	chuyển tiếp
81	Khu đô thị Đông Dương	Phường Điện Nam Bắc, Phường Điện Ngọc	12,58	chuyển tiếp
82	Khu đô thị Smart City Quảng Nam	Phường Điện Dương	7,41	chuyển tiếp
83	Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hung – Lai Nghi (giai đoạn 1)	Phường Điện Nam Đông	0,93	chuyển tiếp
84	Khu dân cư Thống Nhất (giai đoạn I)	Phường Điện Dương	0,70	chuyển tiếp
85	Khu dân cư Thống Nhất (giai đoạn II)	Phường Điện Dương	4,09	chuyển tiếp
86	Khu dân cư Đô Thị Hà Quảng	Phường Điện Dương	13,18	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
87	Khu đô thị thương mại dịch vụ Bắc Hội An	Phường Điện Dương	15,60	chuyển tiếp
88	Khu đô thị DATQUANG RIVERSIDE 2	Phường Điện Ngọc	7,95	chuyển tiếp
89	Khu dân cư số 1, đô thị Điện Thắng	Phường Điện Thắng Bắc	0,94	chuyển tiếp
90	Thu hồi đất ngoài ranh giới Khu đô thị Ngân Cầu để bố trí mương thoát nước và taluy đắp đất san nền	Phường Điện Ngọc	0,83	chuyển tiếp
91	Khu dân cư - TĐC Hà My Đông A	Phường Điện Dương	19,30	chuyển tiếp
92	Tuyến đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (ĐT 603 nối dài) lý trình Km 2+280 - km2+926	Phường Điện Ngọc	1,02	chuyển tiếp
93	Khu dân cư phố chợ Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Trung	0,05	chuyển tiếp
94	Khu dân cư thu nhập thấp khu 2	Phường Điện Nam Trung	4,53	chuyển tiếp
95	Khu dân cư thu nhập thấp khu 3	Phường Điện Nam Trung	6,50	ĐK mới
96	Khu dân cư thu nhập thấp khu 4	Phường Điện Nam Trung, Phường Điện Nam Đông	14,20	ĐK mới
97	Khu dân cư thu nhập thấp khu 5	Phường Điện Nam Trung	4,17	ĐK mới
98	Khu đô thị Bách Đạt	Phường Điện Ngọc	2,46	ĐK mới
99	Khu đô thị 7B mở rộng	Phường Điện Ngọc	19,53	ĐK mới
100	Khu đô thị HERA COMPLEX RIVERSIDE	Phường Điện Ngọc	18,26	ĐK mới
101	Khu dân cư khối 5, phường Vĩnh Điện	Phường Vĩnh Điện	0,16	ĐK mới
102	Khu đô thị số 9	Phường Điện Ngọc	7,77	ĐK mới
103	Khu đô thị số 4, Đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (đăng ký diện tích còn lại, không thuộc trường hợp phải thông qua HĐND tỉnh)	Phường Điện Ngọc	6,68	chuyển tiếp
104	Các khu tái định cư cầu Nghĩa Tự phường Điện Dương	Phường Điện Dương	0,18	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
105	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu dân cư Thôn 1	Phường Điện Dương	1,21	ĐK mới
106	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu dân cư mới thôn 2A	Phường Điện Ngọc	0,06	ĐK mới
107	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu đô thị số 3 tại đô thị mới Điện Nam – Điện Ngọc	Phường Điện Ngọc	0,14	ĐK mới
108	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu tái định cư thôn Phong Ngũ Đông	Phường Điện Thắng Nam	0,05	ĐK mới
109	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Tuyến đường vào CCN Trắng Nhật	Phường Điện Thắng Trung	0,09	ĐK mới
110	Giao đất Khu Dân cư Sơn Xuyên	Phường Vĩnh Điện	0,08	chuyển tiếp
111	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu dân cư khối 3	Phường Vĩnh Điện	0,05	ĐK mới
112	Đấu giá Khu dân cư phía Nam Điện An	Phường Điện An	5,10	chuyển tiếp
113	Đấu giá Dự án Khu dân cư chỉnh trang đô thị phường Điện An (Trạm y tế cũ)	Phường Điện An	0,02	chuyển tiếp
114	Giao đất để đầu tư hạ tầng và khai thác đất ở dự án Khu dân cư Khối 4, phường Vĩnh Điện và khối Bằng An Đông, phường Điện An, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Phường Điện An; Phường Vĩnh Điện	0,63	chuyển tiếp
115	Giao đất Khu dân cư nông thôn mới phường Điện Minh (Bồng Lai, thửa 112, 129, tờ 07)	Phường Điện Minh	0,29	chuyển tiếp
116	Đấu giá đất ở khai thác tại Khu tái định cư Thương Tín	Phường Điện Nam Đông	0,05	chuyển tiếp
117	Đấu giá đất ở khai thác tại khu vực nhà trẻ, nhà văn hóa 7A (cũ)	Phường Điện Nam Đông	0,03	chuyển tiếp
118	Đấu giá Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở - Khu 1	Phường Điện Nam Trung	1,68	chuyển tiếp
119	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khối phố Bò Mung 1, phường Điện Thắng Bắc (Đất cơ sở sản xuất nước giải khát của Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam trước đây)	Phường Điện Thắng Bắc	1,95	chuyển tiếp
120	Đấu giá quyền sử dụng đất 10 lô (từ lô số 160/5 đến lô 160/14, tờ bản đồ số 10) thuộc Khu dân cư Hồ Biện Trên, khối phố Bò Mung 2, phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Bắc	0,15	chuyển tiếp
121	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Phong Lục Tây, xã Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn	Phường Điện Thắng Nam	0,24	chuyển tiếp
122	Giao đất Khu tái định cư di dời các hộ dân tại Xí nghiệp đình (cũ)	Phường Vĩnh Điện	1,60	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
123	Giao đất dự án Chinh trang Khu dân cư trên khu đất thu hồi của Công ty TNHH Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Điện	0,34	chuyển tiếp
124	Đấu giá tại Dự án Khu dân cư chỉnh trang đô thị phường Vĩnh Điện (Khối 1, các thửa: thửa 61/1, 61/2 tờ 8D, 92, 93, 94, 108, tờ 8D, thửa 152 tờ 7C, Khối 3, các thửa: 51/1, 52, 56, 79, tờ 12B, Khối 2, thửa 159/1, tờ 7A, Khối 5, thửa 75/1, tờ 07, thửa 80, tờ 07)	Phường Vĩnh Điện	0,34	chuyển tiếp
125	Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân do ảnh hưởng thiên tai sạt lở đoạn bờ sông Thu Bồn	Phường Điện An	0,02	chuyển tiếp
	Tổng cộng		667,02	

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 45,56 ha; trong đó: Chuyển tiếp 45,56 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan không tăng lên trong năm kế hoạch vì các danh mục đều đăng ký để giao đất theo hiện trạng. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Giao đất Trụ sở UBND phường Điện An	Phường Điện An	0,37	chuyển tiếp
2	Giao đất theo hiện trạng cho các trụ sở cơ quan, công trình công cộng trên địa bàn thị xã (Kèm theo danh sách tại phần Phụ lục)	Thị xã Điện Bàn	45,19	chuyển tiếp
	Tổng cộng		45,56	

*** Đất quốc phòng**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 0,17 ha; trong đó: Chuyển tiếp 0,17 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu Đất quốc phòng sẽ tăng lên 0,17 ha trong năm kế hoạch. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Nhà làm việc của BCH Quân sự phường	Phường Điện Ngọc	0,07	chuyển tiếp
2	Giải phóng mặt bằng, tái định cư tại khu vực Xí nghiệp đình	Phường Vĩnh Điện	0,10	chuyển tiếp
	Tổng cộng		0,17	

*** Đất an ninh**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 2,15 ha; trong đó: Chuyển tiếp 1,49 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu đất an ninh sẽ tăng lên

1,49 ha trong năm kế hoạch, còn lại 0,66 ha là phần diện tích đề nghị giao đất cho đồn công an các phường đã thực hiện xong công tác thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, đăng ký kế hoạch sử dụng đất để đề nghị cấp thẩm quyền giao đất. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Trụ sở làm việc Công an xã Điện Hồng	Xã Điện Hồng	0,17	chuyển tiếp
2	Trụ sở công an Điện Minh	Phường Điện Minh	0,20	chuyển tiếp
3	Trụ sở công an xã Điện Phong	Xã Điện Phong	0,15	chuyển tiếp
4	Trụ sở công an xã Điện Quang	Xã Điện Quang	0,10	chuyển tiếp
5	Trụ sở công an phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Thắng Nam	0,21	chuyển tiếp
6	Trụ sở công an phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Trung	0,23	chuyển tiếp
7	Trụ sở công an xã Điện Thọ	Xã Điện Thọ	0,12	chuyển tiếp
8	Trụ sở công an xã Điện Tiến	Xã Điện Tiến	0,18	chuyển tiếp
9	Trụ sở công an phường Vĩnh Điện	Phường Vĩnh Điện	0,13	chuyển tiếp
10	Giao đất Trụ sở công an phường Điện An	Phường Điện An	0,09	chuyển tiếp
11	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Dương	Phường Điện Dương	0,10	chuyển tiếp
12	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Bắc	0,11	chuyển tiếp
13	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Nam Đông	Phường Điện Nam Đông	0,15	chuyển tiếp
14	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Phương	Phường Điện Phương	0,14	chuyển tiếp
15	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Bắc	0,07	chuyển tiếp
Tổng cộng			2,15	

*** Đất cơ sở văn hoá**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 2,10 ha; trong đó: Chuyển tiếp 1,68 ha; đăng ký mới 0,42 ha. Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa sẽ tăng lên 0,75 ha trong năm kế hoạch, còn lại 1,35ha là diện tích các công trình văn hóa hiện hữu nhưng chưa được giao đất, nay đăng ký kế hoạch để đề nghị cấp thẩm quyền giao đất. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Nhà bia tưởng niệm 7 liệt sỹ Điện Nam	Phường Điện Nam Bắc	0,07	ĐK mới
2	Nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ Tiểu đoàn 3 (MT 44 Quảng Đà)	Xã Điện Thọ	0,12	chuyển tiếp
3	Nhà lưu niệm cụ Phạm Phú Thứ	Xã Điện Trung	1,56	chuyển tiếp
4	Giao đất Nhà bia ghi danh Liệt sỹ phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Trung	0,35	ĐK mới
	Tổng cộng		2,10	

*** Đất xây dựng cơ sở xã hội**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 0,10 ha; trong đó: Chuyển tiếp 0,10 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Dự án thực hiện: Giao đất Phòng đa năng Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thị xã Điện Bàn, diện tích 0,10 ha tại Phường Điện Nam Đông.

*** Đất cơ sở y tế**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 0,26 ha; trong đó: Chuyển tiếp 0,17 ha; đăng ký mới 0,09 ha. Chỉ tiêu Đất xây dựng cơ sở y tế sẽ tăng lên 0,26 ha trong năm kế hoạch. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Trạm y tế phường Điện Dương mở rộng	Phường Điện Dương	0,17	chuyển tiếp
2	Giao đất cho Trạm y tế phường Điện An	Phường Điện An	0,09	ĐK mới
	Tổng cộng		0,26	

*** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 10,01 ha; trong đó: Chuyển tiếp 10,01 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo sẽ tăng lên 2,51 ha trong năm kế hoạch, còn lại 7,50 ha là diện tích các công trình giáo dục hiện hữu, đang hoạt động nhưng chưa được giao đất, nay đăng ký kế hoạch để đề nghị cấp thẩm quyền giao đất. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Trường mẫu giáo Điện Minh (Điểm Trung Phú 2)	Phường Điện Minh	0,19	chuyển tiếp
2	Xây mới trường THCS Nguyễn Du	Phường Điện Phương	1,10	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
3	Mở rộng trường Nguyễn Khuyến	Phường Điện Thắng Bắc; Phường Điện Thắng Trung	0,42	chuyển tiếp
4	Mở rộng trường THCS Lê Trí Viễn	Phường Điện Thắng Bắc	0,13	chuyển tiếp
5	Trường THCS Lê Trí Viễn	Phường Điện Thắng Bắc	0,67	chuyển tiếp
6	Giao đất Trường mẫu giáo Điện An	Phường Điện An	1,00	chuyển tiếp
7	Giao đất mở rộng trường Phan Thành Tài	Phường Điện An	0,20	chuyển tiếp
8	Giao đất trường mẫu giáo Điện Dương	Phường Điện Dương	0,45	chuyển tiếp
9	Giao đất trường THCS Nguyễn Đức An	Phường Điện Nam Bắc	1,10	chuyển tiếp
10	Giao đất mở rộng Trường mẫu giáo Điện Nam Đông	Phường Điện Nam Đông	0,08	chuyển tiếp
11	Giao đất Trường THCS Đinh Châu	Phường Điện Nam Đông	3,20	chuyển tiếp
12	Giao đất Trường tiểu học Nguyễn Huệ (Cơ sở 2)	Phường Điện Thắng Bắc	0,78	chuyển tiếp
13	Giao đất trường THCS Quang Trung	Phường Vĩnh Điện	0,69	chuyển tiếp
	Tổng cộng		10,01	

*** Đất cơ sở thể dục - thể thao**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 0,98 ha; trong đó: Chuyển tiếp 0,98 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao sẽ tăng lên 0,60 ha trong năm kế hoạch, còn lại 0,38 ha là diện tích các công trình giáo dục hiện hữu, đang hoạt động nhưng chưa được giao đất, nay đăng ký kế hoạch đề nghị cấp thẩm quyền giao đất. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Khu thể thao thôn Tân Mỹ	Phường Điện Minh	0,60	chuyển tiếp
2	Trung tâm thể dục thể thao Bắc Quảng Nam (Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi nằm ngoài vạch GPMB)	Phường Vĩnh Điện	0,38	chuyển tiếp
	Tổng cộng		0,98	

*** Cụm công nghiệp**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 107,07 ha; trong đó: Chuyển tiếp 107,07 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu Đất cụm công nghiệp sẽ tăng lên 107,07 ha trong năm kế hoạch. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt II	Xã Điện Hòa	5,92	chuyển tiếp
2	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt I	Phường Điện Thắng Nam; Phường Điện Thắng Trung	21,64	chuyển tiếp
3	Cụm công nghiệp Nam Dương	Phường Điện Dương; Phường Điện Nam Đông	24,89	chuyển tiếp
4	Cụm công nghiệp Thương Tín	Phường Điện Nam Đông	25,21	chuyển tiếp
5	Cụm công nghiệp An Lưu	Phường Điện Nam Đông	18,29	chuyển tiếp
6	Làng nghề Đông Khương	Phường Điện Phương	1,18	chuyển tiếp
7	Cụm công nghiệp Vân Ly	Xã Điện Quang	0,97	chuyển tiếp
8	Cụm công nghiệp Cẩm Sơn	Xã Điện Tiến	8,97	chuyển tiếp
	Tổng cộng		107,07	

* Đất thương mại, dịch vụ

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 77,57 ha; trong đó: Chuyển tiếp 77,53 ha; đăng ký mới 0,04 ha. Chỉ tiêu Đất thương mại, dịch vụ sẽ tăng lên 77,20 ha trong năm kế hoạch, còn lại 0,37 ha là diện tích hiện trạng. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Mở rộng Trung tâm Dịch vụ Vận tải - Trạm kinh doanh xăng dầu và gas của Công ty TNHH MTV Hoàng Thạnh	Phường Điện An	0,49	chuyển tiếp
2	Khu du lịch và nghỉ dưỡng cao cấp (trừ phân khu 1)	Phường Điện Dương	49,75	chuyển tiếp
3	Khu du lịch, dịch vụ lưu trú nghỉ dưỡng Venus - Điện Hòa	Xã Điện Hòa	9,42	chuyển tiếp
4	Đấu giá thuê đất tại khu đất đã bàn giao cho Công ty DakAn trước đây (theo Kết luận số 11/TL-TTT ngày 21/7/2023 của Thanh tra tỉnh)	Phường Điện Dương	0,37	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
5	Tổ hợp khách sạn và dịch vụ du lịch Cyan	Phường Điện Dương	17,50	chuyển tiếp
6	Căn hộ khách sạn cao cấp bãi biển Hà My tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn (thuê đất bổ sung)	Phường Điện Dương	0,04	ĐK mới
	Tổng cộng		77,57	

*** Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 2,00 ha; trong đó: Chuyển tiếp 2,00 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản sẽ không tăng lên trong năm kế hoạch vì 2,00 ha đăng ký là phần diện tích thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất của các dự án đã thực hiện phần thu hồi đất, đã được cấp thẩm quyền giao đất. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Đường dẫn vào và bãi tập kết cát sỏi tại Điện Ngọc (Đấu giá bãi tập kết)	Phường Điện Ngọc	1,00	chuyển tiếp
2	Đường dẫn vào và bãi tập kết cát sỏi tại Điện Phong (Đấu giá bãi tập kết)	Xã Điện Phong	1,00	chuyển tiếp
	Tổng cộng		2,00	

*** Đất giao thông**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 135,68 ha; trong đó: Chuyển tiếp 130,33 ha; đăng ký mới 5,35 ha. Chỉ tiêu Đất công trình giao thông sẽ tăng lên 101,42 ha trong năm kế hoạch, còn lại 34,26 ha là diện tích mặt đường giao thông hiện trạng. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Cầu và đường dân sinh nối giữa thôn Đông Hò xã Điện Hòa với khối phố Phong Nhất phường Điện An (tuyến đường đi qua Nhà bia tường niệm các liệt sỹ Văn phòng Huyện uỷ Điện Bàn hy sinh trong thời kháng chiến chống Mỹ)	Phường Điện An; Xã Điện Hòa	0,51	chuyển tiếp
2	Cầu và đường dẫn vào đường DH 14.ĐB (giai đoạn 1)	Phường Điện An; Phường Điện Minh	0,50	chuyển tiếp
3	Cầu Nghĩa Tự	Phường Điện Dương	5,00	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
4	Tuyến từ đường ĐT 603B đến nhà ông Đinh Phẩm, phường Điện Dương	Phường Điện Dương	1,55	chuyển tiếp
5	Đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (Đoạn 04 Km còn lại)	Phường Điện Dương; Phường Điện Nam Bắc; Phường Điện Nam Trung; Phường Điện Ngọc	33,30	chuyển tiếp
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối ĐT409 với ĐT605	Xã Điện Hòa	1,79	chuyển tiếp
7	Cầu Kiên và đường dẫn hai đầu cầu	Xã Điện Hòa	0,55	ĐK mới
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH3 đoạn từ đường nội bộ CCN Trảng Nhặt 2 đến cầu Chánh Mười	Xã Điện Hòa	0,15	ĐK mới
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH01 (Đoạn từ QL 1A đến giáp ĐH5)	Xã Điện Hòa; Phường Điện Thắng Bắc; Phường Điện Thắng Trung	4,40	ĐK mới
10	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam	Xã Điện Hòa; Xã Điện Tiến	17,00	chuyển tiếp
11	Dự án Cầu Văn Ly và đường dẫn	Xã Điện Hồng; Xã Điện Quang	12,20	chuyển tiếp
12	Nâng cấp, mở rộng trục chính nội thị (Đoạn từ ngã ba đường tránh Điện Minh đến cầu Câu Lâu)	Phường Điện Minh; Phường Điện Phương	4,20	chuyển tiếp
13	Mở rộng đường trục chính qua trung tâm thị xã Điện Bàn đoạn từ Ngã ba Cây Sộp đến ngã ba đường tránh Điện Minh	Phường Điện Minh; Phường Vĩnh Điện	0,10	chuyển tiếp
14	Tuyến từ nhà ông Bổng đến Điện Nam Trung, phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Bắc	3,00	chuyển tiếp
15	Đường giao thông từ ĐT608 đến cụm công nghiệp An Lưu và cầu Bến Bồng	Phường Điện Nam Đông	4,29	chuyển tiếp
16	Đường từ nhà ông Đinh Thảo đến nhà ông Thân Tiến, phường Điện Nam Đông	Phường Điện Nam Đông	0,80	chuyển tiếp
17	Nâng cấp mở rộng đường từ ông Dũng đi ĐT 607A	Phường Điện Nam Đông	0,25	ĐK mới
18	Công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 608, đoạn từ Km1+494,57 đến Km4+754,01 thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Phường Điện Nam Đông; Phường Điện Minh; Phường Điện Phương;	0,05	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
		Phường Điện An; Xã Điện Phước		
19	Nâng cấp, mở rộng đường 773 giai đoạn 2	Phường Điện Nam Trung	1,60	chuyển tiếp
20	Đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc	Phường Điện Nam Trung	7,40	chuyển tiếp
21	Mở rộng đường giao thông nội bộ tại các khối phố	Phường Điện Nam Trung	0,05	chuyển tiếp
22	Nâng cấp mở rộng đường 773 giai đoạn 1	Phường Điện Nam Trung	0,02	chuyển tiếp
23	Đường từ nhà ông Nhì (giáp đường 773) đến giáp đường ĐH9, phường Điện Nam Trung và phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn	Phường Điện Nam Đông; Phường Điện Nam Trung	1,50	chuyển tiếp
24	Đường ĐH9 - Đoạn còn lại	Phường Điện Nam Trung; Điện Nam Đông; Điện Dương	3,11	chuyển tiếp
25	Đường nối tuyến ĐT603A với đường ĐT607 (Đoạn còn lại 2,40 km) phường Điện Ngọc, điểm đầu nút giao ngã ba đường ĐT607A (ngã ba Cây Xoài), điểm cuối giáp đoạn đã thi công (dự án BT 1,9km do Công ty TNHH SX&TM Bách Đạt thực hiện)	Phường Điện Ngọc	5,40	chuyển tiếp
26	Đường từ HTX 1/5 đến giáp Hòa Quý, phường Điện Ngọc	Phường Điện Ngọc	2,00	chuyển tiếp
27	Đường và cầu ĐH7 qua sông Vĩnh Điện	Phường Điện Ngọc; Phường Điện Thắng Bắc	1,00	chuyển tiếp
28	Hạ tầng làng du lịch Cẩm Phú	Xã Điện Phong	0,10	chuyển tiếp
29	Hệ thống giao thông, thủy lợi và công trình phục vụ dự án phát triển vùng sản xuất giống lúa lai	Xã Điện Phước; Xã Điện Thọ	2,70	chuyển tiếp
30	Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị tại Điện Phương	Phường Điện Phương	0,30	chuyển tiếp
31	Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị tại các xã phường	Phường Điện Phương; Phường Điện Thắng Bắc; Phường Điện Thắng Nam; Phường Điện Thắng Trung	2,70	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
32	Đường ĐH6.ĐB nối dài (đoạn cuối tuyến từ ĐH5.ĐB đến ĐH1.ĐB)	Phường Điện Thắng Bắc; Phường Điện Thắng Trung	0,15	chuyển tiếp
33	Đường ĐH6.ĐB lý trình Km 4+100÷ Km 5+500	Phường Điện Thắng Nam	0,06	chuyển tiếp
34	Đường ĐH15	Phường Điện Thắng Trung	2,36	chuyển tiếp
35	Đường vào lò giết mổ gia súc, gia cầm tại xã Điện Thọ	Xã Điện Thọ	0,40	chuyển tiếp
36	Cầu Phong Thử trên tuyến ĐT.609 (nâng cấp, mở rộng).	Xã Điện Thọ	2,00	chuyển tiếp
37	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH1 đến cổng chui đường cao tốc (mở rộng thêm 5m)	Xã Điện Thọ	0,14	chuyển tiếp
38	Đường ĐH16	Xã Điện Tiến	0,80	chuyển tiếp
39	Nâng cấp mở rộng tuyến Đường ĐH12 (từ ĐT605 đến giáp xã Hòa Tiến)	Xã Điện Tiến	6,00	chuyển tiếp
40	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Cao Vân (đoạn từ Cao Thắng đến Phan Thành Tài)	Phường Vĩnh Điện	0,58	chuyển tiếp
41	Kè chống sạt lở sông Vĩnh Điện khu vực đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Vĩnh Điện	0,07	chuyển tiếp
42	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương và cải tạo hồ sen	Phường Vĩnh Điện	4,50	chuyển tiếp
43	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Sư Vạn Hạnh	Phường Vĩnh Điện	0,45	chuyển tiếp
44	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Vĩnh Điện	0,38	chuyển tiếp
45	Nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Trần Nhân Tông	Phường Vĩnh Điện	0,20	chuyển tiếp
46	Hai lối vào của khu du lịch tại phường Điện Dương của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Phú Hải	Phường Điện Dương	0,07	chuyển tiếp
	Tổng cộng		135,68	

* Đất công trình thủy lợi

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 3,40 ha; trong đó: Chuyển tiếp 3,40 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu Đất công trình thủy lợi sẽ tăng lên 3,40 ha trong năm kế hoạch. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Hệ thống thoát nước các dự án ven biển phía Bắc thị xã Điện Bàn (giai đoạn 1,2)	Phường Điện Ngọc	3,20	chuyển tiếp
2	Nhà máy nước Gò Nổi	Xã Điện Trung	0,20	chuyển tiếp
	Tổng cộng		3,40	

*** Đất có di tích lịch sử - văn hóa**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 2,00 ha; trong đó: Chuyển tiếp 1,56 ha; đăng ký mới 0,44 ha. Chỉ tiêu đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên sẽ tăng lên 1,77 ha trong năm kế hoạch, còn lại 0,23 ha là diện tích các công trình di tích hiện hữu nhưng chưa được giao đất, nay đăng ký kế hoạch để đề nghị cấp thẩm quyền giao đất. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Khu di tích lịch sử cấp quốc gia Giếng Nhà Nhì phường Điện Ngọc, hạng mục đền bù GPMB và xây dựng tường rào bao quanh	Phường Điện Ngọc	1,00	chuyển tiếp
2	Khu di tích Bàu Sen và Lăng Bà Viêm Minh	Phường Điện Ngọc	0,10	ĐK mới
3	Khu di tích Căn cứ lồm vùng Đông Điện Bàn	Phường Điện Ngọc	0,10	ĐK mới
4	Bia ghi dấu địa điểm thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của thị xã Điện Bàn	Xã Điện Phước	0,20	ĐK mới
5	Mở rộng Đình Viêm Tây	Phường Điện Thắng Bắc	0,32	chuyển tiếp
6	Mở rộng Di tích Lò Gạch	Xã Điện Trung	0,05	chuyển tiếp
7	Giao đất Di tích Đình Lãnh Đông	Xã Điện Trung	0,19	chuyển tiếp
8	Giao đất Di tích nhà thờ Tộc Đình	Phường Điện Dương	0,04	ĐK mới
	Tổng cộng		2,00	

*** Đất công trình xử lý chất thải**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 1,17 ha; trong đó: Chuyển tiếp 1,17 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu Đất công trình xử lý chất thải sẽ tăng lên 1,17 ha trong năm kế hoạch. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Hệ thống xử lý nước thải Khu dân cư Nam Điện An và Khu dân cư phố chợ Vĩnh Điện	Phường Điện An	1,00	chuyển tiếp
2	Khu xử lý nước thải sinh hoạt thuộc dự án Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 1	Phường Điện Nam Đông	0,17	chuyển tiếp
	Tổng cộng		1,17	

* Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 1,03 ha; trong đó: Chuyển tiếp 1,03 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng sẽ tăng lên 0,85 ha trong năm kế hoạch, còn lại 0,18 ha là phần diện tích hiện trạng có sẵn. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Hệ thống lưới, chống quá tải lưới điện hạ thế và TBA khu vực Điện lực Điện Bàn năm 2023	Phường Điện An; Điện Hòa; Điện Minh; Điện Ngọc; Điện Nam Bắc; Điện Nam Đông; Điện Phong; Điện Phước; Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung; Điện Thọ; Điện Tiến; Vĩnh Điện	0,06	chuyển tiếp
2	Hoàn thiện lưới điện trung hạ thế khu vực ĐL Điện Bàn năm 2024	Phường Điện An; Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thắng Trung; Điện Thắng Nam; Điện Ngọc; Điện Thắng Bắc; Điện Nam Bắc	0,05	chuyển tiếp
3	Chống quá tải lưới điện khu vực ĐL Điện Bàn năm 2024	Phường Điện An; Vĩnh Điện; Điện Ngọc; Điện Minh; Điện Nam Bắc; Điện Thắng Trung; Điện Thắng Bắc; Điện Tiến; Điện Phước; Điện Nam Trung	0,04	chuyển tiếp
4	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam	Phường Điện Dương; Xã Điện Hòa; Xã Điện Phước; Xã Điện Thọ	0,25	chuyển tiếp
5	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam (năm 2021)	Xã Điện Hòa; Phường Điện Nam Bắc; Phường Điện Ngọc	0,11	chuyển tiếp
6	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam năm 2022 (năm 2022)	Xã Điện Hòa; Xã Điện Phước; Xã Điện Quang; Xã Điện Thọ	0,18	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
7	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực thị xã Điện Bàn năm 2023	Xã Điện Hòa; Xã Điện Phước; Xã Điện Thọ và KCN Điện Nam - Điện Ngọc	0,02	chuyển tiếp
8	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam năm 2023 (năm 2023)	Xã Điện Hòa; Xã Điện Phước; Xã Điện Thọ; Xã Điện Trung	0,08	chuyển tiếp
9	Cải tạo lưới điện trung áp khu vực Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn	Phường Điện Minh; Xã Điện Phong	0,02	chuyển tiếp
10	Đường dây 110 KV Duy Xuyên - Hội An	Phường Điện Nam Đông; Phường Điện Phương	0,15	chuyển tiếp
11	Hoàn thiện lưới điện tiếp nhận HTX Điện Phương năm 2023	Phường Điện Phương	0,04	chuyển tiếp
12	Xử lý điểm mất an toàn đường dây 110kV khu vực Quảng Nam năm 2024 (năm 2024)	Xã Điện Thọ; Xã Điện Trung	0,03	chuyển tiếp
	Tổng cộng		1,03	

*** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 10,00 ha; trong đó: Chuyển tiếp 10,00 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng sẽ tăng lên 10,00 ha trong năm kế hoạch. Dự án thực hiện: Quảng trường công viên Phía Tây Điện Bàn (Gần cầu ĐH14, thuộc xã Điện Minh).

*** Đất cơ sở tôn giáo**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 0,12 ha; trong đó: Chuyển tiếp 0,12 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu Đất tôn giáo sẽ tăng lên 0,12 ha trong năm kế hoạch. Dự án thực hiện: Mở rộng Thánh Tịnh Thanh Quang Phong Thử 3, Điện Thọ

*** Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt**

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 5,46 ha; trong đó: Chuyển tiếp 5,46 ha; đăng ký mới 0,00 ha. Chỉ tiêu Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt sẽ tăng lên 5,46 ha trong năm kế hoạch. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Mở rộng Khu nghĩa địa Tân Khai	Phường Điện Dương	4,00	chuyển tiếp
2	Đầu tư xây dựng Nghĩa trang phường Điện Nam Đông	Phường Điện Nam Đông	1,00	chuyển tiếp
3	Cải tạo, xây dựng nghĩa trang nhân dân Gò Bướm	Xã Điện Phước	0,35	chuyển tiếp
4	Nhà tang lễ thị xã	Phường Điện Thắng Trung	0,11	chuyển tiếp
	Tổng cộng		5,46	

* Đất có mặt nước chuyên dùng

Diện tích thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch là 151,56 ha; trong đó: Chuyển tiếp 112,30 ha; đăng ký mới 39,26 ha. Chỉ tiêu Đất có mặt nước chuyên dùng sẽ tăng lên 49,09 ha trong năm kế hoạch, còn lại 102,47 ha là diện tích hiện trạng có sẵn. Dự án thực hiện:

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
1	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn sông Cổ Cò tại phường Điện Dương	Phường Điện Dương	9,00	chuyển tiếp
2	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn Sông Cổ Cò đoạn từ địa giới hành chính giữa thị xã Điện Bàn và thành phố Hội An đến 9+500 tại phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn	Phường Điện Dương	1,50	chuyển tiếp
3	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu Nghĩa Tự)	Phường Điện Dương	1,50	chuyển tiếp
4	Nạo vét khơi thông sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14+ 000 đến Km 18 + 900	Phường Điện Dương; Phường Điện Ngọc	80,67	chuyển tiếp
5	Nạo vét sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14 + 000 đến Km 16 + 000 (giai đoạn 2)	Phường Điện Nam Bắc; Phường Điện Nam Trung	11,46	chuyển tiếp
6	Nạo vét sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14 + 000 đến Km 16 + 000 (giai đoạn 1)	Phường Điện Ngọc	8,17	chuyển tiếp
7	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn sông Cổ Cò (KM 9+500 – 14+00) (phần diện tích ngoài vệt thu hồi)	Phường Điện Dương	13,70	ĐK mới

Đơn vị tính: ha

STT	Tên danh mục	Địa điểm (xã/phường)	Diện tích	Chi chú
8	Dự án thành phần HA/W1: Xây dựng hồ chứa nước Lai Nghi và hồ Pháp Bảo thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Phường Điện Nam Đông; Phường Điện Phương	25,56	ĐK mới
Tổng cộng			151,56	

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch

Chỉ tiêu sử dụng đất của thị xã Điện Bàn được xác định dựa trên chỉ tiêu được phê duyệt tại Quyết định 1323/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND tỉnh về Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thị xã Điện Bàn. Cụ thể như sau:

Bảng 3.4. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 của thị xã Điện Bàn

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Diện tích QH 2030 phê duyệt tại QĐ825	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		
					Diện tích	Cơ cấu (%)	Còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(6)
	Diện tích tự nhiên		21.632,39	21.632,39	21.632,39	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.129,47	10.342,15	10.766,03	49,77	-423,88
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.183,96	5.732,00	5.993,89	27,71	-261,89
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	6.183,96	5.732,00	5.993,89	27,71	-261,89
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.877,17	3.519,43	3.778,41	17,47	-258,98
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	735,49	575,85	659,39	3,05	-83,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	105,81	102,00	105,81	0,49	-3,81
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	30,13		30,13	0,14	-30,13
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	192,98	251,51	191,47	0,89	60,04
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT					
1.9	Đất làm muối	LMU					
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,93	161,36	6,93	0,03	154,43
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.597,84	10.787,40	10.031,21	46,37	756,19

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Diện tích QH 2030 phê duyệt tại QĐ825	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		
					Diện tích	Cơ cấu (%)	Còn lại
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.662,26	1.869,57	1.766,65	8,17	102,92
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.636,15	2.664,21	2.713,71	12,54	-49,50
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,72	19,15	18,43	0,09	0,72
2.4	Đất quốc phòng	CQP	94,01	144,08	94,18	0,44	49,90
2.5	Đất an ninh	CAN	3,03	8,70	4,52	0,02	4,18
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	188,97	395,15	187,81	0,87	207,34
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	12,18	13,78	12,86	0,06	0,92
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,54	1,53	0,64		0,89
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,62	13,35	9,73	0,04	3,62
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	112,53	310,68	111,47	0,52	199,21
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	53,99	55,70	53,00	0,25	2,70
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH					
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT					
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT					
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,11	0,11	0,11		
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	814,93	1.243,71	948,95	4,39	294,76
-	Đất khu công nghiệp	SKK	258,26	357,08	259,22	1,20	97,86
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	147,05	356,98	246,02	1,14	110,96
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT					
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	325,18	425,41	360,05	1,66	65,36
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	74,85	93,33	74,07	0,34	19,26
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	9,59	10,91	9,59	0,04	1,32
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.971,01	2.234,74	2.117,17	9,79	117,57

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Diện tích QH 2030 phê duyệt tại QĐ825	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025		
					Diện tích	Cơ cấu (%)	Còn lại
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.665,73	1.789,79	1.764,24	8,16	25,55
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	159,89	163,97	160,44	0,74	3,53
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT					
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	12,07	15,23	13,84	0,06	1,39
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,30	19,55	4,47	0,02	15,08
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,20	4,47	4,17	0,02	0,30
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,88	4,38	0,88		3,50
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	12,79	27,51	12,79	0,06	14,72
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	112,15	209,84	156,34	0,72	53,50
2.9	Đất tôn giáo	TON	11,62	15,29	11,74	0,05	3,55
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	40,59	39,58	39,33	0,18	0,25
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	754,03	795,28	740,80	3,42	54,48
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.402,51	1.354,93	1.387,91	6,42	-32,98
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	136,54	156,48	100,85	0,47	55,63
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.265,97	1.198,45	1.287,06	5,95	-88,61
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,01	3,01	0,01		3,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	905,08	502,84	835,15	3,86	-332,31
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	905,08	502,84	835,15	3,86	-332,31
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS					
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS					
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS					

(Chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã xem chi tiết biểu 17/CH phần DANH MỤC BIỂU)

3.3.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 10.342,15 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 11.129,47 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 10.766,03 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 363,44 ha; cao hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 423,88 ha. Cụ thể như sau:

* Đất chuyên trồng lúa nước

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 5.732,00 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 6.183,96 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 5.993,89 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 190,07 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 35,00 ha
 - + Chuyển sang đất ở tại đô thị 60,09 ha
 - + Chuyển sang đất an ninh 0,53 ha
 - + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,68 ha
 - + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,98 ha
 - + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 5,84 ha
 - + Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 3,27 ha
 - + Chuyển sang đất công trình giao thông 30,75 ha
 - + Chuyển sang đất công trình thủy lợi 0,15 ha
 - + Chuyển sang đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 1,13 ha
 - + Chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,46 ha
 - + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 16,34 ha
 - + Chuyển sang đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,35 ha
 - + Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 34,50 ha
 - + Chuyển sang đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 34,50 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 5.993,89 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 190,07 ha; cao hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 261,89 ha.
- Diện tích đất chuyên trồng lúa phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất chuyên trồng lúa: 5.993,89 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	21,01	Phường Điện An	583,58
2	Xã Điện Tiến	375,54	Phường Điện Nam Bắc	94,66
3	Xã Điện Hòa	603,61	Phường Điện Nam Trung	148,89
4	Phường Điện Thắng Bắc	120,35	Phường Điện Nam Đông	195,14
5	Phường Điện Thắng Trung	110,22	Phường Điện Dương	129,37
6	Phường Điện Thắng Nam	215,19	Xã Điện Quang	165,69
7	Phường Điện Ngọc	263,95	Xã Điện Trung	260,18
8	Xã Điện Hồng	705,58	Xã Điện Phong	184,00
9	Xã Điện Thọ	682,56	Phường Điện Minh	290,37
10	Xã Điện Phước	611,44	Phường Điện Phương	232,56

Đất chuyên trồng lúa nước giảm 190,07 ha trong kỳ kế hoạch chủ yếu phục vụ xây dựng các công trình phát triển hạ tầng, khu dân cư đô thị và nông thôn trong năm kế hoạch. Việc khai thác đất lúa tập trung vào các vị trí không thuận lợi cho việc canh tác như: các vị trí không chủ động nguồn nước tưới, bị chia cắt xen kẹt trong khu dân cư, các vị trí không còn hiện trạng đất lúa do bị bỏ hoang nhiều năm.

* Đất trồng cây hàng năm khác

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 3.519,43 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 3.877,17 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 3.778,41 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 98,76 ha. Trong đó:

- + Chuyển sang đất nông nghiệp khác 3,00 ha
- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 14,66 ha
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 35,36 ha
- + Chuyển sang đất quốc phòng 0,07 ha
- + Chuyển sang đất an ninh 0,36 ha
- + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,12 ha
- + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở xã hội 0,10 ha
- + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,60 ha
- + Chuyển sang đất khu công nghiệp 0,87 ha
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 14,70 ha
- + Chuyển sang đất công trình giao thông 19,56 ha
- + Chuyển sang đất công trình thủy lợi 0,05 ha

+ Chuyển sang đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 0,22 ha

- + Chuyển sang đất công trình xử lý chất thải 1,09 ha
- + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 6,00 ha
- + Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 2,00 ha
- + Chuyển sang đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2,00 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 3.778,41 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 98,76 ha; cao hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 258,98 ha.
- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất trồng cây hàng năm khác: 3.778,41 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	2,75	Phường Điện An	77,88
2	Xã Điện Tiến	244,72	Phường Điện Nam Bắc	119,55
3	Xã Điện Hòa	301,99	Phường Điện Nam Trung	197,48
4	Phường Điện Thắng Bắc	38,79	Phường Điện Nam Đông	91,27
5	Phường Điện Thắng Trung	36,84	Phường Điện Dương	154,19
6	Phường Điện Thắng Nam	61,96	Xã Điện Quang	508,73
7	Phường Điện Ngọc	215,32	Xã Điện Trung	293,40
8	Xã Điện Hồng	293,18	Xã Điện Phong	419,74
9	Xã Điện Thọ	261,34	Phường Điện Minh	109,95
10	Xã Điện Phước	145,72	Phường Điện Phương	203,61

- * Đất trồng cây lâu năm
- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 575,85 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 735,49 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 659,39 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 76,1 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 18,66 ha
 - + Chuyển sang đất ở tại đô thị 13,47 ha
 - + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 17,20 ha
 - + Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 1,00 ha
 - + Chuyển sang đất công trình giao thông 21,67 ha
 - + Chuyển sang đất công trình xử lý chất thải 0,02 ha
 - + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 2,58 ha

+ Chuyển sang đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 1,00 ha

+ Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 0,50 ha

+ Chuyển sang đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,50 ha

- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 659,39 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 76,10 ha; cao hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 83,54 ha.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất trồng cây lâu năm: 659,39 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	0,31	Phường Điện An	3,46
2	Xã Điện Tiến	45,19	Phường Điện Nam Bắc	21,99
3	Xã Điện Hòa	42,06	Phường Điện Nam Trung	17,87
4	Phường Điện Thắng Bắc	14,98	Phường Điện Nam Đông	26,45
5	Phường Điện Thắng Trung	25,62	Phường Điện Dương	119,91
6	Phường Điện Thắng Nam	12,25	Xã Điện Quang	17,09
7	Phường Điện Ngọc	7,94	Xã Điện Trung	39,11
8	Xã Điện Hồng	36,53	Xã Điện Phong	35,14
9	Xã Điện Thọ	38,56	Phường Điện Minh	64,09
10	Xã Điện Phước	36,76	Phường Điện Phương	54,08

* Đất rừng phòng hộ

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 102,00 ha

- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 105,81 ha

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 105,81 ha

- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 105,81 ha; giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024; cao hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch phê duyệt 3,81 ha.

- Diện tích đất rừng phòng hộ phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất rừng phòng hộ: 105,81 ha				
1	Xã Điện Tiến	76,60	Xã Điện Thọ	29,21

* Đất rừng sản xuất

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 0,00 ha

- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 30,13 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 30,13 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 30,13 ha; giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024; cao hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 30,13 ha.
- Diện tích đất rừng sản xuất phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau: Xã Điện Tiến 30,13 ha.
- * Đất nuôi trồng thủy sản
- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 251,51 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 192,98 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 191,47 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 1,51 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất ở tại đô thị 1,47 ha
 - + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,04 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 191,47 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 1,51 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 60,04 ha.
- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản: 191,47 ha				
1	Xã Điện Tiến	40,82	Phường Điện Nam Trung	1,40
2	Xã Điện Hòa	40,91	Phường Điện Nam Đông	1,46
3	Phường Điện Thắng Trung	2,39	Phường Điện Dương	32,90
4	Phường Điện Thắng Nam	8,59	Xã Điện Quang	2,49
5	Phường Điện Ngọc	25,72	Xã Điện Phong	10,20
6	Xã Điện Hồng	9,18	Phường Điện Minh	0,11
7	Xã Điện Thọ	14,56	Phường Điện Phương	0,74

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 60,04 ha. Nguyên nhân: Kỳ quy hoạch đến năm 2030 thị xã Điện Bàn được phê duyệt đất nuôi trồng thủy sản tăng 64,39 ha được chuyển sang từ đất chuyên lúa nước tại các vị trí, khu vực trũng thấp không thể canh tác để nuôi trồng thủy sản với diện tích và để thực hiện dự án Khu nuôi trồng thủy sản tại xã Điện Hồng. Tuy nhiên cho đến nay các dự án này vẫn chưa thực hiện, vì vậy, diện tích đất nuôi trồng thủy sản tính đến cuối năm 2025 thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt.

*** Đất nông nghiệp khác**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 161,36 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 3,93 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 3,93 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 3,00 ha. Trong đó:
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 3,00 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 6,93 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 3,00 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 154,43 ha.
- Diện tích đất nông nghiệp khác phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất nông nghiệp khác: 6,93 ha				
1	Phường Điện Thắng Trung	3,93	Xã Điện Thọ	3,00

Diện tích nông nghiệp khác sản thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 154,43 ha. Nguyên nhân: Kỳ quy hoạch đến năm 2030 thị xã Điện Bàn được phê duyệt nông nghiệp khác tăng 157,43 ha để thực hiện các dự án Khu chăn nuôi, trang trại nông nghiệp, dự án nông nghiệp công nghệ cao tại xã Điện Hòa và các dự án khác. Tuy nhiên cho đến nay các dự án này vẫn chưa thực hiện, vì vậy, diện tích nông nghiệp khác tính đến cuối năm 2025 thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 10.787,40 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 9.597,84 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 10.031,21 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 433,37 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 756,19 ha. Cụ thể như sau:
 - * Đất ở tại nông thôn
 - Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 1.869,57 ha
 - Diện tích hiện trạng năm 2024 là 1.662,26 ha
 - Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 1.628,08 ha
 - Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 14,93 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất an ninh 0,18 ha
 - + Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 0,35 ha
 - + Chuyển sang đất công trình giao thông 14,27 ha
 - + Chuyển sang đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,01 ha

- + Chuyển sang đất tôn giáo 0,12 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 119,32 ha. Trong đó:
 - + Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 35,00 ha
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 14,66 ha
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 18,66 ha
 - + Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao chuyển sang 0,97 ha
 - + Đất công trình giao thông chuyển sang 3,10 ha
 - + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng chuyển sang 0,01 ha
 - + Đất tín ngưỡng chuyển sang 0,03 ha
 - + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt chuyển sang 7,77 ha
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 10,05 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 24,64 ha
 - + Đất có mặt nước chưa sử dụng chuyển sang 4,43 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 1.766,65 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 104,39 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 102,92 ha.
- Diện tích đất ở tại nông thôn phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất ở tại nông thôn: 1.766,65 ha				
1	Xã Điện Tiến	277,77	Xã Điện Phước	174,05
2	Xã Điện Hòa	390,37	Xã Điện Quang	172,31
3	Xã Điện Hồng	252,61	Xã Điện Trung	117,37
4	Xã Điện Thọ	197,89	Xã Điện Phong	184,28

*** Đất ở tại đô thị**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 2.664,21 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 2.636,15 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 2.378,78 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 65,32 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất an ninh 0,01 ha
 - + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,01 ha
 - + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 31,62 ha
 - + Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 1,70 ha

- + Chuyển sang đất công trình giao thông 22,91 ha
- + Chuyển sang đất công trình xử lý chất thải 0,06 ha
- + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 8,99 ha
- + Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 0,02 ha
- + Chuyển sang đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 142,88 ha. Trong đó:
- + Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 60,09 ha
- + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 35,36 ha
- + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 13,47 ha
- + Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang 1,47 ha
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chuyển sang 1,38 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang 0,32 ha
- + Đất công trình giao thông chuyển sang 13,15 ha
- + Đất công trình thủy lợi chuyển sang 1,85 ha
- + Đất tín ngưỡng chuyển sang 0,88 ha
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt chuyển sang 5,02 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 1,89 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá chuyển sang 0,98 ha
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối chuyển sang 0,91 ha
- + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 8,00 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 2.713,71 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 77,56 ha; cao hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 49,50 ha.
- Diện tích đất ở tại đô thị phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất ở tại đô thị: 2.650,39 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	79,07	Phường Điện Nam Bắc	132,78
2	Phường Điện Thắng Bắc	107,05	Phường Điện Nam Trung	201,87
3	Phường Điện Thắng Trung	99,19	Phường Điện Nam Đông	175,28
4	Phường Điện Thắng Nam	130,50	Phường Điện Dương	443,90
5	Phường Điện Ngọc	779,22	Phường Điện Minh	145,41
6	Phường Điện An	232,61	Phường Điện Phương	186,83

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 19,15 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 18,72 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 18,43 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 0,29 ha. Trong đó:
- + Chuyển sang đất công trình giao thông 0,29 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 18,43 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 0,29 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 0,72 ha.

- Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan: 18,43 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	6,28	Phường Điện An	0,65
2	Xã Điện Tiến	0,56	Phường Điện Nam Bắc	1,16
3	Xã Điện Hòa	0,48	Phường Điện Nam Trung	0,31
4	Phường Điện Thắng Bắc	0,56	Phường Điện Nam Đông	0,47
5	Phường Điện Thắng Trung	0,41	Phường Điện Dương	0,39
6	Phường Điện Thắng Nam	2,98	Xã Điện Quang	0,63
7	Phường Điện Ngọc	0,26	Xã Điện Trung	0,36
8	Xã Điện Hồng	0,59	Xã Điện Phong	0,24
9	Xã Điện Thọ	0,44	Phường Điện Minh	0,29
10	Xã Điện Phước	0,93	Phường Điện Phương	0,44

*** Đất quốc phòng**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 144,08 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 94,01 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 94,01 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 0,17 ha. Trong đó:
- + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 0,07 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 0,10 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 94,18 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 0,17 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 49,90 ha.

- Diện tích đất quốc phòng phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất quốc phòng: 94,18 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	2,29	Phường Điện Nam Bắc	2,34
2	Xã Điện Tiến	54,48	Phường Điện Nam Trung	2,97
3	Xã Điện Hòa	9,45	Phường Điện Nam Đông	5,15
4	Phường Điện Thắng Nam	0,45	Phường Điện Dương	4,16
5	Phường Điện Ngọc	7,46	Xã Điện Phong	5,43

*** Đất an ninh**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 8,70 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 3,03 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 3,03 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 1,49 ha. Trong đó:
 - + Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 0,53 ha
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 0,36 ha
 - + Đất ở tại nông thôn chuyển sang 0,18 ha
 - + Đất ở tại đô thị chuyển sang 0,01 ha
 - + Đất xây dựng cơ sở y tế chuyển sang 0,15 ha
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chuyển sang 0,13 ha
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang 0,12 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 0,01 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 4,52 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 1,49 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 4,18 ha.
- Diện tích đất an ninh phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất an ninh: 4,52 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	2,26	Phường Điện Nam Bắc	0,21
2	Xã Điện Tiến	0,18	Phường Điện Nam Trung	0,07
3	Phường Điện Thắng Bắc	0,07	Phường Điện Nam Đông	0,33
4	Phường Điện Thắng Trung	0,23	Xã Điện Quang	0,10
5	Phường Điện Thắng Nam	0,21	Xã Điện Phong	0,15
6	Xã Điện Hồng	0,17	Phường Điện Minh	0,20
7	Xã Điện Thọ	0,12	Phường Điện Phương	0,14
8	Phường Điện An	0,08		

*** Đất xây dựng cơ sở văn hóa**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 13,78 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 12,18 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 12,18 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 0,68 ha. Trong đó:
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 0,12 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 0,56 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 12,86 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 0,68 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 0,92 ha.
- Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa: 12,86 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	5,16	Phường Điện Nam Trung	0,34
2	Xã Điện Hòa	0,72	Phường Điện Nam Đông	0,88
3	Phường Điện Thắng Bắc	0,31	Phường Điện Dương	0,21
4	Phường Điện Ngọc	1,00	Xã Điện Quang	0,20
5	Xã Điện Thọ	0,50	Xã Điện Trung	0,76
6	Xã Điện Phước	0,85	Xã Điện Phong	0,19
7	Phường Điện An	0,43	Phường Điện Minh	0,19
8	Phường Điện Nam Bắc	0,37	Phường Điện Phương	0,75

*** Đất xây dựng cơ sở xã hội**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 1,53 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 0,54 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 0,54 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 0,1 ha. Trong đó:
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 0,10 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 0,64 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 0,10 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 0,89 ha.
- Diện tích đất xây dựng cơ sở xã hội phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở xã hội: 0,64 ha				

1	Phường Điện Thắng Bắc	0,05	Phường Điện Nam Đông	0,10
2	Phường Điện Thắng Trung	0,49		

*** Đất xây dựng cơ sở y tế**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 13,35 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 9,62 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 9,47 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 0,15 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất an ninh 0,15 ha
 - Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 0,26 ha. Trong đó:
 - + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt chuyển sang 0,17 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 0,09 ha
 - Diện tích kế hoạch năm 2025 là 9,73 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 0,11 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 3,62 ha.
 - Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở y tế: 9,64 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	2,64	Phường Điện An	0,21
2	Xã Điện Tiến	0,36	Phường Điện Nam Bắc	0,73
3	Xã Điện Hòa	0,31	Phường Điện Nam Trung	2,89
4	Phường Điện Thắng Bắc	0,16	Phường Điện Nam Đông	0,11
5	Phường Điện Thắng Trung	0,13	Phường Điện Dương	0,44
6	Phường Điện Thắng Nam	0,10	Xã Điện Quang	0,25
7	Phường Điện Ngọc	0,30	Xã Điện Trung	0,10
8	Xã Điện Hồng	0,15	Xã Điện Phong	0,01
9	Xã Điện Thọ	0,23	Phường Điện Minh	0,05
10	Xã Điện Phước	0,40	Phường Điện Phương	0,16

*** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 310,68 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 112,53 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 109,53 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 3 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất ở tại đô thị 1,38 ha
 - + Chuyển sang đất an ninh 0,13 ha

- + Chuyển sang đất công trình giao thông 0,11 ha
- + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1,38 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 1,94 ha. Trong đó:
 - + Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 0,68 ha
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 0,60 ha
 - + Đất ở tại đô thị chuyển sang 0,01 ha
 - + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt chuyển sang 0,02 ha
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 0,50 ha
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá chuyển sang 0,50 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 0,13 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 111,47 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 1,06 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 199,21 ha.
- Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 111,47 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	3,87	Phường Điện An	5,03
2	Xã Điện Tiến	3,48	Phường Điện Nam Bắc	3,47
3	Xã Điện Hòa	5,03	Phường Điện Nam Trung	0,84
4	Phường Điện Thắng Bắc	3,60	Phường Điện Nam Đông	8,65
5	Phường Điện Thắng Trung	5,75	Phường Điện Dương	9,29
6	Phường Điện Thắng Nam	2,01	Xã Điện Quang	2,78
7	Phường Điện Ngọc	25,06	Xã Điện Trung	3,99
8	Xã Điện Hồng	2,93	Xã Điện Phong	2,78
9	Xã Điện Thọ	5,45	Phường Điện Minh	8,39
10	Xã Điện Phước	4,08	Phường Điện Phương	4,99

* Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 55,70 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 53,99 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 52,02 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 1,97 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,97 ha

+ Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1,00 ha

- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 0,98 ha. Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 0,98 ha

- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 53,00 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 0,99 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 2,70 ha.

- Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 53,00 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	7,23	Phường Điện An	0,05
2	Xã Điện Tiến	5,66	Phường Điện Nam Bắc	0,77
3	Xã Điện Hòa	2,97	Phường Điện Nam Trung	1,15
4	Phường Điện Thắng Bắc	1,04	Phường Điện Nam Đông	2,58
5	Phường Điện Thắng Trung	3,73	Phường Điện Dương	1,89
6	Phường Điện Thắng Nam	2,60	Xã Điện Quang	3,73
7	Phường Điện Ngọc	1,08	Xã Điện Trung	0,66
8	Xã Điện Hồng	1,27	Xã Điện Phong	2,67
9	Xã Điện Thọ	1,73	Phường Điện Minh	7,88
10	Xã Điện Phước	1,52	Phường Điện Phương	2,79

* Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 0,11 ha

- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 0,11 ha

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 0,11 ha

- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 0,11 ha; giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024 đúng bằng diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt

- Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
1	Phường Vĩnh Điện	0,10	Phường Điện Ngọc	0,01

* Đất khu công nghiệp

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 357,08 ha

- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 258,26 ha

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 258,26 ha

- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 258,26 ha; giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 98,82 ha.

- Diện tích đất khu công nghiệp phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất khu công nghiệp: 258,26 ha				
1	Phường Điện Ngọc	71,84	Phường Điện Nam Trung	33,06
2	Phường Điện Nam Bắc	153,36		

*** Đất cụm công nghiệp**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 356,98 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 147,05 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 147,05 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 98,97 ha. Trong đó:
 - + Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 5,84 ha
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 14,70 ha
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 17,20 ha
 - + Đất ở tại đô thị chuyển sang 31,62 ha
 - + Đất công trình thủy lợi chuyển sang 0,03 ha
 - + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng chuyển sang 0,61 ha
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 9,24 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 10,63 ha
 - + Đất có mặt nước chưa sử dụng chuyển sang 9,10 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 246,02 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 98,97 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 110,96 ha.
- Diện tích đất cụm công nghiệp phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất cụm công nghiệp: 246,02 ha				
1	Xã Điện Tiến	44,27	Phường Điện Nam Trung	12,22
2	Xã Điện Hòa	30,67	Phường Điện Nam Đông	91,65
3	Phường Điện Thắng Bắc	4,77	Phường Điện Dương	24,13
4	Phường Điện Thắng Trung	1,64	Xã Điện Quang	3,02

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
5	Phường Điện Thắng Nam	4,06	Xã Điện Trung	2,10
6	Phường Điện Ngọc	21,64	Phường Điện Phương	5,85

* Đất thương mại, dịch vụ

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 425,41 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 325,18 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 325,18 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 34,83 ha. Trong đó:
 - + Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 4,27 ha
 - + Đất ở tại nông thôn chuyển sang 0,35 ha
 - + Đất ở tại đô thị chuyển sang 1,70 ha
 - + Đất công trình giao thông chuyển sang 0,36 ha
 - + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt chuyển sang 2,66 ha
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 0,77 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 22,18 ha
 - + Đất có mặt nước chưa sử dụng chuyển sang 2,54 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 360,05 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 34,83 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 65,40 ha.
- Diện tích đất thương mại, dịch vụ phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất thương mại, dịch vụ: 360,05 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	2,45	Phường Điện An	2,93
2	Xã Điện Tiến	0,83	Phường Điện Nam Bắc	0,09
3	Xã Điện Hòa	20,27	Phường Điện Nam Trung	1,44
4	Phường Điện Thắng Bắc	0,89	Phường Điện Nam Đông	10,54
5	Phường Điện Thắng Trung	2,07	Phường Điện Dương	185,34
6	Phường Điện Thắng Nam	12,71	Xã Điện Quang	0,87
7	Phường Điện Ngọc	106,20	Xã Điện Trung	0,38
8	Xã Điện Hồng	1,95	Phường Điện Minh	2,13
9	Xã Điện Phước	1,52	Phường Điện Phương	7,40

* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 93,33 ha

- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 74,85 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 74,16 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 0,69 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,32 ha
 - + Chuyển sang đất an ninh 0,12 ha
 - + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,25 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 74,07 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 0,69 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 19,17 ha.
- Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 74,07 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	0,16	Phường Điện An	1,42
2	Xã Điện Tiến	4,52	Phường Điện Nam Trung	0,86
3	Xã Điện Hòa	26,76	Phường Điện Dương	0,31
4	Phường Điện Thắng Bắc	3,68	Xã Điện Quang	1,36
5	Phường Điện Thắng Trung	13,67	Xã Điện Trung	4,01
6	Phường Điện Ngọc	13,33	Xã Điện Phong	0,26
7	Xã Điện Thọ	1,80	Phường Điện Minh	0,99
8	Xã Điện Phước	0,79	Phường Điện Phương	0,24

- * Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
 - Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 10,91 ha
 - Diện tích hiện trạng năm 2024 là 9,59 ha
 - Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 9,59 ha
 - Diện tích kế hoạch năm 2025 là 9,59 ha; giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024 thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 1,32 ha.
 - Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 9,59 ha				
1	Phường Điện Thắng Bắc	0,80	Phường Điện Phương	8,30
2	Xã Điện Phước	0,49		

- * Đất công trình giao thông

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 1.789,79 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 1.665,73 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 1.647,81 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 13,18 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 3,10 ha
 - + Chuyển sang đất ở tại đô thị 5,35 ha
 - + Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 0,36 ha
 - + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 4,37 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 119,49 ha. Trong đó:
 - + Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 30,75 ha
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 19,56 ha
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 21,67 ha
 - + Đất ở tại nông thôn chuyển sang 14,27 ha
 - + Đất ở tại đô thị chuyển sang 22,91 ha
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang 0,29 ha
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chuyển sang 0,11 ha
 - + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng chuyển sang 0,57 ha
 - + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt chuyển sang 0,03 ha
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 5,95 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 2,34 ha
 - + Đất có mặt nước chưa sử dụng chuyển sang 1,04 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 1.764,24 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 98,51 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 25,55 ha.
- Diện tích đất công trình giao thông phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
	Tổng diện tích đất công trình giao thông: 1.764,24 ha			
1	Phường Vĩnh Điện	42,50	Phường Điện An	107,25
2	Xã Điện Tiến	136,70	Phường Điện Nam Bắc	65,61
3	Xã Điện Hòa	100,86	Phường Điện Nam Trung	90,16
4	Phường Điện Thắng Bắc	29,81	Phường Điện Nam Đông	60,12

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
5	Phường Điện Thắng Trung	32,47	Phường Điện Dương	171,49
6	Phường Điện Thắng Nam	35,21	Xã Điện Quang	89,06
7	Phường Điện Ngọc	212,99	Xã Điện Trung	58,08
8	Xã Điện Hồng	99,84	Xã Điện Phong	51,43
9	Xã Điện Thọ	143,35	Phường Điện Minh	70,13
10	Xã Điện Phước	103,65	Phường Điện Phương	63,53

* Đất công trình thủy lợi

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 163,97 ha

- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 159,89 ha

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 157,04 ha

- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 2,85 ha. Trong đó:

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 1,85 ha

+ Chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,03 ha

+ Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,97 ha

- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 3,4 ha. Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 0,15 ha

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 0,05 ha

+ Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 3,20 ha

- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 160,44 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 0,55 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 3,53 ha.

- Diện tích đất công trình thủy lợi phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất công trình thủy lợi: 160,44 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	0,86	Phường Điện An	5,95
2	Xã Điện Tiến	9,39	Phường Điện Nam Bắc	6,11
3	Xã Điện Hòa	13,05	Phường Điện Nam Trung	4,93
4	Phường Điện Thắng Bắc	4,47	Phường Điện Nam Đông	9,11
5	Phường Điện Thắng Trung	2,69	Phường Điện Dương	2,95
6	Phường Điện Thắng Nam	24,49	Xã Điện Quang	11,34
7	Phường Điện Ngọc	6,39	Xã Điện Trung	9,43
8	Xã Điện Hồng	18,26	Xã Điện Phong	9,46

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
9	Xã Điện Thọ	7,14	Phường Điện Minh	8,25
10	Xã Điện Phước	3,28	Phường Điện Phương	2,89

- * Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên
- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 15,23 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 12,07 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 12,07 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 1,77 ha. Trong đó:
 - + Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 1,13 ha
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 0,22 ha
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 0,22 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 0,20 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 13,84 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 1,77 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 1,39 ha.
- Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
	Tổng diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: 13,84 ha			
1	Phường Vĩnh Điện	0,06	Xã Điện Phước	0,20
2	Xã Điện Tiến	3,15	Phường Điện An	1,56
3	Xã Điện Hòa	0,33	Xã Điện Quang	0,06
4	Phường Điện Thắng Bắc	0,32	Xã Điện Trung	1,44
5	Phường Điện Thắng Trung	0,52	Xã Điện Phong	0,12
6	Phường Điện Thắng Nam	0,10	Phường Điện Minh	0,05
7	Phường Điện Ngọc	3,51	Phường Điện Phương	2,38
8	Xã Điện Hồng	0,04		

- * Đất công trình xử lý chất thải
- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 19,55 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 3,30 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 3,30 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 1,17 ha. Trong đó:
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 1,09 ha
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 0,02 ha

+ Đất ở tại đô thị chuyển sang 0,06 ha

- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 4,47 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 1,17 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 15,08 ha.

- Diện tích đất công trình xử lý chất thải phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất công trình xử lý chất thải: 4,47 ha				
1	Phường Điện Thắng Bắc	0,03	Phường Điện Nam Trung	0,12
2	Phường Điện Thắng Nam	0,03	Phường Điện Nam Đông	0,17
3	Phường Điện Ngọc	2,87	Xã Điện Quang	0,04
4	Xã Điện Hồng	0,15	Xã Điện Trung	0,02
5	Phường Điện An	1,04		

* Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 4,47 ha

- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 4,20 ha

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 3,70 ha

- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 0,5 ha. Trong đó:

+ Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,50 ha

- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 0,47 ha. Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 0,46 ha

+ Đất ở tại nông thôn chuyển sang 0,01 ha

- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 4,17 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 0,03 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 0,30 ha.

- Diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 4,17 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	0,01	Phường Điện An	0,63
2	Xã Điện Tiến	0,34	Phường Điện Nam Bắc	0,06
3	Xã Điện Hòa	0,61	Phường Điện Nam Trung	0,53
4	Phường Điện Thắng Bắc	0,28	Xã Điện Quang	0,54
5	Phường Điện Thắng Trung	0,02	Xã Điện Trung	0,07
6	Phường Điện Thắng Nam	0,05	Xã Điện Phong	0,19

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
7	Phường Điện Ngọc	0,18	Phường Điện Minh	0,08
8	Xã Điện Thọ	0,24	Phường Điện Phương	0,22
9	Xã Điện Phước	0,12		

- * Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin
- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 4,38 ha
 - Diện tích hiện trạng năm 2024 là 0,88 ha
 - Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 0,88 ha
 - Diện tích kế hoạch năm 2025 là 0,88 ha; giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024 thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 3,50 ha.
 - Diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
	Tổng diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: 0,88 ha			
1	Phường Vĩnh Điện	0,19	Xã Điện Phước	0,01
2	Xã Điện Tiến	0,03	Phường Điện Dương	0,15
3	Xã Điện Hòa	0,08	Xã Điện Quang	0,07
4	Phường Điện Thắng Bắc	0,03	Xã Điện Trung	0,03
5	Phường Điện Thắng Trung	0,05	Xã Điện Phong	0,02
6	Phường Điện Ngọc	0,07	Phường Điện Phương	0,02
7	Xã Điện Thọ	0,13		

- * Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối
- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 27,51 ha
 - Diện tích hiện trạng năm 2024 là 12,79 ha
 - Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 12,79 ha
 - Diện tích kế hoạch năm 2025 là 12,79 ha; giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 14,72 ha.
 - Diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
	Tổng diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 12,79 ha			
1	Phường Vĩnh Điện	2,09	Phường Điện Nam Bắc	0,45
2	Xã Điện Tiến	0,07	Phường Điện Nam Trung	0,79

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
3	Xã Điện Hòa	0,16	Phường Điện Nam Đông	0,11
4	Phường Điện Thắng Trung	1,18	Phường Điện Dương	1,35
5	Phường Điện Ngọc	1,95	Xã Điện Quang	0,16
6	Xã Điện Hồng	0,13	Xã Điện Trung	0,07
7	Xã Điện Thọ	1,30	Xã Điện Phong	0,74
8	Xã Điện Phước	0,89	Phường Điện Phương	1,35

- * Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng
- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 209,84 ha
 - Diện tích hiện trạng năm 2024 là 112,15 ha
 - Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 110,28 ha
 - Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 1,19 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,01 ha
 - + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,61 ha
 - + Chuyển sang đất công trình giao thông 0,57 ha
 - Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 45,38 ha. Trong đó:
 - + Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 16,34 ha
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 6,00 ha
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 2,58 ha
 - + Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang 0,04 ha
 - + Đất ở tại đô thị chuyển sang 8,99 ha
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chuyển sang 1,38 ha
 - + Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao chuyển sang 1,00 ha
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang 0,25 ha
 - + Đất công trình giao thông chuyển sang 4,37 ha
 - + Đất công trình thủy lợi chuyển sang 0,97 ha
 - + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng chuyển sang 0,50 ha
 - + Đất tín ngưỡng chuyển sang 0,35 ha
 - + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt chuyển sang 0,02 ha
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 1,73 ha
 - + Đất có mặt nước chưa sử dụng chuyển sang 0,86 ha
 - Diện tích kế hoạch năm 2025 là 156,34 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 44,19 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 53,50 ha.

- Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
	Tổng diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 156,34 ha			
1	Phường Vĩnh Điện	8,09	Phường Điện An	3,40
2	Xã Điện Tiến	3,38	Phường Điện Nam Bắc	23,56
3	Xã Điện Hòa	1,66	Phường Điện Nam Trung	14,35
4	Phường Điện Thắng Bắc	6,68	Phường Điện Nam Đông	7,08
5	Phường Điện Thắng Trung	4,12	Phường Điện Dương	36,58
6	Phường Điện Thắng Nam	1,24	Xã Điện Quang	2,32
7	Phường Điện Ngọc	27,72	Xã Điện Trung	1,74
8	Xã Điện Hồng	1,17	Xã Điện Phong	1,05
9	Xã Điện Thọ	1,03	Phường Điện Minh	2,47
10	Xã Điện Phước	0,61	Phường Điện Phương	8,09

* Đất tôn giáo

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 15,29 ha
 - Diện tích hiện trạng năm 2024 là 11,62 ha
 - Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 11,62 ha
 - Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 0,12 ha. Trong đó:
 + Đất ở tại nông thôn chuyển sang 0,12 ha
 - Diện tích kế hoạch năm 2025 là 11,74 ha; cao hơn so với hiện trạng năm 2024 là 0,12 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 3,55 ha.

- Diện tích đất tôn giáo phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
	Tổng diện tích đất tôn giáo: 11,74 ha			
1	Phường Vĩnh Điện	0,90	Phường Điện An	0,29
2	Xã Điện Tiến	0,77	Phường Điện Nam Bắc	0,26
3	Xã Điện Hòa	0,91	Phường Điện Nam Trung	0,21
4	Phường Điện Thắng Bắc	0,34	Phường Điện Nam Đông	0,39
5	Phường Điện Thắng Trung	0,35	Phường Điện Dương	0,48
6	Phường Điện Thắng Nam	1,30	Xã Điện Quang	0,15
7	Phường Điện Ngọc	0,56	Xã Điện Trung	0,35
8	Xã Điện Hồng	1,47	Xã Điện Phong	0,43

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
9	Xã Điện Thọ	0,73	Phường Điện Minh	0,91
10	Xã Điện Phước	0,14	Phường Điện Phương	0,80

* Đất tín ngưỡng

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 39,58 ha

- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 40,59 ha

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 39,33 ha

- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 1,26 ha. Trong đó:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,03 ha

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,88 ha

+ Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,35 ha

- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 39,33 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 1,26 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 0,25 ha.

- Diện tích đất tín ngưỡng phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất tín ngưỡng: 39,33 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	0,75	Phường Điện An	2,36
2	Xã Điện Tiến	1,29	Phường Điện Nam Bắc	1,23
3	Xã Điện Hòa	2,70	Phường Điện Nam Trung	0,17
4	Phường Điện Thắng Bắc	1,37	Phường Điện Nam Đông	0,68
5	Phường Điện Thắng Trung	0,94	Phường Điện Dương	1,80
6	Phường Điện Thắng Nam	2,33	Xã Điện Quang	4,30
7	Phường Điện Ngọc	2,21	Xã Điện Trung	2,62
8	Xã Điện Hồng	2,33	Xã Điện Phong	4,33
9	Xã Điện Thọ	1,42	Phường Điện Minh	3,95
10	Xã Điện Phước	0,93	Phường Điện Phương	1,62

* Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 795,28 ha

- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 754,03 ha

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 738,34 ha

- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 15,69 ha. Trong đó:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 7,77 ha

- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 5,02 ha
- + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở y tế 0,17 ha
- + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02 ha
- + Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 2,66 ha
- + Chuyển sang đất công trình giao thông 0,03 ha
- + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,02 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 2,11 ha. Trong đó:
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 1,00 ha
 - + Đất bằng chưa sử dụng chuyển sang 1,11 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 740,80 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 13,23 ha; thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 54,48 ha.
- Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
	Tổng diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: 740,80 ha			
1	Phường Vĩnh Điện	0,02	Phường Điện An	7,87
2	Xã Điện Tiến	59,04	Phường Điện Nam Bắc	61,92
3	Xã Điện Hòa	54,06	Phường Điện Nam Trung	28,81
4	Phường Điện Thắng Bắc	27,69	Phường Điện Nam Đông	68,65
5	Phường Điện Thắng Trung	23,75	Phường Điện Dương	161,79
6	Phường Điện Thắng Nam	6,96	Xã Điện Quang	10,15
7	Phường Điện Ngọc	126,51	Xã Điện Trung	8,86
8	Xã Điện Hồng	43,67	Xã Điện Phong	27,58
9	Xã Điện Thọ	9,80	Phường Điện Minh	4,74
10	Xã Điện Phước	7,84	Phường Điện Phương	0,74

*** Đất có mặt nước chuyên dùng**

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 1.354,93 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 1.402,51 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 1.347,94 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 54,57 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 14,48 ha
 - + Chuyển sang đất ở tại đô thị 1,89 ha

- + Chuyển sang đất quốc phòng 0,10 ha
- + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,50 ha
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 18,34 ha
- + Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 3,31 ha
- + Chuyển sang đất công trình giao thông 6,99 ha
- + Chuyển sang đất công trình thủy lợi 3,20 ha
- + Chuyển sang đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 0,22 ha
- + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 2,59 ha
- Diện tích do các loại đất khác chuyển sang là 39,97 ha. Trong đó:
 - + Đất chuyên trồng lúa chuyển sang 34,50 ha
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 2,00 ha
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 0,50 ha
 - + Đất ở tại đô thị chuyển sang 0,02 ha
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá chuyển sang 2,95 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 1.387,91 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 14,60 ha; cao hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 32,98 ha.
- Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích đất có mặt nước chuyên dùng: 1.387,91 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	14,34	Phường Điện An	25,38
2	Xã Điện Tiến	53,41	Phường Điện Nam Bắc	39,36
3	Xã Điện Hòa	69,70	Phường Điện Nam Trung	17,77
4	Phường Điện Thắng Bắc	9,23	Phường Điện Nam Đông	30,23
5	Phường Điện Thắng Trung	4,82	Phường Điện Dương	96,13
6	Phường Điện Thắng Nam	8,11	Xã Điện Quang	221,74
7	Phường Điện Ngọc	99,68	Xã Điện Trung	110,09
8	Xã Điện Hồng	75,86	Xã Điện Phong	180,75
9	Xã Điện Thọ	82,66	Phường Điện Minh	22,92
10	Xã Điện Phước	91,44	Phường Điện Phương	134,29

* Đất phi nông nghiệp khác

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 3,01 ha

- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 0,01 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 0,01 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 0,01 ha; giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024 thấp hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 3,00 ha.
- Diện tích đất phi nông nghiệp khác phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch như sau: Phường Điện Thắng Bắc, diện tích 0,01 ha.

3.3.3. Đất chưa sử dụng

- Diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 502,84 ha
- Diện tích hiện trạng năm 2024 là 905,08 ha
- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 835,15 ha
- Diện tích chuyển sang các loại đất khác là 69,93 ha. Trong đó:
 - + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 24,64 ha
 - + Chuyển sang đất ở tại đô thị 8,00 ha
 - + Chuyển sang đất an ninh 0,01 ha
 - + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,56 ha
 - + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở y tế 0,09 ha
 - + Chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,13 ha
 - + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 10,63 ha
 - + Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 22,22 ha
 - + Chuyển sang đất công trình giao thông 2,34 ha
 - + Chuyển sang đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 0,20 ha
 - + Chuyển sang đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 1,11 ha
- Diện tích kế hoạch năm 2025 là 835,15 ha; thấp hơn so với hiện trạng năm 2024 là 69,93 ha; cao hơn diện tích cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch đã phê duyệt là 332,31 ha.
- Diện tích đất bằng chưa sử dụng phân bổ cho từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
Tổng diện tích nhóm đất chưa sử dụng: 835,15 ha				
1	Phường Vĩnh Điện	1,16	Phường Điện An	4,01
2	Xã Điện Tiến	51,66	Phường Điện Nam Bắc	19,16
3	Xã Điện Hòa	16,65	Phường Điện Nam Trung	30,83
4	Phường Điện Thắng Bắc	1,53	Phường Điện Nam Đông	90,30
5	Phường Điện Thắng Trung	1,07	Phường Điện Dương	11,05

Đơn vị tính: ha

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích	ĐVHC cấp xã	Diện tích
6	Phường Điện Thắng Nam	5,00	Xã Điện Quang	244,39
7	Phường Điện Ngọc	46,72	Xã Điện Trung	47,42
8	Xã Điện Hồng	17,56	Xã Điện Phong	71,42
9	Xã Điện Thọ	85,85	Phường Điện Minh	13,69
10	Xã Điện Phước	6,61	Phường Điện Phương	69,07

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm kế hoạch

Bảng 3.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2025

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích chuyển mục đích theo quy hoạch 2030 được duyệt	Diện tích chuyển mục đích đã thực hiện giai đoạn 2021-2024	Diện tích chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Diện tích chuyển mục đích còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)-(5)-(6)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.002,56	56,02	363,44	583,10
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	459,86	10,93	190,07	258,86
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC/PNN	459,86	10,93	190,07	258,86
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK/PNN				
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	313,94	22,61	95,76	195,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	186,19	16,79	76,10	93,30
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN		0,55		-0,55
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	30,13	0,06		30,07
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN			1,51	-1,51
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	12,44	5,08	1,51	5,85
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN				
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN				
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN				
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		3,81			3,81
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP				
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP				

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích chuyển mục đích theo quy hoạch 2030 được duyệt	Diện tích chuyển mục đích đã thực hiện giai đoạn 2021-2024	Diện tích chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Diện tích chuyển mục đích còn lại
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	3,81			3,81
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP				
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn					
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		315,35	4,74	50,85	259,76
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật này	MHT/PNC				
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	315,35	4,74	50,85	259,76
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK				
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK				
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD				

(Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã xem chi tiết biểu 20/CH phần DANH MỤC BIỂU)

Tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 363,44 ha. Cụ thể như sau:

* Đất chuyên lúa nước chuyển sang phi nông nghiệp: 190,07 ha. Trong đó:

- Diện tích đất lúa được thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh là 190,07 ha; gồm:
- + Đã thông qua tại các nghị quyết của HĐND tỉnh các năm 2023, 2024 là 117,16 ha.

- + Đã thông qua tại nghị quyết số 62/NQ-HĐND của HĐND tỉnh cho năm 2025 là 72,91 ha.

Bảng 3.6. Danh mục chuyển mục đích đất lúa năm 2025

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Trong đó: LUC	Nghị quyết HĐND tỉnh	Ghi chú
	Tổng		553,08	190,07		
A	Danh mục đã thông qua tại nghị quyết số 62/NQ-HĐND của HĐND tỉnh cho năm 2025		200,67	72,91		
1	Bia ghi dấu địa điểm thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của thị xã Điện Bàn	Xã Điện Phước	0,20	0,18	NQ62_2025	ĐK mới
2	Cầu Kiên và đường dẫn hai đầu cầu	Xã Điện Hòa	0,55	0,20	NQ62_2025	ĐK mới
3	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn sông Cổ Cò tại phường Điện Dương	Pường Điện Dương	9,00	5,00	NQ62_2025	chuyển tiếp
4	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm ngập mặn sông Cổ Cò (KM 9+500 – 14+00) (phần diện tích ngoài vệt thu hồi)	Pường Điện Dương	13,70	9,40	NQ62_2025	ĐK mới
5	Nạo vét khơi thông sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14+ 000 đến Km 18 + 900	Pường Điện Dương; Phường Điện Ngọc	80,67	10,18	NQ62_2025	chuyển tiếp
6	Dự án thành phần HA/W1: Xây dựng hồ chứa nước Lai Nghi và hồ Pháp Bảo thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Pường Điện Nam Đông; Phường Điện Phương	25,56	6,40	NQ62_2025	ĐK mới
7	Nạo vét sông Cổ Cò tại phân đoạn Km 14 + 000 đến Km 16 + 000 (giai đoạn 1)	Pường Điện Ngọc	8,17	3,52	NQ62_2025	chuyển tiếp
8	Khu đô thị QNK I	Pường Điện Dương; Phường Điện Ngọc	11,32	6,39	NQ62_2025	chuyển tiếp
9	Khu đô thị HERA COMPLEX RIVERSIDE	Pường Điện Ngọc	18,26	9,43	NQ62_2025	ĐK mới
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH01 (Đoạn từ QL 1A đến giáp ĐH5)	Xã Điện Hòa; Phường Điện Thắng Bắc; Phường Điện Thắng Trung	4,40	0,50	NQ62_2025	ĐK mới
11	Khu di tích lịch sử cấp quốc gia Giếng Nhà Nhì phường Điện Ngọc, hạng mục đền bù GPMB và xây dựng tường rào bao quanh	Pường Điện Ngọc	1,00	0,80	NQ62_BS2025	chuyển tiếp
12	Trường mẫu giáo Điện Minh (Điểm Trung Phú 2)	Pường Điện Minh	0,19	0,18	NQ62_BS2025	chuyển tiếp
13	Cầu và đường dân sinh nối giữa thôn Đông Hồ xã Điện Hòa với khối phố Phong Nhất phường Điện An (tuyến đường đi qua Nhà bia tưởng niệm các liệt sỹ Văn phòng Huyện ủy Điện Bàn hy sinh trong thời kháng chiến chống Mỹ)	Pường Điện An; Xã Điện Hòa	0,51	0,40	NQ62_BS2025	chuyển tiếp
14	Mở rộng đường giao thông nội bộ tại các khối phố	Pường Điện Nam Trung	0,05	0,03	NQ62_BS2025	chuyển tiếp
15	Dự án Cầu Văn Ly và đường dẫn	Xã Điện Hồng; Xã Điện Quang	12,20	7,26	NQ62_BS2025	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Trong đó: LUC	Nghị quyết HĐND tỉnh	Ghi chú
16	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH1 đến cổng chui đường cao tốc (mở rộng thêm 5m)	Xã Điện Thọ	0,14	0,12	NQ62_BS2025	chuyển tiếp
17	Nhà máy nước Gò Nổi	Xã Điện Trung	0,20	0,15	NQ62_BS2025	chuyển tiếp
18	Khu thể thao thôn Tân Mỹ	Phường Điện Minh	0,60	0,60	NQ62_BS2025	chuyển tiếp
19	Khu dân cư Nam Điện An giai đoạn 2	Phường Điện An	7,40	7,10	NQ62_BS2025	chuyển tiếp
20	Khu dân cư mới Thanh An, thôn Thanh An	Xã Điện Hồng	4,80	4,80	NQ62_BS2025	chuyển tiếp
21	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại thôn Nhị Đình 3, xã Điện Phước để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Xã Điện Phước	1,75	0,27	NQ62_BS2025	chuyển tiếp
B	Danh mục đã thông qua tại các nghị quyết của HĐND tỉnh cho các năm 2023, 2024		352,41	117,16		
22	Trụ sở làm việc Công an xã Điện Hồng	Xã Điện Hồng	0,17	0,17	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
23	Hệ thống lưới, chống quá tải lưới điện hạ thế và TBA khu vực Điện lực Điện Bàn năm 2023	Phường Điện An; Điện Hòa; Điện Minh; Điện Ngọc; Điện Nam Bắc; Điện Nam Đông; Điện Phong; Điện Phước; Điện Thắng Bắc; Điện Thắng Nam; Điện Thắng Trung; Điện Thọ; Điện Tiến; Vĩnh Điện	0,06	0,01	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
24	Hoàn thiện lưới điện trung hạ thế khu vực ĐL Điện Bàn năm 2024	Phường Điện An; Điện Hòa; Điện Phước; Điện Thắng Trung; Điện Thắng Nam; Điện Ngọc; Điện Thắng Bắc; Điện Nam Bắc	0,05	0,02	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
25	Chống quá tải lưới điện khu vực ĐL Điện Bàn năm 2024	Phường Điện An; Vĩnh Điện; Điện Ngọc; Điện Minh; Điện Nam Bắc; Điện Thắng Trung; Điện Thắng Bắc; Điện Tiến; Điện Phương; Điện Nam Trung	0,04	0,01	NQ24_BS2024	chuyển tiếp

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Trong đó: LUC	Nghị quyết HĐND tỉnh	Ghi chú
26	Hoàn thiện lưới điện tiếp nhận HTX Điện Phương năm 2023	Phường Điện Phương	0,04	0,01	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
27	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam (năm 2021)	Xã Điện Hòa; Phường Điện Nam Bắc; Phường Điện Ngọc	0,11	0,06	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
28	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam năm 2022 (năm 2022)	Xã Điện Hòa; Xã Điện Phước; Xã Điện Quang; Xã Điện Thọ	0,18	0,04	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
29	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực thị xã Điện Bàn năm 2023	Xã Điện Hòa; Xã Điện Phước; Xã Điện Thọ và KCN Điện Nam - Điện Ngọc	0,02	0,01	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
30	Xử lý điểm mất an toàn các ĐZ 110kV phía Bắc Quảng Nam năm 2023 (năm 2023)	Xã Điện Hòa; Xã Điện Phước; Xã Điện Thọ; Xã Điện Trung	0,08	0,07	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
31	Xử lý điểm mất an toàn đường dây 110kV khu vực Quảng Nam năm 2024 (năm 2024)	Xã Điện Thọ; Xã Điện Trung	0,03	0,01	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
32	Khu dân cư đô thị Điện Minh (giai đoạn 1)	Phường Điện Minh	7,68	1,39	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
33	Khu dân cư Bình Long, xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn	Xã Điện Phước	6,70	6,38	NQ24_BS2024	chuyển tiếp
34	Trụ sở công an phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Trung	0,23	0,23	NQ54_2024	chuyển tiếp
35	Đường và cầu ĐH7 qua sông Vĩnh Điện	Phường Điện Ngọc; Phường Điện Thắng Bắc	1,00	1,00	NQ54_2024	chuyển tiếp
36	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam	Xã Điện Hòa; Xã Điện Tiến	17,00	5,40	NQ54_2024	chuyển tiếp
37	Cải tạo lưới điện trung áp khu vực Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn	Phường Điện Minh; Xã Điện Phong	0,02	0,01	NQ54_2024	chuyển tiếp
38	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Câu Nhi, phường Điện An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Phường Điện An	0,23	0,23	NQ54_2024	chuyển tiếp
39	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Ngọc Liên, phường Điện An để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Phường Điện An	1,31	1,08	NQ54_2024	chuyển tiếp
40	Khu dân cư đô thị số 3, phường Điện An	Phường Điện An	5,01	3,24	NQ54_2024	chuyển tiếp
41	Khu dân cư Đồng Hạnh, xã Điện Minh	Phường Điện Minh; Phường Vĩnh Điện	3,59	3,44	NQ54_2024	chuyển tiếp
42	Khu đô thị Điện Thắng Nam giai đoạn 1	Phường Điện Thắng Nam;	9,45	1,79	NQ54_2024	chuyển tiếp

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Trong đó: LUC	Nghị quyết HĐND tỉnh	Ghi chú
		Phường Điện Thắng Trung				
43	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 1 đến khu 4) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Phường Vĩnh Điện	0,20	0,20	NQ54_2024	chuyển tiếp
44	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 5 đến khu 7) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Phường Vĩnh Điện	0,29	0,28	NQ54_2024	chuyển tiếp
45	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố 5 (từ khu 9 đến khu 12) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chính trang đô thị	Phường Vĩnh Điện	0,27	0,23	NQ54_2024	chuyển tiếp
46	Khu dân cư trung tâm hành chính xã Điện Phước	Xã Điện Phước	13,78	7,88	NQ54_2024	chuyển tiếp
47	Trụ sở công an phường Điện Minh	Phường Điện Minh	0,20	0,13	NQ15_BS2023	chuyển tiếp
48	Mở rộng Đình Viêm Tây	Phường Điện Thắng Bắc	0,32	0,10	NQ67_2023	chuyển tiếp
49	Mở rộng Di tích Lò Gạch	Xã Điện Trung	0,05	0,05	NQ67_2023	chuyển tiếp
50	Trường THCS Lê Trí Viễn	Phường Điện Thắng Bắc	0,67	0,10	NQ67_2023	chuyển tiếp
51	Mở rộng trường Nguyễn Khuyến	Phường Điện Thắng Bắc; Phường Điện Thắng Trung	0,42	0,40	NQ67_2023	chuyển tiếp
52	Đường trục chính đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc (Đoạn 04 Km còn lại)	Phường Điện Dương; Phường Điện Nam Bắc; Phường Điện Nam Trung; Phường Điện Ngọc	33,30	0,50	NQ67_2023	chuyển tiếp
53	Đường giao thông từ ĐT608 đến cụm công nghiệp An Lưu và cầu Bến Bồng	Phường Điện Nam Đông	4,29	4,29	NQ67_2023	chuyển tiếp
54	Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị tại các xã phường	Phường Điện Phương; Phường Điện Thắng Bắc; Phường Điện Thắng Nam; Phường Điện Thắng Trung	2,70	0,89	NQ67_2023	chuyển tiếp
55	Đường ĐH15	Phường Điện Thắng Trung	2,36	0,77	NQ67_2023	chuyển tiếp
56	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương và cải tạo hồ sen	Phường Vĩnh Điện	4,50	0,60	NQ67_2023	chuyển tiếp
57	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Sư Vạn Hạnh	Phường Vĩnh Điện	0,45	0,11	NQ67_2023	chuyển tiếp
58	Đường vào lò giết mổ gia súc, gia cầm tại xã Điện Thọ	Xã Điện Thọ	0,40	0,20	NQ67_2023	chuyển tiếp

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Trong đó: LUC	Nghị quyết HĐND tỉnh	Ghi chú
59	Quảng trường công viên Phía Tây Điện Bàn (Gần cầu ĐH14, thuộc xã Điện Minh)	Phường Điện Minh	10,00	4,00	NQ67_2023	chuyển tiếp
60	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam	Phường Điện Dương; Xã Điện Hòa; Xã Điện Phước; Xã Điện Thọ	0,25	0,14	NQ67_2023	chuyển tiếp
61	Đường dây 110 KV Duy Xuyên - Hội An	Phường Điện Nam Đông; Phường Điện Phương	0,15	0,07	NQ67_2023	chuyển tiếp
62	Cải tạo, xây dựng nghĩa trang nhân dân Gò Bướm	Xã Điện Phước	0,35	0,35	NQ67_2023	chuyển tiếp
63	Khu dân cư khối phố Phong Nhị	Phường Điện An	4,96	4,25	NQ67_2023	chuyển tiếp
64	Khu đô thị Nghĩa Tự	Phường Điện Dương	2,09	0,05	NQ67_2023	chuyển tiếp
65	Khu đô thị Phúc Viên	Phường Điện Dương	14,76	2,24	NQ67_2023	chuyển tiếp
66	Khu đô thị R.O.S.E ĐÔ	Phường Điện Dương	23,13	1,93	NQ67_2023	chuyển tiếp
67	Khu đô thị Đại Dương Xanh	Phường Điện Dương	3,87	1,24	NQ67_2023	chuyển tiếp
68	Khu đô thị CoCo Riverside	Phường Điện Dương	8,17	3,60	NQ67_2023	chuyển tiếp
69	Khu đô thị Ven sông Dương Hội	Phường Điện Dương	3,33	1,35	NQ67_2023	chuyển tiếp
70	Khu đô thị Phúc Hợp Hà My	Phường Điện Dương	1,84	0,70	NQ67_2023	chuyển tiếp
71	Khu đô thị An Bình Riverside	Phường Điện Dương	1,86	0,52	NQ67_2023	chuyển tiếp
72	Khu dân cư Đô Thị Hà Quảng	Phường Điện Dương	13,18	0,33	NQ67_2023	chuyển tiếp
73	Khu dân cư nông thôn mới thôn Bồng Lai giai đoạn 2	Phường Điện Minh	0,94	0,84	NQ67_2023	ĐK mới
74	Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 2	Phường Điện Nam Đông	18,46	0,90	NQ67_2023	chuyển tiếp
75	Khu đô thị Ngân Cầu	Phường Điện Ngọc	32,72	5,91	NQ67_2023	chuyển tiếp
76	Khu đô thị Kiểu Mẫu	Phường Điện Ngọc	4,35	2,13	NQ67_2023	chuyển tiếp
77	Thu hồi đất ngoài ranh giới Khu đô thị Ngân Cầu để bố trí mương thoát nước và taluy đắp đất san nền	Phường Điện Ngọc	0,83	0,21	NQ67_2023	chuyển tiếp
78	Đầu tư Khu dân cư chính trang đô thị tại khu Cồn Dài, khối phố Triêm Nam, phường Điện Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị.	Phường Điện Phương	2,13	0,35	NQ67_2023	chuyển tiếp
79	Đầu tư Khu dân cư chính trang đô thị tại khối phố Triêm Đông 2, phường Điện	Phường Điện Phương	9,80	7,00	NQ67_2023	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Trong đó: LUC	Nghị quyết HĐND tỉnh	Ghi chú
	Phương để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị					
80	Khu dân cư nông thôn tại thôn Thanh Quýt 4, xã Điện Thắng Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Phường Điện Thắng Trung	2,00	1,75	NQ67_2023	chuyển tiếp
81	Khu dân cư Phúc Thành	Phường Điện Thắng Trung	8,50	3,46	NQ67_2023	chuyển tiếp
82	Tạo lập, phát triển, khai thác quỹ đất tại khối 2, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	Phường Vĩnh Điện	2,20	1,10	NQ67_2023	chuyển tiếp
83	Khu dân cư thương mại ẩm thực Giáp Ba	Phường Vĩnh Điện	4,05	2,70	NQ67_2023	chuyển tiếp
84	Khu dân cư phục vụ công tác GPMB đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam trên địa bàn xã Điện Hòa	Xã Điện Hòa	4,70	4,20	NQ67_2023	chuyển tiếp
85	Khu dân cư mới Quang Phường	Xã Điện Hòa	9,80	5,58	NQ67_2023	chuyển tiếp
86	Khu dân cư mới Phong Thử	Xã Điện Thọ	4,42	4,42	NQ67_2023	chuyển tiếp
87	Khu dân cư phục vụ công tác GPMB đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam trên địa bàn xã Điện Tiến	Xã Điện Tiến	4,90	4,40	NQ67_2023	chuyển tiếp
88	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt I	Phường Điện Thắng Nam; Phường Điện Thắng Trung	21,64	1,50	NQ67_2023	chuyển tiếp
89	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt II	Xã Điện Hòa	5,92	4,34	NQ67_2023	chuyển tiếp
90	Mở rộng Trung tâm Dịch vụ Vận tải - Trạm kinh doanh xăng dầu và gas của Công ty TNHH MTV Hoàng Thạnh	Phường Điện An	0,49	0,49	NQ67_2023	chuyển tiếp
91	Khu du lịch, dịch vụ lưu trú nghỉ dưỡng Venus - Điện Hòa	Xã Điện Hòa	9,42	3,78	NQ67_2023	chuyển tiếp

* Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp là 95,76 ha

* Đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp là 76,10 ha

* Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang phi nông nghiệp là 1,51 ha

* Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 50,85 ha.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đăng ký thực hiện công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa phù hợp với định hướng phát triển, năng lực đầu tư công và năng lực nhà đầu tư. Tất cả các chỉ tiêu nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp đều phù hợp với chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ theo quy hoạch được duyệt.

3.5. Diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch

Cụ thể, kế hoạch thu hồi đất năm 2025 như sau:

Bảng 3.7. Diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch 2025

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
	TỔNG CỘNG		828,91
1	Đất nông nghiệp	NNP	393,30
1.1	Đất trồng lúa	LUA	194,14
-	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>	<i>194,14</i>
-	<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	<i>LUK</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	118,14
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	76,69
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,29
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4,04
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	
1.9	Đất làm muối	LMU	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	387,42
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	54,68
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	229,06
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,29
2.4	Đất quốc phòng	CQP	
2.5	Đất an ninh	CAN	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	5,24
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở xã hội</i>	<i>DXH</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,15</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>3,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>2,09</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở môi trường</i>	<i>DMT</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn</i>	<i>DKT</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở ngoại giao</i>	<i>DNG</i>	
-	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	<i>DSK</i>	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,78
-	<i>Đất khu công nghiệp</i>	<i>SKK</i>	
-	<i>Đất cụm công nghiệp</i>	<i>SKN</i>	
-	<i>Đất khu công nghệ thông tin tập trung</i>	<i>SCT</i>	

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,78
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	31,74
-	Đất công trình giao thông	DGT	26,32
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	3,05
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,50
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,87
2.9	Đất tôn giáo	TON	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,75
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	13,28
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	51,60
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	35,00
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	16,60
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	48,19
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	48,19
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	

(Diện tích các loại đất cần thu hồi phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã xem chi tiết biểu 19/CH phần DANH MỤC BIỂU)

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2025 thị xã Điện Bàn là 828,91 ha để thực hiện 229 công trình dự án thu hồi đất. Cụ thể như sau:

a. Thu hồi đất phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh theo quy định tại Điều 78 Luật đất đai: 10 dự án, tổng diện tích 1,56 ha.

b. Thu hồi đất theo quy định tại Khoản 4 Điều 67 Luật đất đai: 01 dự án, tổng diện tích 0,96 ha

c. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh theo quy định tại Điều 79 Luật đất đai: Đã Thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND tỉnh ngày 6/12/2024: 218 dự án, tổng diện tích 826,39 ha (Tổng diện tích theo danh mục thu hồi đất là 1.137,25 ha, sau khi trừ phần diện tích không thu hồi của các dự án như: diện tích mặt đường hiện trạng của các dự án giao thông, diện tích mặt sông hiện trạng của các dự án Nạo vét sông Cổ Cò,.... thì diện tích thực tế đất thu hồi là 826,39 ha).

*** Lưu ý:**

Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Nam thông qua cho thị xã Điện Bàn 233 danh mục thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật đất đai với tổng diện tích 1.174,17 ha. Danh mục thu hồi đất của thị xã Điện Bàn năm 2025 đối với trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật đất đai là 218 danh mục (thấp hơn Nghị quyết 15 danh mục) với tổng diện tích 1.137,25 ha (thấp hơn Nghị quyết 36,92 ha). Nguyên nhân:

Đơn vị tính: ha

TT	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 6/12/2024			Kế hoạch thu hồi đất của thị xã	Chênh lệch	Nguyên nhân
	Thứ tự tại Nghị quyết	Tên danh mục	Diện tích			
		Tổng	88,54	51,62	36,92	
I. Danh mục loại bỏ (15 danh mục)						
1	6	Nâng cấp mở rộng tượng đài chiến thắng Bồ Bồ	2,16		2,16	Loại bỏ do HĐND thị xã có nghị quyết dừng
2	11	Tuyến đường từ Công ty may Huy Hoàng đến nhà ông Lê Viết Thu	0,03		0,03	Loại bỏ do đã thực hiện xong
3	12	Tuyến đường từ ĐT 609 cũ đến Bờ Kè Thanh Toa	0,02		0,02	Loại bỏ do đã thực hiện xong
4	14	Đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, hoàn trả đoạn Km0-Km1+700 đường ĐT.609 (cũ)	2,10		2,10	Loại bỏ do đã thực hiện xong
5	53	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Cao Vân (Đoạn từ Mẹ Thứ đến Cao Thắng)	0,42		0,42	Loại bỏ do đã thực hiện xong
6	61	Trung tâm thể dục thể thao Bắc Quảng Nam (Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi nằm ngoài vạch GPMB)	0,38		0,38	Không đăng ký danh mục thu hồi đất vì đã thực xong công tác thu hồi đất, năm 2025 đăng

Đơn vị tính: ha

TT	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 6/12/2024			Kế hoạch thu hồi đất của thị xã	Chênh lệch	Nguyên nhân
	Thứ tự tại Nghị quyết	Tên danh mục	Diện tích			
						ký đề đề nghị giao đất
7	62	Nhà lưu niệm Chí sĩ Trần Quý Cáp	0,35		0,35	Loại bỏ do đã thực hiện xong
8	74	Các khu TĐC cầu Nghĩa Tự phường Điện Dương	0,18		0,18	Không đăng ký danh mục thu hồi đất vì đã thực xong công tác thu hồi đất, năm 2025 đăng ký đề đề nghị giao đất
9	77	Bồi thường, hỗ trợ và GPMB để di dời các hộ dân tại các khu vực bờ sông Lai Nghi, phần còn lại sau khi thu hồi của 02 dự án thành phần Nạo vét hồ Lai Nghi (HA/W1) và Nâng cấp cải tạo tuyến đường ĐT 608 (HA/W4) thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An	0,75		0,75	Loại bỏ do HĐND thị xã có nghị quyết dừng
10	80	Khu tái định cư phục vụ dự án cầu Cẩm Kim	0,03		0,03	Loại bỏ do đã thực hiện xong
11	88	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại thôn Đa Hòa Bắc (Khu 2) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	0,34		0,34	Nghị quyết có, BCTM có nhưng tại mục Giao đất vì đã thực xong thu hồi đất
12	89	Đầu tư khu dân cư chính trang đô thị tại thôn Đa Hòa Bắc (Khu 1) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	0,34		0,34	Không đăng ký danh mục thu hồi đất vì đã thực xong công tác thu hồi đất, năm 2025 đăng ký đề đề nghị giao đất

Đơn vị tính: ha

TT	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 6/12/2024			Kế hoạch thu hồi đất của thị xã	Chênh lệch	Nguyên nhân
	Thứ tự tại Nghị quyết	Tên danh mục	Diện tích			
13	90	Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu Rộc Mèo, thôn Cẩm Văn Tây, xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	0,28		0,28	Không đăng ký danh mục thu hồi đất vì đã thực xong công tác thu hồi đất, năm 2025 đăng ký đề nghị giao đất
14	113	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu ông Điện)	0,30		0,30	Loại bỏ do đã thực hiện xong
15	133	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH01 (Đoạn từ QL 1A đến giáp ĐH5)	4,40		4,40	Nghị quyết trùng 2 lần danh mục này (trùng với danh mục thứ tự 19 của nghị quyết, 2 danh mục này có thông tin hoàn toàn giống nhau, nên bỏ danh mục này, giữ lại danh mục thứ tự 19 của nghị quyết)
II. Danh mục giảm diện tích so với Nghị quyết phê duyệt (7 danh mục)						
16	2	Cụm công nghiệp Trảng Nhặt II	9,60	5,92	3,68	Đã thực hiện xong một phần, đăng ký phần còn lại
17	13	Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi giai đoạn 2	23,47	18,46	5,01	Đã thực hiện xong một phần, đăng ký phần còn lại
18	28	Công trình Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 608, đoạn từ Km1+494,57 đến Km4+754,01 thuộc dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	7,71	0,05	7,66	Đã thực hiện xong một phần, đăng ký phần còn lại
19	38	Hệ thống giao thông, thủy lợi và công trình phục vụ dự án phát triển vùng sản xuất giống lúa lai	8,96	2,70	6,26	Đã thực hiện xong một phần,

Đơn vị tính: ha

TT	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 6/12/2024			Kế hoạch thu hồi đất của thị xã	Chênh lệch	Nguyên nhân
	Thứ tự tại Nghị quyết	Tên danh mục	Diện tích			
						đăng ký phần còn lại
20	39	Nâng cấp, mở rộng giao thông nông thôn, đô thị tại Điện Phương	0,60	0,30	0,30	Đã thực hiện xong một phần, đăng ký phần còn lại
21	112	Nạo vét, thoát lũ khẩn cấp và chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An (Cầu Nghĩa Tự)	2,00	1,50	0,50	Đã thực hiện xong một phần, đăng ký phần còn lại
22	106	Cụm công nghiệp An Lưu	19,72	18,29	1,43	Loại bỏ do đã thực hiện xong
III. Danh mục trùng 2 lần (giữ lại danh mục thứ tự 19 này, loại bỏ danh mục thứ 133 của nghị quyết)						
23	19	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐH01 (Đoạn từ QL 1A đến giáp ĐH5)	4,40	4,40		Nghị quyết trùng 2 lần; giữ lại danh mục này, loại bỏ danh mục thứ 133 của nghị quyết

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch 2025 của thị xã Điện Bàn như sau:

Bảng 3.8. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng 2025

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích chuyển mục đích theo quy hoạch 2030 được duyệt	Diện tích chuyển mục đích đã thực hiện giai đoạn 2021-2024	Diện tích chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Diện tích đất chưa sử dụng còn lại được phép khai thác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)-(5)-(6)
	Tổng cộng		435,46	44,38	69,93	321,15
1	Đất nông nghiệp	NNP	21,66			21,66
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC				
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4,66			4,66

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích chuyển mục đích theo quy hoạch 2030 được duyệt	Diện tích chuyển mục đích đã thực hiện giai đoạn 2021-2024	Diện tích chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Diện tích đất chưa sử dụng còn lại được phép khai thác
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT				
1.9	Đất làm muối	LMU				
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	17,00			17,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	413,80	44,38	69,93	299,49
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	88,08	19,85	24,64	43,59
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	21,69	8,04	8,00	5,65
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,09			0,09
2.4	Đất quốc phòng	CQP	33,94	3,96		29,98
2.5	Đất an ninh	CAN	1,92		0,01	1,91
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	39,56	1,20	0,78	37,58
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>1,74</i>		<i>0,56</i>	<i>1,18</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở xã hội</i>	<i>DXH</i>				
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,23</i>		<i>0,09</i>	<i>0,14</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>35,11</i>	<i>1,20</i>	<i>0,13</i>	<i>33,78</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>2,48</i>			<i>2,48</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>				
-	<i>Đất xây dựng cơ sở môi trường</i>	<i>DMT</i>				
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn</i>	<i>DKT</i>				
-	<i>Đất xây dựng cơ sở ngoại giao</i>	<i>DNG</i>				
-	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	<i>DSK</i>				
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	89,00	4,80	32,85	51,35
-	<i>Đất khu công nghiệp</i>	<i>SKK</i>	<i>17,98</i>			<i>17,98</i>
-	<i>Đất cụm công nghiệp</i>	<i>SKN</i>	<i>25,65</i>	<i>4,67</i>	<i>10,63</i>	<i>10,35</i>
-	<i>Đất khu công nghệ thông tin tập trung</i>	<i>SCT</i>				
-	<i>Đất thương mại, dịch vụ</i>	<i>TMD</i>	<i>38,60</i>	<i>0,13</i>	<i>22,22</i>	<i>16,25</i>
-	<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	<i>SKC</i>	<i>5,74</i>			<i>5,74</i>
-	<i>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</i>	<i>SKS</i>	<i>1,03</i>			<i>1,03</i>

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích chuyển mục đích theo quy hoạch 2030 được duyệt	Diện tích chuyển mục đích đã thực hiện giai đoạn 2021-2024	Diện tích chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Diện tích đất chưa sử dụng còn lại được phép khai thác
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	115,24	2,83	2,54	109,87
-	Đất công trình giao thông	DGT	86,05	2,81	2,34	80,90
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	0,36			0,36
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT				
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,82		0,20	0,62
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,51	0,02		5,49
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,03			0,03
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	3,41			3,41
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	4,78			4,78
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	14,28			14,28
2.9	Đất tôn giáo	TON	1,01			1,01
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,26			0,26
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	10,78	3,70	1,11	5,97
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	9,23			9,23
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC				
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	9,23			9,23
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,00			3,00

(Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã xem chi tiết tại Biểu 17/CH phần DANH MỤC BIỂU)

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch sử dụng đất 2025 xem chi tiết tại biểu 25/CH phần DANH MỤC BIỂU.

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

Việc tính toán chi phí bồi thường của các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất chỉ tính toán về bồi thường đất và hỗ trợ về đất; các chi phí về bồi thường tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình khác, mồ mả, cây cối, hoa

màu,... chưa được tính toán; việc tính toán các chi phí này sẽ được tính toán chi tiết khi triển khai lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của chủ đầu tư dự án.

Việc tính toán các khoản thu từ bán quyền sử dụng đất ở sẽ kéo dài nhiều năm mới có được số tiền dự toán, tiền cho thuê đất sẽ thu hàng năm sau khi hết thời hạn ưu đãi. Nhưng chi phí bồi thường đất phải có bố trí trong năm 2023 và dự toán thu chi chỉ mang tính khái toán, có độ chính xác không cao nhưng có đủ cơ sở để các chủ đầu tư xác định được nguồn vốn phải cần có để thực hiện bồi thường, thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất.

Bảng 3.9. Dự kiến thu chi ngân sách kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Hạng mục công trình	Đơn giá (tỷ/ha)	Diện tích (ha)	Thành tiền (tỷ đồng)
A	CÁC KHOẢN THU TỪ ĐẤT			545,15
I	I. THU TIỀN GIAO ĐẤT			542,04
1	Đất ở nông thôn	6	9,32	55,92
2	Đất ở đô thị	12	40,51	486,12
II	THU TIỀN CHO THUÊ ĐẤT (trả tiền hàng năm)			0,61
1	Thu tiền thuê đất các công trình đất cụm công nghiệp	0,003	108,95	0,33
2	Thu tiền thuê đất các công trình đất thương mại dịch vụ	0,004	70,39	0,28
3	Thu tiền thuê đất các công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,011	0,10	0,00
4	Thu tiền thuê đất sản xuất vật liệu xây dựng	0,004	0,10	0,00
III	THU TIỀN TỪ CMBĐ SỬ DỤNG ĐẤT			2,50
1	Thu tiền từ CMBĐ sang đất ở	0,5	5,00	2,50
B	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG; HỖ TRỢ			465,54
1	Đất trồng lúa (hỗ trợ 3 lần)	0,48	225,37	108,18
2	Đất trồng cây hàng năm khác (hỗ trợ 3 lần)	0,45	96,20	43,29
3	Đất trồng cây lâu năm (hỗ trợ 2 lần)	0,5	129,25	64,63
4	Đất rừng sản xuất (hỗ trợ 1,5 lần)	0,45		0,00
5	Đất nuôi trồng thủy sản (hỗ trợ 1,5 lần)	0,5	8,33	4,17
6	Đất ở tại nông thôn	6	13,04	78,24
7	Đất ở tại đô thị	12	13,92	167,04
C	CÂN ĐỐI THU - CHI			79,61

Cân đối thi chi:

Tổng thu: 545,15 tỷ đồng

Tổng chi: 465,54 tỷ đồng

Cân đối: 79,61 tỷ đồng.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

Phối hợp với các cơ quan, ban ngành tăng cường các biện pháp bảo vệ đất có rừng phòng hộ; quản lý chặt chẽ, thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng, đất rừng phòng hộ sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Khuyến khích áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai trong sử dụng đất nông nghiệp; đầu tư cải tạo, bồi bổ đất. Tích cực khai thác đất chưa sử dụng có kế hoạch khai hoang, phục hoá để tăng quỹ đất sản xuất nông nghiệp và tạo thêm mặt bằng xây dựng hạ tầng; phát huy tối đa khả năng đất trống đồi núi trọc vào trồng rừng làm tăng độ che phủ cho đất; đẩy mạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng phòng hộ, phủ xanh đất trống đồi núi trọc; xây dựng các đề án bảo vệ môi trường và tăng cường quan trắc môi trường trong khu vực.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Khuyến khích toàn xã hội và các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài đầu tư cho sản xuất kinh doanh hướng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với các mục tiêu xã hội, phát huy được tiềm năng, lợi thế của thị xã.

- Quản lý tốt thị trường nhà và đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo vốn từ quỹ đất góp phần giảm chi phí đầu tư vào cho các nhà sản xuất.

- Nâng cao hiệu quả đổi mới doanh nghiệp nhà nước để các doanh nghiệp nhà nước phát huy hiệu quả trong phát triển kinh tế của huyện. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới; khuyến khích các thành phần kinh tế nước ngoài đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

- Tăng cường quản lý và giám sát việc sử dụng vốn theo quy định của pháp luật, kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm để bảo toàn và phát huy đồng vốn một cách hiệu quả.

- Tăng cường công khai tài chính, ngân sách các cấp, tiếp tục đổi mới chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện các chính sách xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển, thực hiện đổi mới cơ cấu đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp tư nhân, ngoài quốc doanh. Huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chủ yếu từ thu tiền sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, đấu thầu sử dụng đất đối với cá nhân, doanh nghiệp với vốn tự có, vốn cổ phần và vốn vay ngân hàng.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Kiên quyết không thỏa thuận đầu tư, cấp phép đầu tư, giao cấp đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với những dự án, công trình không nằm trong danh mục, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Tăng cường kiểm tra, giám sát và xây dựng các biện pháp cụ thể để quản lý, thực hiện kế hoạch sử dụng đất, khắc phục tình trạng dự án treo, sử dụng đất không hiệu quả; kiên quyết đề nghị thu hồi diện tích đất các dự án không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo quy định; không cấp phép đầu tư, giao đất đối với những dự án, công trình không có trong kế hoạch (ngoại trừ các công trình mang tính cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng).

4.4. Các giải pháp khác

- Từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch.

- Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác địa chính và quản lý đất đai, tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ vận hành.

Xây dựng mạng thông tin đất đai và khẩn trương nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai từ tỉnh xuống đến các xã và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về quy hoạch sử dụng đất các cấp, các dự án.

Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (viễn thám, GIS...), nhất là các chương trình có tác dụng nâng cao năng suất - chất lượng công tác quy hoạch, giúp triển triển khai nhanh và đồng bộ về quy hoạch giữa các cấp.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn chỉnh hệ thống các chỉ tiêu làm cơ sở đánh giá việc sử dụng đất liên quan đến kinh tế - xã hội và môi trường.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất thị xã Điện Bàn năm 2025 được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất cuối năm 2024, tiềm năng đất đai và các nguồn lực trên địa bàn.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Điện Bàn được xây dựng có cơ sở khoa học, khai thác lợi thế so sánh trong sử dụng tài nguyên đất đai, sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và không ngừng nâng cao việc bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường sinh thái nhằm khai thác sử dụng đất được lâu dài bền vững.

5.2. Kiến nghị

- UBND tỉnh xem xét phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Điện Bàn.

- Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, UBND thị xã chỉ đạo cho UBND các xã, phường và các ban ngành trong thị xã triển khai thực hiện kế hoạch nhằm sử dụng đất hiệu quả, đảm bảo tốt vai trò quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn thị xã.

PHỤ BIỂU

Biểu 01/CH
HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiến	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Dương	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phước
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... (24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		21.632,39	206,55	1.524,34	1.736,37	378,89	378,29	538,43	2.071,69	1.564,62	1.571,04	1.194,62	1.068,07	749,20	813,20	864,38	1.602,76	1.463,57	962,64	1.192,61	757,24	993,88
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.129,47	29,09	843,24	1.018,69	175,57	180,43	298,20	594,47	1.056,16	1.034,48	829,73	666,82	286,79	387,49	332,59	462,97	707,27	595,71	649,12	477,29	503,36
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.183,96	25,96	382,94	624,03	121,65	111,65	215,19	293,36	711,67	687,49	627,28	584,08	142,78	148,92	196,04	145,79	172,95	262,38	184,01	301,51	244,28
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	6.183,96	25,96	382,94	624,03	121,65	111,65	215,19	293,36	711,67	687,49	627,28	584,08	142,78	148,92	196,04	145,79	172,95	262,38	184,01	301,51	244,28
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK																					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.877,17	2,82	249,92	304,56	38,79	36,84	62,17	254,19	298,78	264,66	158,57	79,28	119,55	206,26	97,43	158,81	514,74	294,22	419,74	111,58	204,26
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	735,49	0,31	62,83	49,19	15,13	25,62	12,25	21,20	36,53	38,56	43,88	3,46	24,46	30,91	37,66	123,96	17,09	39,11	35,17	64,09	54,08
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	105,81		76,60							29,21											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	30,13		30,13																		
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>																					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	192,98		40,82	40,91		2,39	8,59	25,72	9,18	14,56				1,40	1,46	34,41	2,49		10,20	0,11	0,74
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																					
1.9	Đất làm muối	LMU																					
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,93					3,93															
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.597,84	176,30	628,43	701,03	201,66	196,63	235,23	1.426,98	476,34	441,86	358,24	397,15	443,25	390,63	438,86	1.094,86	511,91	318,95	471,83	266,25	421,45
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.662,26		265,37	372,99					221,98	177,97	157,44						172,31	110,14	184,06		
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.636,15	79,44			110,05	98,14	130,50	733,45				232,61	116,83	198,04	183,86	433,62				135,78	183,83
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,72	6,28	0,56	0,48	0,56	0,41	2,98	0,26	0,59	0,50	0,93	0,65	1,16	0,31	0,47	0,62	0,63	0,36	0,24	0,29	0,44
2.4	Đất quốc phòng	CQP	94,01	2,19	54,48	9,45			0,45	7,39					2,34	2,97	5,15	4,16			5,43		
2.5	Đất an ninh	CAN	3,03	2,13			0,07							0,08	0,21	0,07	0,33						0,14
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	188,97	18,75	9,50	9,03	5,32	9,89	4,71	27,45	4,35	7,79	6,85	5,63	5,24	5,22	12,25	15,00	6,96	5,92	5,80	15,72	7,59
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	12,18	5,16		0,72	0,31			1,00		0,38	0,85	0,43	0,37	0,34	0,88	0,21	0,20	0,20	0,19	0,19	0,75
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,54				0,05	0,49															

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiến	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phườn g Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phườn g Điện Nam Bắc	Phườn g Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Dương	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phườn g Điện Phươn g
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,62	2,64	0,36	0,31	0,16	0,13	0,10	0,30	0,15	0,23	0,40	0,12	0,73	2,89	0,11	0,27	0,25	0,10	0,16	0,05	0,16
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	112,53	4,00	3,48	5,03	3,26	5,54	2,01	25,06	2,93	5,45	4,08	5,03	3,37	0,84	8,68	12,13	2,78	3,99	2,78	8,20	3,89
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	53,99	6,85	5,66	2,97	1,54	3,73	2,60	1,08	1,27	1,73	1,52	0,05	0,77	1,15	2,58	2,39	3,73	1,63	2,67	7,28	2,79
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH																					
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT																					
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT																					
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																					
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,11	0,10						0,01													
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	814,93	2,61	39,06	65,11	10,14	17,38	16,77	191,37	1,95	1,92	2,80	3,86	153,45	35,67	63,34	174,74	4,28	6,49	0,26	3,12	20,61
-	Đất khu công nghiệp	SKK	258,26							71,84					153,36	33,06							
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	147,05		33,71	24,75	4,77	1,64	4,06								52,80	16,50	2,05	2,10			4,67
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT																					
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	325,18	2,45	0,83	13,60	0,89	2,07	12,71	106,20	1,95		1,52	2,44	0,09	1,44	10,54	157,67	0,87	0,38		2,13	7,40
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	74,85	0,16	4,52	26,76	3,68	13,67		13,33		1,92	0,79	1,42		1,17		0,57	1,36	4,01	0,26	0,99	0,24
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	9,59				0,80						0,49										8,30
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.971,01	48,02	127,70	113,59	35,98	41,05	61,12	241,74	119,59	151,15	88,27	118,42	85,32	93,04	73,51	200,07	91,39	70,57	62,95	77,82	69,71
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.665,73	39,74	110,70	97,72	29,16	32,47	35,21	210,68	99,84	141,51	83,37	106,85	63,45	73,64	59,07	168,69	76,86	58,08	51,38	67,12	60,19
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	159,89	0,89	9,42	13,05	4,47	2,69	24,49	3,36	18,26	7,14	3,28	5,95	6,11	5,61	10,03	3,97	11,34	9,23	9,46	8,25	2,89
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT																					
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC																					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	12,07	0,06	3,15	0,33		0,52	0,10	2,31	0,04			1,56				0,06	1,39	0,12	0,05		2,38

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiền	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phườn g Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phườn g Điện Nam Bắc	Phườn g Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Dương	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phườn g Điện Phươn g
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,30				0,03		0,03	2,87	0,15			0,04		0,12			0,04	0,02			
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,20		0,34	0,59	0,78	0,02	0,05	0,18		0,04	0,11	0,62		0,53			0,54		0,18	0,08	0,14
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,88	0,19	0,03	0,08	0,03	0,05		0,07		0,13	0,01				0,15	0,07	0,03	0,02			0,02
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	12,79	2,09	0,07	0,16		1,18		1,95	0,13	1,30	0,89		0,45	0,79	0,11	1,35	0,16	0,07	0,74		1,35
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	112,15	5,05	3,99	1,66	1,51	4,12	1,24	20,32	1,17	1,03	0,61	3,40	15,31	12,35	4,30	25,91	2,32	1,75	1,05	2,32	2,74
2.9	Đất tôn giáo	TON	11,62	0,90	0,77	0,91	0,34	0,35	1,30	0,56	1,47	0,61	0,14	0,29	0,26	0,21	0,39	0,48	0,15	0,35	0,43	0,91	0,80
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	40,59	0,75	1,29	2,73	1,37	0,94	2,33	2,59	2,33	1,42	0,93	2,36	1,37	0,29	0,68	2,39	4,30	2,62	4,33	3,95	1,62
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	754,03	0,02	62,37	54,06	27,70	23,65	6,96	127,21	45,10	9,80	7,84	7,87	61,92	31,71	68,65	164,09	10,15	11,87	27,58	4,74	0,74
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.402,51	15,21	67,33	72,68	10,12	4,82	8,11	94,96	78,98	90,70	93,04	25,38	15,15	23,10	30,23	99,69	221,74	110,63	180,75	23,92	135,97
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	136,54	6,37	11,17	11,31	2,24	0,15	2,45	9,71	7,61	9,53	14,62	2,74	3,23	7,42	0,47	8,93	8,81	6,01	11,57	10,33	1,87
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.265,97	8,84	56,16	61,37	7,88	4,67	5,66	85,25	71,37	81,17	78,42	22,64	11,92	15,68	29,76	90,76	212,93	104,62	169,18	13,59	134,10
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,01				0,01																
3	Đất chưa sử dụng	CSD	905,08	1,16	52,67	16,65	1,66	1,23	5,00	50,24	32,12	94,70	6,65	4,10	19,16	35,08	92,93	44,93	244,39	47,98	71,66	13,70	69,07
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	905,08	1,16	52,67	16,65	1,66	1,23	5,00	50,24	32,12	94,70	6,65	4,10	19,16	35,08	92,93	44,93	244,39	47,98	71,66	13,70	69,07
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS																					
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS																					
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS																					
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*																						

Biểu 04/CH
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm hiện trạng 2023	Diện tích kế hoạch 2024 được duyệt	Kết quả thực hiện năm 2024			Diện tích kế hoạch năm 2024 chưa thực hiện		
					Diện tích	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9) = (6)-(5)	(10)	(11) = (9)-(10)
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		21.632,39	21.632,39	21.632,39					
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.139,33	10.773,16	11.129,47	-9,86	2,69	356,31	324,78	31,53
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.187,00	6.027,32	6.183,96	-3,04	1,90	156,64	133,09	23,55
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	6.187,00	6.027,32	6.183,96	-3,04	1,90	156,64	133,09	23,55
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.883,31	3.756,08	3.877,17	-6,14	4,83	121,09	118,22	2,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	736,17	657,61	735,49	-0,68	0,87	77,88	73,43	4,45
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	105,81	105,81	105,81					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	30,13	29,47	30,13			0,66		0,66
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	192,98	192,94	192,98			0,04	0,04	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT								
1.9	Đất làm muối	LMU								
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,93	3,93	3,93					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.585,08	9.993,64	9.597,84	12,76	3,12	395,80	370,47	25,33
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.663,28	1.764,12	1.662,26	-1,02	1,01	101,86	100,11	1,75
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.634,22	2.643,45	2.636,15	1,93	20,91	7,30	-15,22	22,52
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,72	18,43	18,72			0,29	0,29	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	91,10	94,18	94,01	2,91	94,48	0,17	0,17	
2.5	Đất an ninh	CAN	3,03	4,35	3,03			1,32	1,32	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	188,65	191,86	188,97	0,32	9,97	2,89	0,19	2,70
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	11,83	12,86	12,18	0,35	33,98	0,68	0,68	
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,54	0,54	0,54					
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,62	12,34	9,62			2,72	0,02	2,70
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	112,56	113,32	112,53	-0,03	3,95	0,79	0,79	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	53,99	52,69	53,99			1,30	1,30	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH								
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT								

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm hiện trạng 2023	Diện tích kế hoạch 2024 được duyệt	Kết quả thực hiện năm 2024			Diện tích kế hoạch năm 2024 chưa thực hiện		
					Diện tích	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT								
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,11	0,11	0,11					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	809,82	934,45	814,93	5,11	4,10	119,52	119,32	0,20
-	Đất khu công nghiệp	SKK	258,26	258,26	258,26					
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	141,94	256,83	147,05	5,11	4,45	109,78	109,78	
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT								
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	325,18	335,09	325,18			9,91	9,91	
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	74,85	74,48	74,85			0,37	0,37	
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	9,59	9,79	9,59			0,20	0,00	0,20
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.964,30	2.155,89	1.971,01	6,71	3,50	184,88	180,88	4,00
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.658,10	1.776,98	1.665,73	7,63	6,42	111,25	111,25	
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	160,81	160,01	159,89	-0,92	115,00	0,12	0,12	
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT								
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC								
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	12,07	14,60	12,07			2,53	2,53	
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,30	4,47	3,30			1,17	1,17	
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,20	4,44	4,20			0,24	0,24	
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,88	0,88	0,88					
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	12,79	12,79	12,79					
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	112,15	181,72	112,15			69,57	65,57	4,00
2.9	Đất tôn giáo	TON	11,62	11,62	11,62					
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	40,59	40,20	40,59			0,39	0,39	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	754,44	756,18	754,03	-0,41	23,56	2,15	-2,49	4,64

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm hiện trạng 2023	Diện tích kế hoạch 2024 được duyệt	Kết quả thực hiện năm 2024			Diện tích kế hoạch năm 2024 chưa thực hiện		
					Diện tích	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.405,30	1.378,90	1.402,51	-2,79	10,57	23,61	18,37	5,24
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	137,77	129,34	136,54	-1,23	14,59	7,20	7,20	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.267,53	1.249,56	1.265,97	-1,56	8,68	16,41	11,17	5,24
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,01	0,01	0,01					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	907,98	865,59	905,08	-2,90	6,84	39,49	39,29	0,20
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	907,98	865,59	905,08	-2,90	6,84	39,49	39,29	0,20
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS								
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS								
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS								
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*									

Biểu 17/CH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiến	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Duơng	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phương
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... (24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		21.632,39	206,55	1.524,34	1.736,37	378,89	378,29	538,43	2.071,69	1.564,62	1.571,04	1.194,62	1.068,07	749,20	813,20	864,38	1.602,76	1.463,57	962,64	1.192,61	757,24	993,88
1	Đất nông nghiệp	NNP	10.766,03	24,07	813,00	988,57	174,12	179,00	297,99	512,93	1.044,47	1.029,23	793,92	664,92	236,20	365,64	314,32	436,37	694,00	592,69	649,08	464,52	490,99
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.993,89	21,01	375,54	603,61	120,35	110,22	215,19	263,95	705,58	682,56	611,44	583,58	94,66	148,89	195,14	129,37	165,69	260,18	184,00	290,37	232,56
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	5.993,89	21,01	375,54	603,61	120,35	110,22	215,19	263,95	705,58	682,56	611,44	583,58	94,66	148,89	195,14	129,37	165,69	260,18	184,00	290,37	232,56
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK																					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.778,41	2,75	244,72	301,99	38,79	36,84	61,96	215,32	293,18	261,34	145,72	77,88	119,55	197,48	91,27	154,19	508,73	293,40	419,74	109,95	203,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	659,39	0,31	45,19	42,06	14,98	25,62	12,25	7,94	36,53	38,56	36,76	3,46	21,99	17,87	26,45	119,91	17,09	39,11	35,14	64,09	54,08
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	105,81		76,60							29,21											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	30,13		30,13																		
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN																					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	191,47		40,82	40,91		2,39	8,59	25,72	9,18	14,56				1,40	1,46	32,90	2,49		10,20	0,11	0,74
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																					
1.9	Đất làm muối	LMU																					
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,93					3,93				3,00											
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	10.031,21	181,32	659,68	731,15	203,24	198,22	235,44	1.512,04	502,59	455,96	394,09	399,14	493,84	416,73	459,76	1.155,34	525,18	322,53	472,11	279,03	433,82
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.766,65		277,77	390,37					252,61	197,89	174,05						172,31	117,37	184,28		
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2.713,71	79,07			107,05	99,19	130,50	779,22				232,61	132,78	201,87	175,28	443,90				145,41	186,83
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,43	6,28	0,56	0,48	0,56	0,41	2,98	0,26	0,59	0,44	0,93	0,65	1,16	0,31	0,47	0,39	0,63	0,36	0,24	0,29	0,44
2.4	Đất quốc phòng	CQP	94,18	2,29	54,48	9,45			0,45	7,46					2,34	2,97	5,15	4,16			5,43		
2.5	Đất an ninh	CAN	4,52	2,26	0,18		0,07	0,23	0,21		0,17	0,12		0,08	0,21	0,07	0,33		0,10		0,15	0,20	0,14
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	187,81	19,00	9,50	9,03	5,16	10,10	4,71	27,45	4,35	7,91	6,85	5,72	5,34	5,22	12,32	11,83	6,96	5,51	5,65	16,51	8,69
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	12,86	5,16		0,72	0,31			1,00		0,50	0,85	0,43	0,37	0,34	0,88	0,21	0,20	0,76	0,19	0,19	0,75
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,64				0,05	0,49									0,10						
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,73	2,64	0,36	0,31	0,16	0,13	0,10	0,30	0,15	0,23	0,40	0,21	0,73	2,89	0,11	0,44	0,25	0,10	0,01	0,05	0,16

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiền	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Duơng	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phương
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	111,47	3,87	3,48	5,03	3,60	5,75	2,01	25,06	2,93	5,45	4,08	5,03	3,47	0,84	8,65	9,29	2,78	3,99	2,78	8,39	4,99
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	53,00	7,23	5,66	2,97	1,04	3,73	2,60	1,08	1,27	1,73	1,52	0,05	0,77	1,15	2,58	1,89	3,73	0,66	2,67	7,88	2,79
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH																					
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT																					
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT																					
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																					
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,11	0,10						0,01													
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	948,95	2,61	49,62	77,70	10,14	17,38	16,77	213,01	1,95	1,80	2,80	4,35	153,45	48,45	89,67	222,34	5,25	6,49	0,26	3,12	21,79
-	Đất khu công nghiệp	SKK	258,26							71,84					153,36	33,06							
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	246,02		44,27	30,67	4,77	1,64	4,06	21,64						12,22	79,13	36,65	3,02	2,10			5,85
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT																					
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	360,05	2,45	0,83	20,27	0,89	2,07	12,71	106,20	1,95		1,52	2,93	0,09	1,44	10,54	185,38	0,87	0,38		2,13	7,40
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	75,03	0,16	4,52	26,76	3,68	13,67		13,33		1,80	0,79	1,42		1,73		0,31	1,36	4,01	0,26	0,99	0,24
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	9,59				0,80						0,49										8,30
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.117,17	53,80	153,06	116,75	41,62	41,05	61,12	255,68	119,59	153,19	108,76	119,83	95,79	110,88	76,59	212,52	103,59	70,88	63,01	80,98	78,48
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.764,24	42,50	136,70	100,86	29,81	32,47	35,21	212,99	99,84	143,35	103,65	107,25	65,61	90,16	60,12	171,49	89,06	58,08	51,43	70,13	63,53
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	160,44	0,86	9,39	13,05	4,47	2,69	24,49	6,39	18,26	7,14	3,28	5,95	6,11	4,93	9,11	2,95	11,34	9,43	9,46	8,25	2,89
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT																					
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC																					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	13,84	0,06	3,15	0,33	0,32	0,52	0,10	3,51	0,04		0,20	1,56					0,06	1,44	0,12	0,05	2,38
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	4,47				0,03		0,03	2,87	0,15			1,04		0,12	0,17		0,04	0,02			

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vinh Điện	Xã Điện Tiền	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Duơng	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phương
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,17	0,01	0,34	0,61	0,28	0,02	0,05	0,18		0,24	0,12	0,63	0,06	0,53			0,54	0,07	0,19	0,08	0,22
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,88	0,19	0,03	0,08	0,03	0,05		0,07		0,13	0,01					0,15	0,07	0,03	0,02		0,02
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	12,79	2,09	0,07	0,16		1,18		1,95	0,13	1,30	0,89		0,45	0,79	0,11	1,35	0,16	0,07	0,74		1,35
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	156,34	8,09	3,38	1,66	6,68	4,12	1,24	27,72	1,17	1,03	0,61	3,40	23,56	14,35	7,08	36,58	2,32	1,74	1,05	2,47	8,09
2.9	Đất tôn giáo	TON	11,74	0,90	0,77	0,91	0,34	0,35	1,30	0,56	1,47	0,73	0,14	0,29	0,26	0,21	0,39	0,48	0,15	0,35	0,43	0,91	0,80
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	39,33	0,75	1,29	2,70	1,37	0,94	2,33	2,21	2,33	1,42	0,93	2,36	1,23	0,17	0,68	1,80	4,30	2,62	4,33	3,95	1,62
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	740,80	0,02	59,04	54,06	27,69	23,75	6,96	126,51	43,67	9,80	8,19	7,87	61,92	28,81	68,65	161,79	10,15	8,86	27,58	4,74	0,74
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.387,91	14,34	53,41	69,70	9,23	4,82	8,11	99,68	75,86	82,66	91,44	25,38	39,36	17,77	30,23	96,13	221,74	110,09	180,75	22,92	134,29
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	100,85	5,50	8,35	10,87	2,02	0,15	2,45	2,26	6,92	1,53	13,02	2,74	0,94	1,78	0,47	5,48	8,81	5,47	11,57	10,33	0,19
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.287,06	8,84	45,06	58,83	7,21	4,67	5,66	97,42	68,94	81,13	78,42	22,64	38,42	15,99	29,76	90,65	212,93	104,62	169,18	12,59	134,10
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,01				0,01																
3	Đất chưa sử dụng	CSD	835,15	1,16	51,66	16,65	1,53	1,07	5,00	46,72	17,56	85,85	6,61	4,01	19,16	30,83	90,30	11,05	244,39	47,42	71,42	13,69	69,07
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	835,15	1,16	51,66	16,65	1,53	1,07	5,00	46,72	17,56	85,85	6,61	4,01	19,16	30,83	90,30	11,05	244,39	47,42	71,42	13,69	69,07
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS																					
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS																					
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS																					

...

Biểu 18/CH
KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2025 CỦA THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vinh Điện	Xã Điện Tiền	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Duong	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phương
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
	Tổng		69,93		1,01		0,13	0,16		3,52	14,56	8,85	0,04	0,09		4,25	2,63	33,88		0,56	0,24	0,01	
1	Đất nông nghiệp	NNP																					
1.1	Đất trồng lúa	LUA																					
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC																					
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK																					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK																					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN																					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																					
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN																					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS																					
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																					
1.9	Đất làm muối	LMU																					
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH																					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	69,93		1,01		0,13	0,16		3,52	14,56	8,85	0,04	0,09		4,25	2,63	33,88		0,56	0,24	0,01	
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	24,64		1,00						14,56	8,85	0,04								0,19		
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	8,00					0,05		3,04						2,25		2,66					
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC																					
2.4	Đất quốc phòng	CQP																					
2.5	Đất an ninh	CAN	0,01																			0,01	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,78				0,13							0,09						0,56			
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,56																	0,56			
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH																					
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,09											0,09									
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,13				0,13																
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT																					

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiến	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Duơng	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Mính	Phường Điện Phương
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH																					
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT																					
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT																					
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																					
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK																					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	32,85														2,63	30,22					
-	Đất khu công nghiệp	SKK																					
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	10,63														2,63	8,00					
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT																					
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	22,22															22,22					
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC																					
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																					
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2,54		0,01					0,48						2,00					0,05		
-	Đất công trình giao thông	DGT	2,34		0,01					0,28						2,00					0,05		
-	Đất công trình thủy lợi	DTL																					
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT																					
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC																					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,20							0,20													
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA																					
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL																					
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV																					

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiến	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Duang	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phường
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH																					
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV																					
2.9	Đất tôn giáo	TON																					
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN																					
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	1,11					0,11									1,00						
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC																					
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC																					
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON																					
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																					

...

Biểu 19/CH
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 CỦA THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiền	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Dương	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phương
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
	TỔNG CỘNG		828,91	11,62	58,35	35,77	8,15	1,74	3,33	223,84	30,54	42,71	40,50	3,89	53,93	66,33	64,39	114,07	13,27	8,11	0,40	32,74	15,23
1	Đất nông nghiệp	NNP	393,30	6,66	30,24	26,34	1,52	1,43	0,21	110,48	11,35	8,25	35,81	2,18	46,14	21,85	22,79	26,61	13,27	3,02	0,01	12,77	12,37
1.1	Đất trồng lúa	LUA	194,14	5,50	7,40	17,64	1,37	1,43		34,21	5,75	4,93	15,84	0,52	45,89	0,03	0,90	20,40	7,26	2,20	0,01	11,14	11,72
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	194,14	5,50	7,40	17,64	1,37	1,43		34,21	5,75	4,93	15,84	0,52	45,89	0,03	0,90	20,40	7,26	2,20	0,01	11,14	11,72
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK																					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	118,14	1,12	5,20	2,57			0,21	56,34	5,60	3,32	12,85	1,50		8,78	9,16	2,38	6,01	0,82		1,63	0,65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	76,69	0,04	17,64	6,13	0,15			16,69			7,12	0,16	0,25	13,04	12,73	2,74					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,29							0,02								0,27					
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>																					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4,04							3,22								0,82					
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																					
1.9	Đất làm muối	LMU																					
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH																					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	387,42	4,95	27,10	9,43	6,50	0,15	3,12	108,59	4,63	25,61	4,65	1,62	7,79	40,23	30,97	84,58		4,53	0,15	19,96	2,86
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	54,68	1,13	8,96	6,25	0,87			3,34	0,08	16,69	1,85			0,54	5,42	9,55					
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	229,06	2,64			3,23	0,14	3,12	92,34				1,62	4,24	28,43	24,60	51,15				17,37	0,18
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,29									0,06						0,23					
2.4	Đất quốc phòng	CQP																					
2.5	Đất an ninh	CAN																					
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	5,24	0,13			0,50			0,12							0,03	3,34		0,97	0,15		
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH																					
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH																					
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,15																		0,15		
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,00	0,13													0,03	2,84					
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	2,09				0,50			0,12								0,50		0,97			

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiền	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Trung	Phường Điện Nam Đông	Phường Điện Dương	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phương
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH																					
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT																					
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT																					
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																					
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK																					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,78									0,12				0,40		0,26					
-	Đất khu công nghiệp	SKK																					
-	Đất cụm công nghiệp	SKN																					
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT																					
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD																					
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,78									0,12				0,40		0,26					
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																					
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	31,74	0,18	0,89	2,71	1,00			4,14		0,70	1,20		1,12	2,01	0,92	14,27		0,01		1,59	1,00
-	Đất công trình giao thông	DGT	26,32	0,15	0,25	2,71	0,50			3,78		0,70	1,20		1,12	1,33		11,99				1,59	1,00
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	3,05	0,03	0,03					0,36						0,68	0,92	1,03					
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT																					
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC																					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD																					
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA																					
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,50				0,50																
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV																					

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vinh Điện	Xã Điện Tiền	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phường Điện An	Phường Điện Điền Nam Bắc	Phường Điện Điền Nam Trung	Phường Điện Điền Nam Đông	Phường Điện Dương	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phương
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH																					
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,87		0,61												1,25		0,01				
2.9	Đất tôn giáo	TON																					
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,75			0,03				0,11					0,14	0,12		0,35					
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	13,28		3,33		0,01	0,01		0,75	1,43					2,90		1,84		3,01			
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	51,60	0,87	13,92	0,44	0,89			7,79	3,12	8,04	1,60		2,29	5,83		3,59		0,54		1,00	1,68
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	35,00	0,87	2,82	0,44	0,22			7,53	0,69	8,00	1,60		2,29	5,64		2,68		0,54			1,68
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	16,60		11,10		0,67			0,26	2,43	0,04				0,19		0,91			1,00		
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	48,19	0,01	1,01		0,13	0,16		4,77	14,56	8,85	0,04	0,09		4,25	10,63	2,88		0,56	0,24	0,01	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	48,19	0,01	1,01		0,13	0,16		4,77	14,56	8,85	0,04	0,09		4,25	10,63	2,88		0,56	0,24	0,01	
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS																					
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS																					
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS																					

Biểu 20/CH

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiến	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phư ờng Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phườ ng Điện Nam Trung	Phườn g Điện Nam Đông	Phường Điện Dương	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phương
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(24)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	363,44	5,02	30,24	30,12	1,45	1,43	0,21	81,54	11,69	5,25	35,81	1,90	50,59	21,85	18,27	26,60	13,27	3,02	0,04	12,77	12,37
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	190,07	4,95	7,40	20,42	1,30	1,43		29,41	6,09	4,93	15,84	0,50	48,12	0,03	0,90	16,42	7,26	2,20	0,01	11,14	11,72
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC/PNN	190,07	4,95	7,40	20,42	1,30	1,43		29,41	6,09	4,93	15,84	0,50	48,12	0,03	0,90	16,42	7,26	2,20	0,01	11,14	11,72
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK/PNN																					
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	95,76	0,07	5,20	2,57			0,21	38,87	5,60	0,32	12,85	1,40		8,78	6,16	4,62	6,01	0,82		1,63	0,65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	76,10		17,64	7,13	0,15			13,26			7,12		2,47	13,04	11,21	4,05			0,03		
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN																					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN																					
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN																					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,51															1,51					
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN																					
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN																					
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN																					
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp																						
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP																					
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP																					
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP																					

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																			
				Phường Vĩnh Điện	Xã Điện Tiến	Xã Điện Hòa	Phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Nam	Phường Điện Ngọc	Xã Điện Hồng	Xã Điện Thọ	Xã Điện Phước	Phur ờng Điện An	Phường Điện Nam Bắc	Phườ ng Điện Nam Trung	Phườn g Điện Nam Đông	Phường Điện Đương	Xã Điện Quang	Xã Điện Trung	Xã Điện Phong	Phường Điện Minh	Phường Điện Phương
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP																					
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn																						
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		50,85	0,16	6,15	2,74				4,50	4,55	8,34	0,05		0,01	5,84		13,76		4,53		0,22	
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 của Luật này	MHT/PNC																					
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	50,85	0,16	6,15	2,74				4,50	4,55	8,34	0,05		0,01	5,84		13,76		4,53		0,22	
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK																					
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK																					
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD																					

...

PHỤ LỤC
DANH MỤC ĐỀ NGHỊ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT NĂM 2025 THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư/ Văn bản ghi vốn thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng cộng		97,01			
	Danh mục đã được UBND tỉnh giao đất, nay thực hiện đấu giá đất hoặc giao đất tái định cư					
*	Đất ở tại đô thị					
1	Đấu giá Khu dân cư phía Nam Điện An	Phường Điện An	5,10	Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND Tỉnh Quảng Nam Về việc thu hồi đất, giao đất cho Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thị xã Điện Bàn để đầu tư hạ tầng và khai thác quỹ đất dự án Khu dân cư Nam Điện An tại phường Điện An và phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND thị xã Điện Bàn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
2	Đấu giá Dự án Khu dân cư chỉnh trang đô thị phường Điện An (Trạm y tế cũ)	Phường Điện An	0,02	Quyết định 1084/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh về Việc thu hồi đất; giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Điện An; thị xã Điện Bàn	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
3	Đấu giá đất ở khai thác tại Khu tái định cư Thương Tín	Phường Điện Nam Đông	0,05	Công văn số 595/UBND ngày 09/5/2017 của UBND thị xã Điện Bàn về việc thống nhất chủ trương xây dựng Khu tái định cư Thương Tín	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
4	Đấu giá đất ở khai thác tại khu vực nhà trẻ, nhà văn hóa 7A (cũ)	Phường Điện Nam Đông	0,03	Thông báo số 25/TB-BQL ngày 29/6/2017 của BQL Phát triển đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc về giới thiệu địa điểm	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
5	Đấu giá Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở - Khu 1	Phường Điện Nam Trung	1,68	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất; giao đất cho Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam xây dựng khu dân cư thu nhập thấp tại Đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc; Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh; bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh (Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất)	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
6	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khối phố Bồ Mung 1, phường Điện Thắng Bắc (Đất cơ sở sản xuất nước giải khát của Công ty TNHH Nước giải	Phường Điện Thắng Bắc	1,95	Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất của Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam do không còn nhu cầu sử dụng và giao	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư/ Văn bản ghi vốn thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
	khát Suntory Pepsico Việt Nam trước đây)			quỹ đất thu hồi cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Quảng Nam quản lý theo quy định;		
7	Đấu giá quyền sử dụng đất 10 lô (từ lô số 160/5 đến lô 160/14, tờ bản đồ số 10) thuộc Khu dân cư Hồ Biện Trên, khối phố Bồ Mung 2, phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Bắc	0,15	Công văn số 905/UBND ngày 04/4/2024 của UBND thị xã Điện Bàn v/v đấu giá quyền sử dụng đất tại dự án Khu dân cư Hồ Biện Trên thuộc khối phố Bồ Mung 2, phường Điện Thắng Bắc	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
8	Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Phong Lục Tây, xã Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn	Phường Điện Thắng Nam	0,24	Quyết định số 8090/QĐ-UBND ngày 4/10/2018 của UBND thị xã Điện Bàn về phê duyệt phương án khai thác quỹ đất để tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng; Quyết định số 76/QĐ- UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất; giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
9	Đấu giá tại Dự án Khu dân cư chỉnh trang đô thị phường Vĩnh Điện (Khối 1, các thửa: thửa 61/1, 61/2 tờ 8D, 92, 93, 94, 108, tờ 8D, thửa 152 tờ 7C, Khối 3, các thửa: 51/1, 52, 56, 79, tờ 12B, Khối 2, thửa 159/1, tờ 7A, Khối 5, thửa 75/1, tờ 07, thửa 80, tờ 07)	Phường Vĩnh Điện	0,34	Quyết định 5966/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND thị xã Điện Bàn về phê duyệt dự án Khu dân cư nông thôn mới; khu chỉnh trang đô thị để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn phường; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND thị xã Điện Bàn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
*	Đất ở tại nông thôn					
10	Đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Hà Đông và thôn La Thọ 2 tại xã Điện Hòa, thị xã Điện Bàn	Xã Điện Hòa	0,04	Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Về việc thu hồi đất; giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn để thực hiện phương án khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
11	Đấu giá Dự án Khu dân cư nông thôn mới để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã Điện Phước (thôn Nông Sơn 2 thửa 562, 676 tờ BĐ 06, Thôn Nhị Dình 1 thửa 381 tờ BĐ 04, Thôn Nhị Dình 1 thửa 1288, 1307, 1334 tờ bản đồ 04)	Xã Điện Phước	0,41	Quyết định 5960/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND thị xã Điện Bàn về phê duyệt dự án khu dân cư nông thôn mới để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã Điện Phước; Quyết định 1712/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại dự án Khu dân cư nông thôn mới; tạo nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã Điện Phước; thị xã Điện Bàn	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
12	Đấu giá đất ở khai thác các lô còn lại tại Khu TĐC Phong Thử 1 Điện Thọ	Xã Điện Thọ	0,60	Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư/ Văn bản ghi vốn thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
				khu tái định cư phục vụ xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; thôn Phong Thứ 1; xã Điện Thọ; thị xã Điện Bàn		
*	Đất thương mại, dịch vụ					
13	Đấu giá thuê đất tại khu đất đã bàn giao cho Công ty DakAn trước đây (theo Kết luận số 11/TL-TTT ngày 21/7/2023 của Thanh tra tỉnh)	Phường Điện Dương	0,37	Kết luận số 11/TL-TTT ngày 21/7/2023 của Thanh tra tỉnh Quảng Nam về việc giao đất xây dựng cho hộ gia đình, cá nhân và việc hợp thửa, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Phước Tiến	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
*	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản					
14	Đường dẫn vào và bãi tập kết cát sỏi tại Điện Phong (Đấu giá bãi tập kết)	Xã Điện Phong	1,00	Quyết định số 6840/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thị xã Điện Bàn về phê duyệt chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của HĐND thị xã Điện Bàn về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
	Danh mục đã có mặt bằng sạch nhưng chưa được UBND tỉnh giao đất, nay đề nghị giao đất					
*	Đất ở tại đô thị					
15	Giao đất để đầu tư hạ tầng và khai thác đất ở dự án Khu dân cư Khối 4, phường Vĩnh Điện và khối Bằng An Đông, phường Điện An, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Phường Điện An; Phường Vĩnh Điện	0,63	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của HĐND thị xã Điện Bàn về Dừng; điều chỉnh; bổ sung danh mục đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; Quyết định số 16679/QĐ-UBND ngày ngày 17/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
16	Giao đất Khu dân cư nông thôn mới phường Điện Minh (Bồng Lai, thửa 112, 129, tờ 07)	Phường Điện Minh	0,29	Quyết định 5956/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND thị xã Điện Bàn về phê duyệt dự án Khu dân cư nông thôn mới để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã Điện Minh	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
17	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu tái định cư thôn Phong Ngũ Đông	Phường Điện Thắng Nam	0,05	Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 của UBND huyện Điện Bàn phê duyệt báo cáo KTKT hạng mục khu tái định cư thôn Phong Ngũ Đông, xã Điện Thắng Nam; Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới
18	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu dân cư khối 3	Phường Vĩnh Điện	0,05	Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khối 3, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn; Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư/ Văn bản ghi vốn thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
				1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn		
19	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Tuyến đường vào CCN Trảng Nhặt	Phường Điện Thắng Trung	0,09	Quyết định 4091/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế BVTC và dự toán công trình Đường vào cụm Công nghiệp Trảng Nhặt, thị xã Điện Bàn; Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới
20	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu dân cư mới thôn 2A	Phường Điện Ngọc	0,06	Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 19/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam về thu hồi đất, giao đất cho Ban Quản lý các dự án khai thác quỹ đất huyện Điện Bàn để đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư mới thôn 2A, tại xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn; Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới
21	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu đô thị số 3 tại đô thị mới Điện Nam – Điện Ngọc	Phường Điện Ngọc	0,14	Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới
22	Giao đất Khu tái định cư di dời các hộ dân tại Xí nghiệp đình (cũ)	Phường Vĩnh Điện	1,60	Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 15/11/2019 của HĐND thị xã về điều chỉnh; bổ sung kế hoạch đầu tư công 2016 - 2020	UBND thị xã	chuyển tiếp
23	Giao đất dự án Chinh trang Khu dân cư trên khu đất thu hồi của Công ty TNHH Vĩnh Hải	Phường Vĩnh Điện	0,34	Quyết định số 4271/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về thu hồi của Công ty TNHH Vĩnh Hải	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
24	Giao đất các khu tái định cư cầu Nghĩa Tự phường Điện Dương	Phường Điện Dương	0,18	Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 15/11/2019 của HĐND thị xã về điều chỉnh; bổ sung kế hoạch đầu tư công 2016 - 2020	UBND thị xã	chuyển tiếp
25	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu dân cư Thôn 1	Phường Điện Dương	1,21	Quyết định 2611/QĐ-UBND ngày 08/7/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn 01, xã Điện Dương, huyện Điện Bàn; Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới
26	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu dân cư mới thôn 2A	Phường Điện Ngọc	0,06	Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 19/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam về thu hồi đất, giao đất cho Ban Quản lý các dự án khai thác quỹ đất huyện Điện Bàn để đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư mới thôn 2A, tại xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn; Thông báo	Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư/ Văn bản ghi vốn thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
				số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn		
27	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu đô thị số 3 tại đô thị mới Điện Nam – Điện Ngọc	Phường Điện Ngọc	0,14	Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới
28	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu tái định cư thôn Phong Ngũ Đông	Phường Điện Thắng Nam	0,05	Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 12/6/2012 của UBND huyện Điện Bàn phê duyệt báo cáo KTKT hạng mục khu tái định cư thôn Phong Ngũ Đông, xã Điện Thắng Nam; Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới
29	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Tuyến đường vào CCN Trảng Nhứt	Phường Điện Thắng Trung	0,09	Quyết định 4091/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế BVTC và dự toán công trình Đường vào cụm Công nghiệp Trảng Nhứt, thị xã Điện Bàn; Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới
30	Giao đất Khu Dân cư Sơn Xuyên	Phường Vĩnh Điện	0,08	Công văn số 1113/UBND-KTN ngày 15/11/2013 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phát triển bất động sản Khu dân cư Sơn Xuyên; Công văn số 1113/UBND-KTN ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh về giải quyết một số nội dung liên quan đến dự án Khu dân cư Sơn Xuyên; khối 3; phường Vĩnh Điện	Công ty CP Đầu tư xây dựng và PHTT Viễn thông	chuyển tiếp
31	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu dân cư khối 3	Phường Vĩnh Điện	0,05	Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khối 3, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn; Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới
*	Đất ở tại nông thôn					
32	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu tái định cư thôn Kỳ Lam	Xã Điện Thọ	0,17	Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của UBND huyện Điện Bàn Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, thôn Kỳ Lam, xã Điện Thọ, Huyện Điện Bàn; Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư/ Văn bản ghi vốn thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
				UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn		
33	Giao đất để thực hiện đấu giá đất dự án Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Thôn Đa Hòa Bắc (Khu 2) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Xã Điện Hồng	0,31	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND thị xã Điện Bàn về kế hoạch đầu tư công năm 2023; Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND thị xã Điện Bàn về Điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn thị xã Điện Bàn	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
34	Giao đất để thực hiện đấu giá đất dự án Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Khu Rộc Mẹo, thôn Cẩm Văn Tây, xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Xã Điện Hồng	0,28	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND thị xã Điện Bàn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND thị xã Điện Bàn về Điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn thị xã Điện Bàn	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
35	Giao đất để thực hiện đấu giá đất dự án Đầu tư khu dân cư nông thôn tại Thôn Đa Hòa Bắc (Khu 1), xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	Xã Điện Hồng	0,34	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND thị xã Điện Bàn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 29/11/2022 của HĐND thị xã Điện Bàn về Điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn thị xã Điện Bàn	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
36	Giao đất để thực hiện đấu giá đất Khu tái định cư thôn Kỳ Lam	Xã Điện Thọ	0,17	Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của UBND huyện Điện Bàn Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, thôn Kỳ Lam, xã Điện Thọ, Huyện Điện Bàn; Thông báo số 1572/TB-UBND ngày 22/7/2024; Thông báo số 1594/TB-UBND ngày 02/8/2024 và Thông báo số 1646/TB-UBND ngày 22/8/2024 của UBND thị xã Điện Bàn	Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn	ĐK mới
*	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
37	Giao đất Trụ sở UBND phường Điện An	Phường Điện An	0,37	Đăng ký để giao đất cấp giấy CNQS đất cho UBND phường Điện An	UBND phường	chuyển tiếp
*	Đất an ninh					
38	Giao đất Trụ sở công an phường Điện An	Phường Điện An	0,09	Đã xây dựng; đăng ký để giao đất; cấp GCN	Công an thị xã	chuyển tiếp
39	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Dương	Phường Điện Dương	0,10	Quyết định số 2314/QĐ-BCA ngày 2/6/2015 của Bộ Công an về việc thành lập công an phường; thị trấn thuộc tỉnh Quảng Nam	Công an thị xã	chuyển tiếp
40	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Nam Bắc	Phường Điện Nam Bắc	0,11	Thông báo số 409-TB/TU ngày 15/12/2022 của Thị ủy Điện Bàn về kết luận của Thường trực thị ủy tại buổi làm việc với Đảng ủy phường Điện Nam Bắc	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư/ Văn bản ghi vốn thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
41	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Nam Đông	Phường Điện Nam Đông	0,15	Đã xây dựng; đăng ký để giao đất; cấp GCN	Công an thị xã	chuyển tiếp
42	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Phương	Phường Điện Phương	0,14	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND thị xã Điện Bàn về kế hoạch đầu tư công năm 2023; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND thị xã Điện Bàn về Phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai năm 2022 thị xã Điện Bàn	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
43	Giao đất Trụ sở công an phường Điện Thắng Bắc	Phường Điện Thắng Bắc	0,07	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND thị xã Điện Bàn về kế hoạch đầu tư công năm 2023; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND thị xã Điện Bàn về Phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công triển khai năm 2022 thị xã Điện Bàn	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
*	Đất xây dựng cơ sở văn hóa					
44	Giao đất Nhà bia ghi danh Liệt sỹ phường Điện Thắng Trung	Phường Điện Thắng Trung	0,35	Nghị quyết 09/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND phường Điện Thắng Trung về phê duyệt chủ trương đầu tư công trình, tổng mức đầu tư 1,6 tỷ đồng	UBND phường	ĐK mới
*	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo					
45	Giao đất Trường mẫu giáo Điện An	Phường Điện An	1,00	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/12/2020 của HĐND thị xã Điện Bàn V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách triển khai trong năm 2021 thị xã Điện Bàn; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 13/5/2021 của HĐND phường Điện An V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách triển khai dự án Giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng trường mẫu giáo Điện An	UBND phường	chuyển tiếp
46	Giao đất mở rộng trường Phan Thành Tài	Phường Điện An	0,20	Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 18/2/2022 của UBND thị xã Điện Bàn về Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo thị xã Điện Bàn giai đoạn 2022 - 2026; định hướng đến năm 2030	UBND phường	chuyển tiếp
47	Giao đất trường mẫu giáo Điện Dương	Phường Điện Dương	0,45	Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND huyện Điện Bàn v/v chuyển trường Mẫu giáo bán công Điện Dương sang trường Mẫu giáo công lập Điện Dương	UBND phường	chuyển tiếp
48	Giao đất trường THCS Nguyễn Đức An	Phường Điện Nam Bắc	1,10	Giao đất theo hiện trạng	UBND phường	chuyển tiếp
49	Giao đất mở rộng Trường mẫu giáo Điện Nam Đông	Phường Điện Nam Đông	0,08	Nghị quyết 62/NQ-HĐND ngày 23/12/2023 của HĐND thị xã Điện Bàn Về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn	UBND phường	chuyển tiếp

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư/ Văn bản ghi vốn thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
				2021- 2025; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND thị xã về phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công năm 2022; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND thị xã về Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trường mẫu giáo Điện Nam Đông		
50	Giao đất Trường THCS Đinh Châu	Phường Điện Nam Đông	3,20	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của HĐND thị xã Điện Bàn về Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách triển khai trong năm 2021 của thị xã Điện Bàn	UBND thị xã	chuyển tiếp
51	Giao đất Trường tiểu học Nguyễn Huệ (Cơ sở 2)	Phường Điện Thắng Bắc	0,78	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 14/2/2023 của HĐND thị xã Điện Bàn về Việc quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công trên địa bàn thị xã Điện Bàn năm 2023 (đợt 1)	UBND xã phường	chuyển tiếp
52	Giao đất trường THCS Quang Trung	Phường Vĩnh Điện	0,69	Giao đất theo hiện trạng	UBND phường	chuyển tiếp
*	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao					
53	Trung tâm thể dục thể thao Bắc Quảng Nam (Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi nằm ngoài vạch GPMB)	Phường Vĩnh Điện	0,38	Công văn 5791/UBND-KTN ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh về thu hồi đất; bồi thường; hỗ trợ đối với phần diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khu thu hồi nằm ngoài vạch GPMB của dự án Trung tâm thể dục thể thao Bắc Quảng Nam; phường Vĩnh Điện; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND thị xã Điện Bàn về Kế hoạch đầu tư công năm 2024	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp
*	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên					
54	Giao đất Di tích nhà thờ Tộc Đình	Phường Điện Dương	0,04	Quyết định số 4451/QĐ-UB 30/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam coogn nhậ di tích lịch sử cấp tỉnh	UBND phường	ĐK mới
55	Giao đất Di tích Đình Lãnh Đông	Xã Điện Trung	0,19	Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 8/2/2007 của UBND tỉnh V/v xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh	UBND xã	chuyển tiếp
*	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản					
56	Đường dẫn vào và bãi tập kết cát sỏi tại Điện Ngọc (Đầu giá bãi tập kết)	Phường Điện Ngọc	1,00	Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thị xã Điện Bàn về phê duyệt chủ trương đầu tư	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Điện Bàn	chuyển tiếp

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư/ Văn bản ghi vốn thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích tại xã, phường					
57	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Thăng Nam quản lý	Phường Điện Thăng Nam	1,40	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Ban hành quy định về Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Hộ gia đình; cá nhân	chuyển tiếp
58	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường quản lý (cây hàng năm: 1,86 ha và đất lúa 15,13 ha)	Phường Điện An	16,99	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Ban hành quy định về Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Hộ gia đình; cá nhân	chuyển tiếp
59	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường quản lý tại khối phố Đồng Hạnh, Khúc Lũy, Uất Lũy (Đất lúa 4,17 ha, Đất cây hàng năm 24,56 ha, Đất nông nghiệp còn lại 5,93 ha)	Phường Điện Minh	34,66	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Ban hành quy định về Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Hộ gia đình; cá nhân	chuyển tiếp
60	Đấu giá cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích do UBND phường Thăng Bắc quản lý	Phường Điện Thăng Bắc	14,00	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Ban hành quy định về Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Hộ gia đình; cá nhân	chuyển tiếp
	Giao đất cho các trường hợp còn lại					
61	Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân do ảnh hưởng thiên tai sạt lở đoạn bờ sông Thu Bồn	Phường Điện An	0,02	Công văn số 923/CV-UBND ngày 24/5/2021 của UBND THỊ XÃ ĐB vv thống nhất vị trí di dời khẩn cấp hộ Lê Duy Toàn ra khỏi khu vực bị thiên tai sạt lở đoạn bờ sông Thu Bồn	Hộ gia đình; cá nhân	chuyển tiếp
62	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời tại xã Điện Hồng	Xã Điện Hồng	1,06	Quyết định số 2688/QĐ- UBND ngày 24 tháng 8 năm 2009 về tiếp nhận hộ di dời vào khu tái định cư trên địa bàn xã Điện Hồng; Quyết định số: 199/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2008 về phê duyệt Quy hoạch bố trí đất ở khu tái định cư cho nhân dân thôn Tư và thôn 5A xã Điện Hồng; Quyết định số: 3967/QĐ- UBND ngày 24 tháng 8 năm 2009 về tiếp nhận hộ di dời vào khu tái định cư tập trung tại xã Điện Hồng.	Hộ gia đình, cá nhân	chuyển tiếp
63	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện di dời tại xã Điện Quang	Xã Điện Quang	0,02	Quyết định số 2963/QĐ-UB ngày 21/10/1996 của UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng; danh sách trợ cấp kinh phí hộ di chuyển khỏi vùng ven sông bị sạt lở đợt 1/1997 do UBND huyện Điện Bàn ký xác nhận ngày 17/6/1997	Hộ gia đình, cá nhân	chuyển tiếp

Đơn vị tính: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư/ Văn bản ghi vốn thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
64	Giao đất ở cho hộ Võ Thị Tinh	Xã Điện Thọ	0,01	Thông báo kết luận số 57/TB-UB ngày 10/6/2005 của UBND huyện Điện Bàn về xử lý kết quả thanh tra thu; chi khai thác quỹ đất và một số nội dung có liên quan đến công tác quản lý đất đai tại xã Điện Thọ (mục số 3)	Hộ gia đình; cá nhân	chuyển tiếp

...

